



Muối vơ từ bờ bay ra đuổi theo xuống như những đám mây.

- Bơi ngược gió lên cái vịnh trên kia đi, An! Không thì nó... - Thằng Cò chưa nói hết câu đã phun nước miếng phèo phèo.

- Nó chui vô miệng mày hử ?

- Ừa... ủa...

- Tao hỏi nó chui vô mấy con rồi ?

Thằng Cò ự... ự... khạc nhổ rồi phun tiếp liên mấy cái, không đáp. Hai tay nó mắc giữ cây giầm kìm lái, nó cởi trần mà lại không thể buông giầm để dùng tay đập muối được, thành ra người nó cứ phải uốn éo, vắn qua vắn lại cho muối đỡ đốt. Tôi gác giầm mũi lên xuống, chạy đến vuốt vuốt khắp mình cho nó. Eo ôi, hai bàn tay nhớt nhớt, ướt đầy máu.

- Cố chịu đựng vài trăm thước nữa! - Thằng Cò cười hì hì. Hàm răng nó trắng đều như hạt ngô non, ánh lên trong đêm tối.

Xuống bơi ngược nước nghe ồ ồ, đi chậm như rùa. Hồi lâu, mũi xuống từ từ rẽ vào bờ, lủi vô một đám dừa nước tối đen. Thằng Cò đứng lên đằng sau lái, cầm giầm chống xuống đi len lách trong những lùm dừa nước có những chiếc bẹ khô ai đốn từ đời nào, nhô lên chơm chớm. Một lát sau, tôi sốt ruột quá bèn hỏi:

- Tới chỗ câu chưa, mậy?

- Tới rồi. Tao còn chọn chỗ nào ngon sẽ xuống mồi. Đây thôi. Được rồi.

Nó cho xuống đậu lại bên một tàu lá mọc nghiêng nghiêng:

- Thôi, sắp sửa môi đi! Thắp đèn lên.

- Có đây.

- Mày coi tao làm đây, coi mà bắt chước.

Nó với tay kéo tàu lá dừa quặt xuống, buộc chùm gai vào giữa sống lá. Tôi soi đèn, tay cầm lon môi. Nó làm thoăn thoắt, coi bộ thành thạo lắm. Con môi nướng bị lưới câu móc suốt từ đầu đến gần chót đuôi, còn chừa ra một tí đuôi cho rấn dễ nhâm. Nó kéo quần tàu lá xuống, vừa đủ cho con môi treo lơ lửng cách mặt nước non ngang ngón tay.

- Biết để làm gì không? Thế này thì cá lóc hết phương chồm lên phá môi. Hì hì! Mày chống xuống thay tao, để tao ngồi mũi buộc câu cho.

Tôi giấu môi hứ một tiếng:

- Không. Để tao buộc. Tao buộc được... Tưởng thứ gì khó kia!

Nó ngấm nghĩ một chốc:

- Thôi được! Cho mày làm thử một cái thôi nhá!

Tôi cười cười:

- Ừ, mà hề chừng có rấn mắc câu, tao sẽ giao cho mày bắt!

Hơn chục con môi đã xuống rồi. Thằng Cò thở ra một hơi dài khoan khoái:

- Vái trời phật cho trúng bữa câu!



- Lần nào mà cũng khẩn thế à?

- Không. Vì bữa nay có mây. Trúng một bữa câu, để cho mây thấy, mây lác mắt chơi vậy mà... Thôi, bây giờ ta ngủ đi.

Nó nói xong, lập tức chui vào nóp. Tôi ngồi bên mẻ hun, quạt cho đỡ muỗi. Hơi nước bốc lên lành lạnh. Im lặng quá. Không có một tiếng vạc sành kêu cho đỡ buồn. Lâu lắm, mới có bầy cá heo⁽¹⁾ lục ục lẹc ẹc bầu dưới lườn xuống ăn rêu. Rồi bầy cá cũng lụi đi. Chỉ còn tiếng lách bách của hai bàn tay tôi đập muỗi.

Thằng Cò cựa quậy rột roạt trong nóp rồi chui ra:

- Mày không ngủ hử? Ngồi đái muỗi sao, An?

- Không!

- Sao coi mày buồn vậy?

- Tao nhớ nhà... - Tôi thở ra, không nói nữa.

Thằng Cò tiu ngửu, bèn nói lảng.

- Mày đừng sợ nhá! Để chừng bắt được con rắn bự, tao bẻ răng nó cho mày coi. Ờ, mà muỗi nhiều đa!

Nói xong, nó lẩn lưng móc ra một cái vỏ diêm. Nó rút ra một que, đút vào phân nửa, đoạn nó đóng bao diêm lại. Một tay cầm vỏ diêm, một tay cầm đầu que diêm phía ngoài, nó bắt đầu kéo ra kéo vô nghe két... két... kít... kít...

(1) Một loại cá to hơn ngón chân cái, đuôi đỏ, mình vàng xen kẻ nhiều sọc ngang xanh, không vảy rất đẹp, chứ không phải cá heo lớn ở biển.

- Làm cho muỗi sợ. Nó tưởng dơi. Hi... hi...

Tôi cũng cười theo nó và lần mò tới ngồi gần bên, coi trò chơi lý thú của nó bày ra. Quả thật, muỗi nghe kết... kết... kít... kít, sợ gập đàn dơi, vo ve dần bay đi hết. Tôi ngồi tựa vào lưng thằng Cò một lúc, thiu thiu buồn ngủ. Thằng Cò ngáp một hồi, tay buông cái vỏ diêm ra. Hai đứa ôm nhau nằm còng queo giữa xuồng.

Dầu canh hai, trăng từ từ mọc lên bên kia dải rừng, to như một cái nong. Tôi mở mắt ra, sờ tay thấy sương thấm ướt khắp người. Trong lớp sương đục nhờ nhờ, vầng trăng đỏ như một cái lòng đỏ trứng khổng lồ. Càng lên cao, vầng trăng càng bé lại. Nhìn qua be xuống, thấy nước gợn lăn tăn... Tôi vừa thiu thiu chợp mắt lại, bỗng nghe thằng Cò vụt nhồm dậy:

- Dậy mau! Dậy mau! Dính một con rồi.

- Tao vừa thức đây mà. Có thấy quái gì đâu?

- Mày biết cái con khỉ gì! - Nó quất tôi.

Tôi lập tức đánh diêm thắp ngọn đèn soi. Tay tôi run quá, tim cứ đập thành thành. Thằng Cò ấn cây giẫm vào tay tôi, ra hiệu cho tôi chống xuống tới. Nó cầm cái mác trong tay, một tay đưa đèn lên soi phía trước. Ô, kia rồi! Tàu lá dừa nước như bị ai kéo cứ dập lên dập xuống, làm nước bắn tung tóe. Tiếng dây câu nghiêng kìn kịt trong tiếng lá đập xuống nước nghe kinh quá!

Tôi kêu "oái" một tiếng, đứng chết sững: một con rắn rắn ri cóc to cỡ bắp chân người lớn đang



vùng vẫy uốn mình lên quán lấy chùm dây câu. Cái miệng nó há ra, đầy răng chom chồm. Chỗ ngạnh lưỡi câu mắc bên mép, máu chảy giọt giọt xuống nước. Mỗi lần con rắn vặn mình cố siết cho đứt chùm dây câu, da nó nở ra, vồng lên như gai mít. Thằng Cò buông mác, thò tay nắm đuôi con rắn. Con rắn tháo ra, quán một khúc vào cổ tay thằng Cò. Thằng Cò chop ngang lưng con rắn, bàn tay nó bé quá tuột ra vì không nắm hết. Con rắn càng gồng mình siết chặt cổ tay thằng Cò. Mồ hôi tươm ra ướt trán, chảy ròng ròng xuống má, nó bặm môi, cứ mặc thế, ngửa người ra sau lồi nguyên con rắn mắc câu vào xuống.

- Coi chừng nó cắn chết à, Cò! - Tôi thè lưỡi nhích ra xa.

- Cẩn quý gì nữa! Mà thứ rắn này cắn cũng như chó cắn thôi. Đưa miệng giở lại đây, mau mau đi!

Tôi kê miệng giở hứng con rắn. Thằng Cò ghé răng cắn vào cái đuôi con rắn một cái⁽¹⁾, con rắn đau quá, vội tháo ra khỏi cổ tay thằng Cò, tuột gọn vào lòng giỏ. Thằng Cò một tay đập nắp, một tay chụp cái mác chặt hai đầu sống lá. Cả khúc sống lá chùm dây câu và con rắn đảo lộn, quấy soàn soạt trong giỏ.

(1) Chỗ yếu của loài rắn là ở chót đuôi. Người đi rừng lâu bị con rắn hoặc con rắn to quán, cứ cắn vào chót đuôi, nó sẽ tháo ra ngay.

- Hi... hi... Da con này lột ra phơi, bán bộn tiền. Mai chúng mình bảo má nấu nồi ca-ri ăn chơi!

Con rấn to nhưng cái đầu nó chỉ bé như quả bàng thôi. Hai con mắt đục lừ lừ nhìn ngọn đèn soi. Thằng Cò hé nắp giỏ chộp cổ con rấn tháo lưỡi câu ra, lôi khúc sống lá dính chùm dây câu ra khỏi giỏ rồi thông thả đẩy nắp, gài chốt lại.

- Để tao thử con rấn cho mày coi! - Nói xong, nó thọc một tay vào mắt giỏ gãi gãi lên lưng con rấn. Khi con rấn quay ngoắt lại toan mổ vào ngón tay thì thằng Cò đã rút ngón tay ra rồi.

- Cu cậu bị ót cay, sưng cả miệng đấy, mày thấy không? Vậy, mình mới dễ bẻ răng. Mà nó cũng chẳng cắn mổ gì được nữa...

Tàu lá đang kia bỗng rung lên sàn sạt. Thằng Cò reo lên:

- Sướng rồi! Dính một con nữa rồi!

Tôi chụm chân nhẩy dõm dõm trên xuống, làm chiếc xuống nghiêng qua lắc lại tí nữa là chìm.

- Ấy là nhờ mình buộc chùm dây câu vào sống lá, phải không Cò? Chứ đến cần câu to bằng cây tre đi nữa thì nó vẫn nhỏ được và lôi đi tuốt tuột, mày nhỉ!

- Con này của mày đó, An nhá! Của mày buộc câu mà!

- Ủ, tao làm cũng được, khó gì mà! Nhưng mà... con này mày cứ bắt nữa đi, Cò ạ. Để tao



xem mày bắt vài trăn nữa đã. Chừng có con khác mắc câu, tao bắt thả cho mày coi, có được không?

Tàu lá đang bị kéo ghì xuống nước bỗng bật tung trở lên.

- Thôi chết cha tôi rồi, An ơi! Mày buộc làm sao mà nó mới kéo có mấy cái đã tuột luột rồi!

Tôi không biết nói ra sao, tay buông giẫm rơi xuống xuống cái đập, nhìn theo những giọt nước từ trên tàu lá đổ xuống ròng rọc, tiếc ngẩn tiếc ngơ.

9

ĐI LẤY MẬT

Buổi sáng, đất rừng thật là yên tĩnh. Trời không gió, nhưng không khí vẫn mát lạnh. Cái lành lạnh của hơi nước sông ngòi, mương rạch, của đất ẩm và dưỡng khí thảo mộc thở ra từ bình minh. Ánh sáng trong vắt, hơi gợn một chút óng ánh trên những đầu hoa tràm rung rung, khiến ta nhìn cái gì cũng có cảm giác như là nó bao qua một lớp thủy tinh.

Tía nuôi tôi đi trước, bên hông lưng lẳng chiếc túi da beo, lưng mang cái gùi bằng tre

đan đã trát chai⁽¹⁾, tay cầm chà gác⁽²⁾. Lâu lâu, ông vung tay lên một cái, đưa con dao rừng rất sắc phạt ngang một nhánh gai và dùng cái mấu cong ở đầu lưỡi dao dài có đến sáu bảy tấc ấy lôi phăng nhánh gai chắn đường vút ra một bên để lấy lối đi. Thằng Cò đội cái thùng to tướng, trong thùng đựng một vò nước, mấy gói cơm nắm và cái áo ướt mồ hôi nó vừa cởi ra cuộn lại, trên thùng úp chiếc nón lá rách. Tôi đã chen vào giữa, quảy tòn ten một cái gùi bé mà má nuôi tôi đã bơi xuống đi mượn của nhà ai ngoài xóm bìa rừng từ chiều hôm qua. Con Luốc chạy tung tăng sục sạo trong các bụi cây.

Lần đầu tiên tôi theo tía nuôi tôi và thằng Cò đi "ăn ong" đây! Mấy hôm trước, má nuôi tôi đã kể tỉ mỉ cho tôi nghe cách gác kèo ong thế nào, nhưng tôi vẫn chưa hình dung được "ăn ong" ra sao. Những điều má nuôi tôi kể, trong các sách giáo khoa không thấy nói. Khoa học tự nhiên ở trường chỉ mới cho tôi một khái niệm chung chung về xã hội loài ong, về những lợi ích của con ong, đại khái vậy thôi. Hiển nhiên từ những thời xa xôi thuở con người ăn lông ở lỗ cho đến ngày nay, người ta vẫn đi tìm lấy mật rừng bằng cách theo dấu đường bay của những con ong về tổ. Người ta phải khó nhọc lắm mới đưa được con ong rừng về nuôi thành

(1) Một loại dầu nhựa cây.

(2) Dao đi rừng của người Kơ-me.



con ong nhà, vì như thế, việc lấy mật sẽ dễ dàng và bảo đảm hơn.

Trong kho tàng kinh nghiệm của những nhà nuôi ong trên thế giới ghi chép trong các sách vở mà tôi được nghe thầy giáo tôi kể, không thấy có nơi nào nói đến việc lấy mật bằng cách gác kèo như má nuôi tôi đã bảo cho tôi nghe vừa rồi.

- Thôi, dừng lại nghỉ một lát. Bao giờ thằng An đỡ mệt, ăn cơm xong hẵng đi! - Tía nuôi tôi ra lệnh cho chúng tôi như vậy.

Quả là tôi đã mệt thật. Tía nuôi tôi chỉ nghe tôi thở đằng sau lưng ông thôi mà biết chứ ông có quay lại nhìn tôi đâu! Chúng tôi đã bơi xuống đi từ lúc gà vừa gáy rộ canh tư. Thằng Cò thì coi bộ chưa thấm tháp gì. Cặp chân của nó như bộ giò nai, lội suốt ngày trong rừng còn chả mùi gì nữa là!

Tía nuôi tôi ngồi tựa lưng vào một gốc cây ngái, nhồi thuốc lá vào tẩu. Con chó săn trung thành bao giờ cũng ngồi bảo vệ bên chân chủ. Thằng Cò bưng vò nước ra, ngửa cổ kê miệng vào vò uống nước ừng ực. Bỗng nó đặt vò nước xuống, thúc vào lưng tôi:

- Đố mày biết con ong mật là con nào?

Hỏi xong, nó đưa tay trở lên phía trước mặt. Tôi đảo mắt nhìn khắp nơi vẫn không thấy gì. Rừng cây im lặng quá. Một tiếng lá rơi lúc này cũng có thể khiến người ta giật mình. Lạ quá chim chóc chẳng nghe con nào kêu. Hay vẫn có

tiếng chim ở một nơi xa lắm, vì không chú ý mà tôi không nghe chẳng?

Cao quá đầu tôi một với tay, có những chấm đen không nhúc nhích. Đó là ruồi xanh đang bay đứng. Óng ánh lướt những lá bông sùng dưới vũng kia là con chuồn chuồn bay ngang với những cánh mỏng và dài. Bé như hạt khế, cứ lắc lư lắc lư từ đất nhoi lên và đập vào một cành ngải khô trên đầu tía nuôi tôi là điệu bay của con mỗi cánh.

- Chịu thua mày đó! Tao không thấy con ong mật đâu cả.

Thằng Cò nghe tôi chịu thua, nó bèn vénh mặt lên cười, quay sang tôi:

- Bây giờ mày cứ nhìn kỹ vào khoảng cách giữa hai nhánh tràem cao kia! Ồ! Đúng rồi. Nhìn một chỗ trống ấy thôi nhá. Nó tới liền bây giờ!

Đã lâu lắm mà sao tôi chưa thấy gì cả. Tôi vừa toan đứng dậy thì tía nuôi tôi đã đến cầm tay tôi trở lên:

- Đó, con thấy nó chưa?

- Thấy rồi!

Tôi kêu khe khẽ. Ồ, phải rồi! Phải hết sức tinh mắt, thính tai mới tìm được những tay sứ giả của bình minh này. Một con... hai con... ba con... Rồi một đàn mười mấy con bay nối nhau như một xâu chuỗi hạt cườm, trong những tầng xanh cây lá, có một cái chấm nâu đen cỡ đầu đũa vụt qua rất nhanh. Trên những ngọn tràem cao, đang lướt qua một đàn li ti như nắm trấu



bay, phát ra những tiếng kêu eo... eo... eo... eo... Tiếng kêu thật nhỏ, không chú ý theo dõi thì không thể nghe được.

Chúng tôi gỡ những nắm cơm vắt ra. Ăn xong, bảy giờ bóng nắng mới bắt đầu lên. Gió cũng bắt đầu thổi rạo rạo theo với khối mặt trời tròn đang tuôn ánh sáng vàng rực xuống mặt đất. Một làn hơi đất nhè nhẹ tỏa lên, phủ mờ những bụi cây cúc áo, rồi nhè nhẹ tan dần theo hơi ấm mặt trời. Phút yên tĩnh của rừng ban mai dần dần biến đi.

Chim hót líu lo. Nắng bốc hương hoa tràn thơm ngây ngất. Gió đưa mùi hương ngọt lan ra, phảng phất khắp rừng. Mấy con kỳ nhông nằm vươn mình phơi lưng trên gốc cây mục, sắc da lưng luôn luôn biến đổi từ xanh hóa vàng, từ vàng hóa đỏ, từ đỏ hóa tím xanh... Con Luộc động đập cánh mũi rón rén mò tới. Nghe động tiếng chân con chó săn nguy hiểm, những con vật thuộc loài bò sát bốn chân, to hơn ngón chân cái kia, liền quật chiếc đuôi dài chạy tứ tán. Con núp chỗ gốc cây thì biến thành màu xám vỏ cây. Con đeo trên tấm lá ngái thì biến ra màu xanh lá ngái.

Chúng tôi tiếp tục đi tới một cái trảng rộng. Giữa vùng cỏ tranh khô vàng, gió thổi lao xao, một bầy chim hàng nghìn con vụt cất cánh bay lên. Chim áo già màu nâu, chim mạnh mẽ mỏ đỏ bóng như màu thuốc đánh móng tay, lại có bộ lông xám tro điểm những chấm trắng

chấm đỏ li ti rất đẹp mắt... Những con chim nhỏ bay vù vù kêu líu ríu lượn vòng trên cao một chốc, lại đáp xuống phía sau lưng chúng tôi.

- Chim đẹp quá. Cò ơi! - Tôi tắc lưỡi, kêu lên.

- Thứ chim cỏ này mà đẹp gì!

- Ở đây, chim nhiều quá. Bữa nào tội mình đi bắn một bữa đi.

- Thứ đồ bỏ, không ăn thua gì đâu. Mà mà gặp "sân chim" thì mà sẽ biết...

Nó nói một cách lơ là như vậy rồi cứ cắm cúi đội cái thùng đi. Tôi muốn hỏi về cái "sân chim", nhưng vì tự ái và nghĩ nếu mình gặp cái gì cũng hỏi thì nó sẽ khinh mình dốt, bèn im im đi tới.

Lội qua mấy vũng lầy sâu quá gối, chúng tôi đã đến chỗ lấy mật.

Tía nuôi tôi ngồi xuống, dáng rất ung dung. Ông tháo miệng túi da beo ra, bỏ cái tẩu vào. Rồi ông xé mảnh giấy nhật trình cũ, cuộn một điều thuốc lá to bằng ngón chân cái, bật lửa lên đốt hút.

- Sắp lấy mật đa, này An! - Thành Cò trở điều thuốc lá to tổ bố đang cháy như cây đuốc kia, bảo tôi.

Tôi chẳng hỏi gì thêm, cứ lặng thinh. Nó cũng không thèm chú ý đến vẻ mặt khó đăm đăm của tôi, cứ nắm tay tôi lôi đi, lại còn khoát tay ra hiệu bảo tôi đi thật khẽ. Tôi nhìn theo



ngón tay nó trở lên một kèo ong gác trên cây tràm thấp. Tổ ong kia rồi!

Sự mừng rỡ làm tôi quên phất cái bực mình vừa qua. Tôi lại hỏi:

- Sao biết nó về cây này mà gác kèo?

- Thằng mau quên hé! Vậy chờ mấy bữa nay, má nói gì cho mày nghe đó? - Nó chành môi ra cười hì hì, trông cái miệng thấy ghét quá.

Tôi ngược nhìn tổ ong như cái thúng, lúc nhúc không biết bao nhiêu ong, dần dần nhớ lại lời má nuôi tôi kể.

"... Rừng thì mênh mông, biết bao nhiêu cây! Một cây còn biết bao nhiêu nhánh! Biết con ong sẽ đóng tổ ở cây nào, nhánh nào? Có phải bạ chỗ nào nó cũng gởi mật đâu! Nhưng làm nghề nào rồi khắc sẽ thạo nghề ấy, con ạ! - Má nuôi tôi đưa mắt trông ra những bụi cây bình bát đại mọc quanh hè, ngấm nghĩ một lúc rồi nói tiếp: - Gió thổi có hướng, cây tốt cũng có vùng. Chọn được vùng rừng tốt, biết rằng đến mùa xuân tràm sẽ kết nhiều hoa, mình mới định chỗ gác kèo. Phải xem hướng gió, tính trước đường bay của ong mật. Đó là những chỗ "ấm", cây dày, không bị ngọn gió thốc thẳng vào và ít khi có những dấu chân người đi bắt rắn, người đốn củi đến..."

- Kèo là gì, hở má?

- Ồ, kèo cũng là nhánh tràm thôi. Nó to cỡ cổ tay, mang nhiều nhánh con tua tủa vào quăng

giữa. Mình chặt lấy một khúc dài non thước tây, một đầu có cái nhánh con dùng làm cái mấu. Chọn được vùng rồi, còn phải chọn cây: cây nào vừa kín, vừa im, có ít nhiều bóng nắng kia! Con ong không thích đóng chỗ rợp. Ở những nơi đó, bao giờ mật cũng chua, dễ bị ảm. Gác chiếc kèo chênh chếch lên cây tràm xong, phải "rửa"⁽¹⁾ bớt những nhánh chung quanh để khi lấy mật khỏi vướng. Kèo chặt vào khoảng giữa thánng mười một. Những cơn mưa muộn sẽ rửa hết mùi sắt ở hai đầu kèo bị dao rửa chặt, và nhánh kèo cũng đủ thời gian khô đi, cũ đi, giống với những nhánh khô khác trên cây. Kèo nào còn mùi sắt của con dao mới chặt thì con ong mật chúa ky, nó không bao giờ đóng tổ đâu...

- Cõi bộ cũng không khó lắm hở má?

Má nuôi vò đầu tôi, cười rất hiền lành. Tôi cũng cười theo. Bà dặng háng, nói:

- Chẳng dễ đâu, con ạ! Nhiều người trở thành "dân ăn ong"⁽²⁾ đã năm mười năm trong nghề, vậy mà gác kèo xong tới mùa mật, mang gùi lên lưng vào rừng, lại mang gùi không trở về.

- Ủa! Tại sao vậy, má?

- Định không đúng chỗ, đoán sai hướng gió chứ sao!...

(1) Chặt sạch.

(2) Những người chuyên nghề lấy mật.



Mất tôi vẫn không rời tổ ong lúc nhúc trên cây tràm thấp kia.

Tía nuôi tôi đã đi lần tới, đứng phía trên hướng gió. Ông hít một hơi cho điếu thuốc đỏ lên, và từ từ đưa đầu khói cháy lại gần tổ ong. Quả thật! Thảo nào người ta hay nói "như ong vỡ tổ"! Ong vỡ tổ là lúc này đây. Không biết cơ man nào là ong. Chúng bay vù vù, đen ngòm, loạn xạ, thành một vầng đen như cái chiếu.

Bỗng thằng Cò kêu "oái" một tiếng, hai tay vò trán lia lịa:

- Có ong sát, tía ơi! Nó đánh con một vết đây nè!

Tôi nhanh trí ngược hướng gió chạy ra xa để tránh bầy ong, và nhân thể bứt vôi vàng một nắm cỏ tranh và sậy khô đưa lại cho tía nuôi tôi:

- Tía ơi, đốt nó đi, tía!

Tía nuôi tôi mỉm cười, khoát khoát tay:

- Đừng! Không nên giết ong, con à! Để tía đuổi nó cách khác...

Tía nuôi tôi mở túi da beo, lấy vôi bôi chỗ vết ong đốt trên trán cho thằng Cò. Đoạn ông mở gói giấy, lấy ra cục a ngù - cái thứ thuốc dẻo quánh, màu vàng xỉn mà tôi đã thấy dạo trước - véo một miếng gắn vào đầu một cọng sậy. Ông bảo tôi bật lửa lên, rồi đốt cháy miếng thuốc. Khói vị thuốc bốc hơi quá! Tôi chóng mặt ọ ọ luôn mấy cái, tưởng đã nôn rồi. Tía nuôi tôi cầm cọng sậy có gắn miếng thuốc bốc khói đưa

lên kê vào gần tổ ong. Bầy ong hoảng hốt nổi nhau bay mất không còn một con.

Trên nhánh kèo khô còn trơ lại cái tàn ong sập trắng to bằng chiếc nón, nặng trĩu những mật vàng. Tía nuôi tôi rướn chân lên, gượng nhẹ đỡ nhánh kèo xuống. Ông vắt mật vào cái gùi của tôi, còn sáp thì ném vào cái thúng của thằng Cò, thấy tôi vét một tí mật dính chỗ miệng gùi đưa lên mút, thằng Cò cười hì hì:

- Cho mày ăn thả cửa! Cứ uống no đi. Chỉ sợ mày say không đi được thôi!

Mặt nó nhăn nhó, mấy vệt vôi trắng trắng bôi vào giữa trán dùm đó lại coi như mặt hề.

- Mày có thấy khỉ ăn ớt chưa hở Cò? - Tôi hỏi nó.

- Ồ! Cho mày cười tao... Chốc nữa, trời xui đất khiến, gặp con ong lỗ nó táng cho mày một vệt, rồi mày sẽ biết.

Từ sáng sớm đến gần lúc về chiều, tía nuôi tôi đã gõ hơn năm mươi kèo ong. Mật đầy cả hai gùi. Tôi mang gùi mật óc ách đằng sau lưng mà vẫn cảm thấy nhẹ tênh, và tiếc cái gùi bé quá.

- Một tổ nữa kia, tía ơi!

- Thôi để mai. Chà, năm nay mật trúng lắm! Sáng mai phải mang vài thùng thiếc nữa mới lấy hết mật. Mình mới lấy chưa được nửa số kèo đã gác mà! - Tía nuôi tôi vừa nói vừa đưa bàn tay dính đầy mật ra cho con chó săn liếm.



Chúng tôi tháo gùi, đặt đồ lễ xuống bên một gốc cây. Cần phải nghỉ, ăn cơm cho lại sức trước khi trở về...

- Tía ơi! Ở đây có gấu không, tía? - Tôi hỏi.
- Rừng này không có gấu đâu. Con sợ à?
- Không! Con hỏi thế thôi. Gấu nó hay ăn mật lắm. Có gấu, nó sẽ lấy hết mật của mình chứ!

- Ủ, nhưng mà ăn mật thì chẳng lo. Ăn làm sao hết được mật rừng U Minh này! Chỉ lo... nó ăn con ong thôi!

- Gấu cũng ăn con ong à?
- Không! Những con khác kia. Chuồn chuồn này, bộ ngựa này, nhện này... và còn bao nhiêu thứ chim chóc khác nữa! Cả con ó rần cũng ăn ong. Chỉ vài con ó rần là có thể ních trụi một tổ ong đấy!

- Thế ong không đốt họng nó à?
- Đốt thế nào được? Chim ó khôn lắm. Đớp một cái vào mỏ, là nó lừa lừa cắn nát cái kim ở đốt ong ngay! Còn như con chuồn chuồn thì nó chop ngang cổ ong, bộ răng khỏe như hai lưỡi kéo thép của nó xén đầu con ong làm cho đầu rơi tức khắc. Nó không ăn hai cánh đâu, chỉ nhai nuốt khúc mình thôi!

Tôi ngồi nhìn lên kèo ong, thấy nó cũng giống như những tổ ong rừng vẽ trong sách vậy thôi. Nhưng có điều khác là không phải ngẫu nhiên mà nó đóng trên một cành cây nào đó.

Chính tía nuôi tôi đã định sẵn cho chúng nó một nơi về đóng tổ... Theo như lời thầy giáo của tôi bảo, người La Mã xưa kia nuôi ong trong những cái tổ bằng đồng hình chiếc vại, có đục thủng nhiều hàng lỗ con vòng quanh miệng, quanh đáy. Người Mễ Tây Cơ làm tổ nuôi ong bằng đất nung, như một cái ống có hai cái loa hai đầu, giữa lưng ống đắp một hình đầu người nho nhỏ làm vật trang trí, dùng hai sợi thừng treo lên cành cây. Người Ai Cập nuôi ong trong những tổ bằng sành, hình ống dài, xếp chồng lên nhau, đặt trên bãi cỏ. Ở Phi Châu người ta đục ruỗng một khúc thân cây, vít kín hai đầu, chỉ chừa một lỗ khoét nho nhỏ cho ong ra vào, treo lên bằng một đoạn dây nhỏ có máu. Ở xứ Tây Âu, tổ ong lại lợp, bện bằng rơm đủ kiểu, hình thù khác nhau... Không có nơi nào, xứ nào có kiểu tổ ong hình nhánh kèo như vùng U Minh này cả...

Những con ong vẫn nối cánh nhau bay đi bay về trên tổ, trước mặt chúng tôi kia. Con nào cũng lượn một vòng tròn trước khi đáp xuống. Người ta bảo rằng đó là vũ điệu báo hiệu của loài ong.

- Tía ơi! Ong chỉ lấy mật chung quanh đây thôi à?

- Ồ, có khối hoa trong rừng này! Con thấy không, hễ con ong lượn một vòng trước khi đáp xuống, là báo hiệu nơi khai thác ở gần đây, còn



nó lượn hình số 8 là báo hiệu nơi khai thác ở xa đây...

- Sao tía biết? - Tôi ngạc nhiên, trố mắt hỏi.

- Để ý xem lâu ngày thì biết.

- Thế mà con nghe người ta nói rằng con ong lượn hình tròn là báo hiệu chỉ đường bay đến nơi lấy mật, còn nó lượn hình số 8 là báo hiệu đến chỗ lấy phấn hoa...

- Bậy! Bậy! Nhảm rồi. Nó chỉ báo hiệu nơi khai thác gần hay xa thôi. Còn lấy phấn hoa nhồi sáp hay lấy mật gì thì cũng là lấy thôi. Quan trọng đối với con ong là đường bay xa hay gần biết chưa!

Tôi ngăn người ra một lúc lâu...

- Ê, bộ mày còn nhớ nhà sao mà ngồi buồn vậy, An? - Thành Cò vừa giở nắm cơm ra vừa hỏi tôi.

- Không, tao choáng váng một chút thôi mà! - Tôi đáp.

Tía nuôi tôi nhìn lên bóng nắng, bảo:

- Thôi, liệu dần bụng đi... rồi còn về, các con.

Chúng tôi ngồi ăn cơm dưới một bụi cây tra râm mát. Bóng nắng nghiêng nghiêng rọi chéch xuống chỗ tôi ngồi. Máy con gấm ghi sắc lông màu xanh đang tranh nhau với bầy vẹt mỏ đỏ, giành mổ những quả chín trên cây bồ đề. Lâu lâu, vài ba trái quả vàng rụng rơi lộp độp, lăn vào cạnh chân tôi như những hòn bi.

TRONG LỀU NGƯỜI ĐÀN ÔNG CÔ ĐỘC GIỮA RỪNG

Quá đỏ đèn một lúc thì xuống chúng tôi về đến nhà.

Má nuôi tôi nghe giầm khua dưới bến, cầm đèn bước ra, con Luốc chưa kịp phóng lên bờ, tôi đã bô bô khoe với má nuôi tôi:

- Mật nhiều lắm má ơi, ra đây mà khiêng!

Má nuôi tôi "ừ" một tiếng, soi đèn ngó xuống xuống.

Chúng tôi ì ạch khiêng hai gùi mật và thùng sắp ong lên nhà rồi, mà vẫn không thấy bà tỏ vẻ gì quan tâm đến kết quả chuyến thu hoạch của tía con chúng tôi lắm. Tôi tiu nghỉu ngồi xuống chõng, bao nhiêu câu sắp sửa kể cho má nuôi tôi nghe về chuyện đi lấy mật lý thú ngày hôm nay tan biến đâu mất cả.

- Chú Võ Tòng có đến tìm ông đấy! - Má nuôi tôi nói với tía nuôi tôi. - Chú không chờ được, đã về từ chập tối. Có chuyện gì vậy, ông?

- Nào có gặp chú đâu mà biết?

- Ất có chuyện gì quan trọng. Cứ thấy bộ mặt của chú thì tôi đoán như vậy. Tôi gạn hỏi mấy lần, chú cứ ậm à ậm ừ... Cha chả, chú nhặt được ở đâu mấy cái quần tây, ống ngắn ngắn mặc chỉ tới nửa ống chân. Lại còn đeo lười lê nữa chú!

Tía nuôi tôi cười khà khà, gật gù:

- Hôm nọ tưởng chú nói đùa, hóa ra thật! Bà thấy chú có mang súng ống gì không?

- Có. Chú dặn tôi, hễ ông về thì bảo ông lên nhà chú chơi. Ất có việc gì đấy. Khổ quá, cứ dặn đi dặn lại mãi. Tôi hỏi "có chuyện gì hệ lắm không"⁽¹⁾ thì chú lại bảo chẳng có việc gì!

- Có thể là...

- Việc gì thế ông?

- Tôi đã biết đâu. Để gặp chú xem đã...:

- Thôi mặc các ông. Tôi chẳng hơi đâu... Chuyện gì cũng bô lô ba la nói hết với mọi người, mà vợ con trong nhà hỏi đến cứ ậm à ậm ừ...

Má nuôi tôi bấy giờ mới quay sang hỏi thằng Cò về vết ong đốt. Bà nướng một củ gừng, bảo nó nhai nuốt và tràm mên lại cho ra mồ hôi.

- May mà không gặp ong lỗ! Thằng An nhớ coi chừng dưới chân dưới cẳng đấy!

- Con biết rồi! - Tôi đáp.

- Đạp nhầm tổ ong lỗ, nó đốt cho một vết thì thấy tám ông trời! Mà cười hử? Nó đốt trâu còn phải rống, chạy cong đuôi đấy con ạ.

(1) Có chuyện gì quan trọng lắm không.

Đoàn Giỏi

Tía nuôi tôi bảo má nuôi tôi:

- Bà liệu thôi cơm nắm bây giờ đi. Nghỉ ngơi một chốc khoảng nửa đêm tôi đi đấy. Chà, mệt còn nhiều lắm... Đi sớm một chút, ghé qua nhà chú Võ Tòng xem có chuyện gì...

- Sáng mai hẵng đi, tía à! - Thành Cò đã trùm mền kín mít còn hé thò đầu ra, nói lấp bắp.

- Sốt rồi phải không? - Tía nuôi tôi hỏi. - Con ở nhà thôi. Ngày mai chưa đi được đâu. Để thằng An đi với tía thôi!

Khuya đêm đó, hai tía con tôi bơi xuống ra đi. Thành Cò phải ở nhà nên nó bèn kiếm cách gỡ. Nó cứ rịt con Luốc lại, không cho theo tôi: nó bảo không cho nó đi thì phải để con Luốc ở nhà chơi với nó cho có bạn!

Xuống ra tới sông, tôi hỏi tía nuôi tôi:

- Không đi lối cũ sao, tía?

- Lên nhà Võ Tòng đã. Rồi cũng có kênh đi tắt ra chỗ lấy mật hôm qua. Kênh rạch chẳng chịt trong rừng, đi lối nào chẳng được.

Chúng tôi lặng lẽ bơi xuống đi rất lâu. Tôi đã thấm mệt và bắt đầu buồn ngủ. Tía nuôi tôi nghe tôi ngáp, bảo tôi cứ ngủ đi, để một mình ông bơi cũng được. Tôi vừa đặt giằm xuống, chưa kịp chui vào nóp thì đôi mắt đã díp lại rồi.

Chắc tôi ngủ một giấc lâu lắm thì phải. Khi tôi mở mắt ra, thấy xuống buộc lên một gốc cây tràm. Không biết tía nuôi tôi đi đâu. Nghe có



tiếng người nói chuyện rì rầm trên bờ. "A! Thế là đến nhà chú Võ Tòng rồi!" Tôi ngồi dậy, giục mắt trông lên. Ánh lửa bếp từ trong một ngôi lều chiếu qua khung cửa mở, soi rõ hình những khúc gỗ xếp thành bậc thang dài xuống bên. Tôi bước ra khỏi xuống, lần theo bậc gỗ mò lên. Bỗng nghe con vượn bạc má kêu "ché...ét, ché...ét" trong lều, và tiếng chú Võ Tòng nói: "Thằng bé của anh nó lên đây!".

- Vào đây, An! - Tía nuôi tôi gọi.

Tôi bước qua mấy bậc gỗ trơn tuột, và dừng lại trước cửa. Con vượn bạc má ngồi vắt vẻo trên một thanh xà ngang, nhe răng dọa tôi. Tía nuôi tôi và chú Võ Tòng ngồi trên hai gộc cây⁽¹⁾.

Trước mặt hai người, chỗ giữa lều, có đặt một cái bếp cà-ràng lửa cháy riu riu, trên cà-ràng bắc một chiếc nồi đất đầy vung kín mít.

Chai rượu đã vơi và một đĩa thịt khô nướng còn bày trên nền đất ngay dưới chân chủ và khách, bên cạnh hai chiếc nỏ vắt chéo lên nhau.

- Ngồi xuống đây, chú em! - Chú Võ Tòng đứng dậy, lôi một gộc cây trong tối đặt bên bếp lửa.

Chú cúi trần, mặc chiếc quần ka-ki còn mới, nhưng coi bộ đã lâu không giặt (chiếc quần lính Pháp có những sáu túi). Bên hông, chú đeo lưng lẳng một lưỡi lê nằm gọn trong vỏ sắt,

(1) Thân cây cắt ngắn để nguyên cả vỏ, dùng làm ghế ngồi, tựa như cái đòn.

đúng như lời má nuôi tôi đã tả. Lại còn thất cái xanh-tuya-rông⁽¹⁾ nữa chứ!

Tôi không sợ chú Võ Tòng như cái đêm đã gặp chú lần đầu tiên ở bờ sông, mà lại còn đôi chút cảm tình xen lẫn với ngạc nhiên hơi buồn cười thế nào ấy.

Tía nuôi tôi ngo tôi, cười cười nhắc cái tẩu thuốc lá ở miệng ra.

- Ngủ dậy giấc rồi à? Tía thấy con ngủ say, tía không gọi. Thôi, đã dậy rồi thì ngồi đây chơi!

- Nhai bậy một miếng khô nai đi, chú em. Cho đỡ buồn miệng mà! - Chú Võ Tòng nhặt trong đĩa ra một thỏi khô nướng to nhất đặt vào tay tôi.

Con vượn bạc má lại kêu "Ché... ét, ché... ét..." ở phía trên đầu tôi. Tôi cứ mặc kệ nó, vừa xé miếng thịt khô ướp muối sả nướng thơm phức cho vào mồm nhai, vừa đưa mắt nhìn quanh ngôi nhà lều. Trên vách lều đóng đầy mô hóng đen sì, một chùm xương sọ khỉ ước chừng vài mươi cái treo lủng lẳng cạnh những đầu con nhọ nổi khô, những chân tay khỉ, tay chân dọc⁽²⁾ xâu từng đôi một, gác trên đoạn sào nhỏ. Mùi lông khét xông khói lâu ngày từ trong mớ lớn nhón ấy tỏa ra, cùng với một làn khói gì mùi hăng hắc, màu xanh xanh bay ra từ chiếc nồi dậy kín vung sôi ục... ục... trên bếp cà-ràng,

(1) Thất lưng da to bản.

(2) Một loại tay dài nhưng không phải vượn.



khiến tôi có một thứ cảm giác rợn rợn không tả được. Dường như những cái bóng lặng lẽ ngồi bên bếp đậy đang sống lùi lại từ cái thời kỳ loài người mới tìm ra lửa vậy.

... Không ai biết tên thật của gã là gì. Mười mấy năm về trước, gã một mình bơi một chiếc xuống nát đến che lều ở giữa khu rừng đầy thú dữ này. Gã sống đơn độc một mình, đến con chó làm bạn cũng không có. Hồi ấy, rừng này còn nhiều hổ lắm. Một mình gã đã giết hơn hai mươi con hổ. Một buổi trưa gã đang ngủ trong lều, có con hổ chúa mò vào, từ ngoài sân phóng một cái phủ lên người gã. Bất thần gã tỉnh dậy. Gã vớ luôn cái móc thông bên người, cũng không kịp ngồi dậy nữa, cứ nằm ngửa thế mà xóc mũi móc lên đâm thẳng một nhát vào hàm dưới con hổ chúa, hai chân gã đá thốc lên bụng nó, không cho con ác thú kịp chụp xuống người. Con hổ chúa lộn vòng, rơi xuống đất. Lưỡi móc đâm từ hàm dưới thấu lên tận óc, làm nó không há họng được, nhưng vẫn còn cố vớt cái tát cuối cùng, để lại trên mặt gã một hàng sẹo khủng khiếp chạy từ thái dương xuống cổ. Không biết có phải do đấy mà gã mang tên "Võ Tòng" hay không? Chứ theo như một vài ông lão đa sự, thì ngày xưa gã là một chàng trai hiền lành, ở tận một vùng xa lắm. Gã cũng có gia đình đàng hoàng như ai. Vợ gã là một người đàn bà trông cũng xinh xắn. Chị ấy lúc chứa đứa con đầu lòng cứ kêu thềm ăn mẳng. Gã đàn ông hiền

lành, quý vợ hết mực ấy bèn liều xách dao đến bụi tre đình làng xấn một mọt măng. Khi về qua ngang bờ tre nhà tên địa chủ, tên này bắt gã bỏ mọt măng xuống và vu cho gã lấy trộm măng tre của hắn. Gã một mực cãi lại, nhưng tên địa chủ quyền thế nhất xã ấy cứ vung ba-toong⁽¹⁾ đánh lên đầu gã. "Đánh đầu thì còn nhin được, chứ đánh lên đầu là nơi thờ phụng ông bà... thì số mày tới rồi!" Lưỡi dao trên tay gã không cho phép tên địa chủ ngang ngược kia giơ tay đánh ba-toong lên đầu gã đến cái thứ hai. Nhát dao chém trả vào mặt đã gié tên bóc lột và hống hách này nằm gục xuống vũng máu. Nhưng gã không trốn chạy. Gã đường hoàng xách dao đến ném trước nhà việc⁽²⁾ bó tay chịu tội. Sau mười năm tù đầy, gã trở về làng cũ nghe tin vợ đã làm lẽ tên địa chủ kia, và đứa con trai độc nhất mà gã chưa biết mặt thì đã chết từ khi gã còn ngồi trong khám lạnh.

Người trong xã vốn ghét tên địa chủ hống hách, khắp khối chờ xem cuộc rửa thù bằng máu lần thứ hai. Nhưng họ đã thất vọng. Gã chỉ kêu trời một tiếng rồi cười nhạt bỏ làng ra đi... Những người đa sự quả quyết rằng chính gã đã mang tên "Võ Tòng" từ lúc xách dao đến nhà việc chịu tội. Còn như những chữ bùa xanh lè xăm rần rục trên người gã, và gã trở nên một người giỏi võ từ lúc nào, thì có kẻ nói đó là dấu

(1) Gậy chống.

(2) Nơi làm việc của cấp xã ngày trước.



vết trong những năm gã ở tù, lại có người bảo đó là mới có từ lúc gã đi giang hồ. Hơn mười năm sống trôi giữa rừng mặc dầu cũng có nhiều người đánh tiếng mời mai cho gã, nhưng tuyệt nhiên Võ Tòng không để mắt tới một người đàn bà nào nữa. Ở trong rừng lâu năm chầy tháng, gã ngày càng trở nên kỳ hình dị tướng. Nhưng ai cũng mến gã ở cái tính tình chất phác thật thà, lúc nào cũng sẵn sàng giúp đỡ mọi người mà không hề nghĩ đến chuyện người ta có đền đáp lại mình hay không. Điều đó, má nuôi tôi đã quả quyết, nói một cách chắc chắn như vậy...

Chú Võ Tòng vẫn ngồi đó, đối diện với tía nuôi tôi, bên bếp lửa. Tía nuôi tôi tay cầm một chiếc nỏ lên ngắm nghía; bật thử sợi dây nỏ trên đầu ngón tay nghe "pung... pung..." rồi lại đặt xuống.

Chú Võ Tòng rót rượu ra bát uống một ngụm, trao bát sang cho tía nuôi tôi, và nói:

- Con dao găm của anh Hai cùng với cánh nỏ này, thừa làm nên chuyện. Mình thì cần gì tới súng? Máy thằng nhát gan mới cần súng, vì súng ở xa cũng bắn được mà! Phải không anh Hai? Tôi cho rằng súng dở lắm, động tới thì kêu âm ỉ. Tôi ghét tiếng nổ lắm. Như cái bạn tôi làm vừa rồi đấy. Tách một tiếng, chết ngay thằng giặc Pháp râu xồm, mà cái thằng đứng cách năm sáu thước không hay biết gì cả. Tôi chừng tôi mò ra tháo cây tiểu liên nghe động

sột soạt, nó mới quay lại thấy tôi, liền bắn tôi một phát súng "mút" nhưng trượt. Tiếng súng của nó bắn ra mà cha con chúng nó hoảng lên, hò hét chạy lung tung mới buồn cười chứ! Tôi xách cây tiểu liên bay vào rừng, chờ tối mò trở ra. May sao cái cây thẳng râu xồm còn nằm thẳng cẳng đấy, đợi tôi đến lột hộ bộ quần áo ka-ki... Hê... hê... hê! Khi lột lòng mẹ, nó chui ra như thế nào, thì bây giờ nó chui nằm xuống đất cũng như thế ấy... cho được thủy chung như nhất! Tôi chỉ lấy cái quần để che chỗ xấu xa của con người thôi, anh Hai à. Còn cái áo và khẩu tiểu liên, tôi biếu cho anh em lính đảng mình.

Trong giọng nói bốn cột của Võ Tòng có pha đượm một nỗi buồn chua chát, khiến tôi vừa ngồi vừa nghe vừa nhìn bếp lửa cháy riu riu mà không khỏi bùi ngùi.

- Chú em cầm hộ lọ muối chỗ vách kia đưa giùm qua chút! - Chú Võ Tòng đổi giọng, vui vẻ bảo tôi.

Khi tôi cầm lọ muối lên thì thấy chú đã ngồi xồm xuống cạnh bếp, tay mở nắp vung trên nồi ra. Trong nồi, một thứ thuốc gì đang sôi cuộn cuộn, đen nhánh và dẻo quánh như nhựa trắng đường, tỏa lên một làn khói mỏng xanh xanh, mùi hăng hắc. Võ Tòng không quay lại, chỉ với tay nhón lấy mấy hạt muối trong lọ tôi cầm đến. Chú bỏ một hạt muối vào món thuốc đen



nhánh đang sôi, hạt muối nổ tách một tiếng bắn ngay ra khỏi nồi.

- Được rồi đấy! - Chú Võ Tòng nói xong, bỏ nốt những hạt muối còn lại vào nồi, rồi xoa tay đứng dậy.

Tiếng nổ lách tách bắn ra giòn tan chung quanh nồi thuốc. Bây giờ chú mới đến bên vách rút ra một bó tre đã vót sẵn, cầm từng chiếc tên nhúng đầu nhọn vào nồi thuốc vừa xoay lăn, cho thuốc quăn nhiều lớp vào đầu mũi tên. Xong một chiếc, chú xếp ra trên cái nong. Và chú tiếp tục cầm một chiếc tên khác, đưa lên nheo mắt ngắm, nắn nắn lại cho thật ngay trước khi nhúng vào nồi thuốc để làm lại như lần trước. Tôi đứng xem người thợ săn áo thuốc⁽¹⁾ tẩm thuốc độc vào đầu tên một cách say sưa, đến nỗi không dám thở mạnh.

Vào khoảng cuối canh năm thì ngót năm mươi mũi tên tre đã tẩm thuốc xong và lớp áo ngoài đầu tên cũng vừa khô mặt. Nắn thấy không còn dính tay, chú Võ Tòng chọn ra hai mươi chiếc giắt vào một bao tên làm bằng ống nứa khô.

- Chỉ sây da một tí, đủ chết ngay anh Hai ạ! Nhưng thuốc này có thể uống được. Đau bụng quằn quại, nuốt vào một tí là khỏi ngay lập tức đấy. Đau mấy cũng khỏi!

(1) Tráng quanh một lớp mỏng

Tôi nghe mà phát lạnh xương sống. Tôi không thể nín được, buột miệng nói:

- Lỗ trong mồm, trong dạ dày, hay trong ruột bị lở loét gì mà nuốt vào thì bỏ mạng, chú ạ!

Võ Tòng chậm chú nhìn tôi một lúc, rồi cười lớn:

- Chú em nói, ngẫm cũng đúng. Nhưng mà... những người nghèo, những người không ăn bậy, ít khi đau mồm và đau dạ dày lắm!

Bên ngoài, trời rạng dần. Đã nghe một vài tiếng chim rừng riu rít gọi nhau trở dậy đón bình minh trên những ngọn cây chung quanh lều. Chú Võ Tòng trao chiếc nỏ và ống tên thuốc cho tía nuôi tôi:

- Cứ như tình hình này... thì chúng nó sẽ mò tới đây thôi. Tôi quý anh Hai là bậc can trường, nên mới dám chọn mặt gửi vàng. Chứ những mũi tên độc này mà lọt vào tay một người hèn nhát, thì nó sẽ gây nhiều tác hại đấy. Sở dĩ tôi không dám nói với bà chị, là còn e bà chị ngại điều nguy hiểm, biết đâu sẽ ngăn trở công việc của chúng ta.

Tía nuôi tôi vội đỡ lời:

- Chú phòng xa như vậy cũng phải. Đàn bà nhà tôi còn mê tín dị đoan, tin có trời có phật. Nhưng về cái gan dạ thì... chú cứ tin lời tôi, bả⁽¹⁾ không thua anh em ta một bước nào đâu.

(1) Bà ấy.



- Vậy thì tôi có lỗi với chị Hai quá! - Võ Tòng nói một cách thành thật - Hôm nào tôi sẽ sang chơi, ta làm một bữa rượu để tôi tạ lỗi với bà chị của tôi mới được.

Tôi đã bước xuống cửi dây buộc xuống mà con vượn bạc má còn chạy theo ra cửa nhe răng nháy nhó, dọa tôi. Tía nuôi tôi đập đập tay vào lưng chú Võ Tòng:

- Xin đa tạ chú! Đa tạ chú!

- Có gì đâu, anh Hai. Vì nghĩa chung mà!

Tía nuôi tôi lưng đeo nỏ, hông buộc ống tên bước xuống xuống. Tôi cầm giầm bơi nhưng còn ngoái lên, nói với:

- Chào chú ạ! Hôm nào chú sang chơi, nhớ mang theo một con nai hay một con heo rừng be bé, chú nhé!

- Ồ, thể nào cũng có chứ! Chú nuôi đầy rừng, muốn con cỡ nào chú bắt cho đúng con cỡ ấy! - Chú Võ Tòng vẫy vẫy tay, cười lớn một thôi dài.

11

RỪNG CHÁY

Tía con chúng tôi bơi đi, ước độ hơn hai nghìn thước thì bị cạn, không bơi được nữa, phải dùng sào chống xuống lướt trên mặt bùn xám xấp nước.

- Năm nay rừng khô sớm đấy! Mọi năm, dạo này nước còn ngập ngang bụng. - Tía nuôi tôi vừa nói vừa rướn người thọc mạnh chân sào xuống tận lớp đất sét cái, hai tay nắm chặt đầu sào đẩy xuống trườn tới.

Chống đi một lúc nữa, gắp cái lung còn nhiều nước, tía nuôi tôi bảo tôi vác đồ lên bờ, rồi ông nhận xuống chìm xuống nước và vớt lục bình, vớt rong phủ lên để xuống khỏi bị nắng.

Quanh co trong rừng, chẳng biết đâu là đâu, thế mà chỉ chừng một giờ sau tía nuôi tôi đã dắt tôi ra đứng chỗ bụi cây tra chúng tôi ngồi nghỉ ăn cơm chiều bữa trước...

Những ngày nắng ráo như hôm nay, rừng khô hiện lên với tất cả vẻ uy nghi tráng lệ của nó trong ánh mặt trời vàng óng. Những thân cây trám vỏ trắng vươn thẳng lên trời, chẳng khác gì những cây nến khổng lồ, đầu lá rũ phất phơ như những đầu lá liễu bạt ngàn. Từ trong biển lá xanh rờn đã bắt đầu ngả sang màu úa, ngát dậy một mùi hương lá trám bị hun nóng dưới mặt trời, tiếng chim không ngớt vang ra, vọng mãi lên trời cao xanh thẳm không cùng. Trên các trảng rộng và chung quanh những lùm bụi thấp mọc theo các lạch nước, nơi mà sắc lá còn xanh, ta có thể nghe tiếng gió vù vù bất tận của hàng nghìn loại côn trùng có cánh không ngớt bay đi bay lại trên những bông hoa nhiệt đới sắc sỡ, vừa lộng lẫy nở ra đã vội tàn



nhanh trong nắng. Mùi hương ngòn ngọt nhưc đầu của những loài hoa rừng không tên tuổi dầm vào ánh nắng ban trưa, khiến con người dễ sinh buồn ngủ và sẵn sàng ngả lưng dưới một bóng cây nào đó, để cho thú cảm giác mệt mỏi chốn rừng trưa lơ mơ đưa mình vào một giấc ngủ chẳng đợi chờ...

Tôi đã ngủ một giấc dài như vậy, sau khi tía con chúng tôi đã lấy mật đầy vào hai thùng sắt tây. Cái gùi bé của tôi cũng vừa chất vun gọn những bánh sáp trắng muốt mà tôi đã tỉ mẩn vắt thành những cục tròn tròn như trứng ngỗng.

Tôi ngồi tựa lưng vào một thân cây lá rậm xum xòa, lơ lơ nhìn những làn tơ nhện mỏng tang rung rung trong ánh nắng. Trong vắng lặng mệt mỏi của rừng đã xế chiều, mọi thứ tiếng động chung quanh tôi đều nghe như không rõ rệt, đều như bị nén lại, dùng đục không một chút âm vang, một thứ vắng lặng mơ hồ rất là khó tả. Tôi còn đang chăm chú lắng nghe tiếng quạt cánh của một con ong vàng mà không thấy nó đâu, thì bỗng nghe tiếng động cơ gào rú chuyển động rung trời.

Ba chiếc tàu bay của giặc Pháp bay vút qua bên trên khu rừng chúng tôi đang lấy mật. Chúng bay rất thấp, là là trên ngọn cây, khi tôi vừa kịp nghe thì chúng đã tới rồi. Ba con "công cộc" đen sì ấy vòng ra bờ sông, lượn trở lại, đảo mấy bận như vậy rồi bỗng nhiên nối nhau bay

đi mất. Một hồi lâu, lại nghe tiếng động cơ, và từ trên những chòm mây thật cao, chúng thành linh xuất hiện ra, đâm bổ xuống. Lửa chớp chớp. Súng liên thanh nã đạn xuống rừng nghe inh tai chất óc. Rồi hàng loạt bom nổ âm âm, chuyển động cả một vùng rừng ban nãy còn lặng phắc như tờ. Đất dưới chân tôi rung rinh như chực sụp xuống.

Ì... ì... ì... ì... ì... Ba chiếc tàu bay phóng pháo to tướng sơn màu trắng bay chậm rì rì thành một dọc dài, trông rõ cả hiệu cờ ba sắc dưới cánh, lừ lừ tiến đến.

- An ơi! Nằm xuống mau. Nó thả cái gì đen đen xuống kia. Nó thả... - Tía nuôi tôi chưa kịp nói dứt câu, vội đẩy tôi nằm gí xuống cỏ. Tôi đã có kinh nghiệm lúc còn chạy tản cư. Hai khuỷu tay tôi chống xuống đất đỡ bộ ngực lên, đầu cúi gằm xuống trước, tôi dán sát thân mình vào đất như con thằn lằn. Nếu có bom nổ gần cũng khỏi bị dội tức ngực vì sức chấn động. Phụt... Phụt... Phụt... Tiếng gì vậy? Sao không nghe tiếng nổ?

- Chắc là bom lép, đừng ngóc đầu dậy nghe con! - Tía nuôi tôi vừa bảo tôi như vậy; trong lúc tôi chưa kịp ngóc đầu lên thì bỗng nghe tía nuôi tôi hét một tiếng gọi: "An ơi!" Chưa bao giờ tôi nghe ông kêu to như vậy, một thứ tiếng kêu rưng rờ, đầy khủng khiếp kinh hoàng.

- Giặc đốt rừng, con ơi! - Tía nuôi tôi tay vớ chiếc nổ, tay lôi tôi nhồm dậy.



Một màn khói đen cuộn cuộn dựng lên trên dãy rừng dọc dài theo sông. Mùi dầu bay tới chỗ chúng tôi khét lẹt. Lửa đỏ đã bốc lên, vượt khỏi những cây tràm cao nhất ngoài phía bờ sông. Tiếng động cơ vẫn gào rú khủng khiếp trên đầu chúng tôi. Chúng không bắn nữa... Chỉ nghe tiếng phụt... phụt... Lửa cháy khắp bốn phía rồi. Tiếng sậy nổ lép bép nghe gần lắm. Gió quạt hơi nóng rừng rục đến tận chỗ chúng tôi.

- Làm sao khiêng hai thùng mật, tía ơi! - Tôi tiếc của, kêu lên.

- Chạy thoát thân đã! - Tía nuôi tôi vát cái nón đang đội trên đầu xuống, tay chỉ cầm chiếc nỏ lôi tôi chạy ngược hướng gió, nơi ngọn lửa bắt đầu tràn đến chúng tôi...

- Lửa đây ở đó... Đừng về phía đó, tía ơi!

- Thoát ra mau. Cố lên. May ra thì còn kịp...

Tía nuôi tôi thở hổn hển, vừa chạy vừa lôi tôi. Khói xông vào mắt cay xè, không mở ra được. Tôi cứ nhắm mắt chạy theo tía nuôi tôi, tay tôi nắm bàn tay ông chặt cứng, không dám rời ra. Hốt nhiên, tôi nghe có nhiều tiếng chân chạy dồn dập trên đất, như tiếng giày khua.

- Tía ơi, Tây đuổi sau lưng nhiều quá!

- Tây đâu mà Tây. Cứ chạy đi!

Mặc cho tía tôi quát, tôi vẫn cứ ngoái đầu trông lại. Trời ơi, không phải Tây. Trong khói mù nhô ra một con heo đầu đàn, cao gần bằng

con bò, lông gáy dựng ngược, mũi ngược lên thờ

phì phì làm cho hai cái nanh dài chỗ khóe mép vươn ra như hai lưỡi dao găm. Rồi vun vút tràn đến một bầy heo rừng, con lớn con bé tranh nhau chạy, sống lưng nhấp nhô tràn tới như một làn sóng mực. Nai co giò phóng bay qua những lùm cây thấp. Hươu, chồn bông lau, cáo mèo... tất cả những con thú bốn chân trong rừng đều nhắm mắt nhắm mũi tranh nhau chạy. Thỉnh thoảng một vài con gì không biết cứ chạy đâm bổ vào người chúng tôi. Chân tôi đạp lên một khúc lưng con vật gì trơn trơn, to như bắp chuối. Tôi bị hất một cái mạnh, lão đảo chúi tới trước. Một con trăn gió uốn lưng trườn tới, đầu cất cao hơn ngọn sậy, ngoằn ngoèo lướt hút vào bụi cây tràm um tùm. Lâu lâu lại gặp một con rắn to phóng ngược hướng gió, chắn ngang đường chúng tôi. Tía con tôi phải chạy tránh chúng, cũng có lúc cứ mặc kệ, nhảy bừa qua, bất chấp cả những đầu phồng mang dẹt dẹt đang lắc lư phun nọc phì phì. Khi, vượn, nhọ nôi cuống quýt kêu léc chéc trên cây. Một con vượn bạc má bỗng con nhảy xuống đất, cố chạy theo vết chúng tôi.

- An ơi! Gắng chạy nghe con. - Tía nuôi tôi không ngớt động viên tôi. Nhưng hai chân tôi cứ khuyu xuống.

Tía nuôi tôi lôi tôi chạy một lúc nữa. Lội qua hai cái lạch nước khá rộng, thì tai tôi đã nghe lũng bùng, mắt hoa lên. Trời đất quay cuống chung quanh. Tôi cảm thấy mang máng rằng



lúc tôi gục xuống một bờ cỏ, tía nuôi tôi đã vực tôi công lên lưng. Cả người tôi bị xóc lên xóc xuống dữ tợn, rồi tôi không còn biết gì nữa.

12

CHẠM TRÁN VỚI HỒ

Khi tôi tỉnh dậy thì thấy mình đang nằm trên một đồng cỏ khô, dưới gốc cây sung rậm, lá che kín trời. Gió thổi làm những cành sung đong đưa, để lọt xuống một vài tia sáng xanh yếu ớt của những vì sao leo lét. Chim rừng kêu buông rơi từng tiếng một, từ một nơi xa thẳm nào. Không biết độ mấy giờ. Nhưng đêm chừng như khuya lắm.

Tía nuôi tôi thấy tôi tựa mình ngồi dậy, ông vội vàng đưa tay ra đỡ tôi nằm xuống:

- Con đã khoẻ lại rồi đó. Cứ nằm nghỉ đi con. Đừng ngồi dậy dễ bị choáng đầu lắm!

- Đây là đâu vậy tía?

- Xa lắm. Mình vào gần tới đầm lầy rồi!

- Lửa tắt chưa tía?

- Còn cháy. Nhưng xa lắm. Con cứ vững bụng. Chỗ này, lửa không cháy tới đâu. Còn khát không con?

- Khát lắm tía ơi!

- Con đã uống nhiều nước rồi đấy! Vì mệt quá, con bị ngất đấy thôi. Chẳng sao đâu. Để tía đi lấy nước cho con...

- Gần hay xa vậy tía?

- Đằng kia thôi. Con cứ nằm đây mà!

Trong ánh tối lơ mờ, tía nuôi tôi mò mẫm cởi chiếc túi da beo bên lưng ra, đưa vào tay tôi. Rồi ông đứng dậy bước sột soạt khuất dần trong bóng tối. Tôi ngồi phất lên, buộc ngay chiếc túi da beo vào lưng y như tía nuôi tôi. Bàn tay nắm chặt cán dao găm, tôi nhìn thẳng về hướng ông vừa đi.

Rừng khuya im ắng quá. Tiếng côn trùng tí tê tạt những chỗ mông lung nào, lâu lâu hốt nhiên nín bặt đi một lúc, càng làm cho bầu không khí vắng vẻ trở nên im lặng một cách đáng sợ. Hồi lâu, bỗng nghe có tiếng chân giẫm sột soạt trên lá khô. Tôi vừa mừng, vừa sợ.

- Tía về đấy hở tía? - Tôi vụt hỏi to lên.

- Ồ, tía đây. Có nước rồi đây, An ạ! - Tía nuôi tôi vừa đáp vừa đi dò từng bước đến chỗ tôi đứng. Hai tay ông bưng một chiếc lá môn đựng đầy nước.

Tôi kê miệng vào chiếc lá, uống ừng ực một hơi. Nước ngọt lắm, chỉ hơi có chút vị bùn và phảng phất mùi cỏ, nhưng tôi uống vào tới đâu thấy mát rượi tới đó.



Tía nuôi tôi nhồi thuốc lá vào tẩu, bật lửa lên đốt hút mấy hơi dài. Ông đặt chiếc nỏ lên đùi, vừa ngồi hút thuốc vừa cầm một nhánh cây nhỏ quơ qua quơ lại đuổi muỗi chùng quanh. Tôi nằm xuống đóng cỏ, chân tay mình mảy đau nhức như dằm. Tôi lơ mơ nhớ lại trận cháy rừng khủng khiếp vừa qua. Không biết má nuôi tôi, thằng Cò và cả con Luốc nữa... ở nhà có xảy ra chuyện gì nguy hiểm không? Đêm nay, tía con chúng tôi còn chưa về, chắc má nuôi tôi và thằng Cò ở nhà lo lắng... Tôi vừa chợp mắt thiiu thiiu ngủ, bỗng nghe tía nuôi tôi gọi "An!" một tiếng cộc lốc, bàn tay ông nắm lấy tay tôi lôi phắt dậy.

- Trèo lên cây sung mau đi, con!

- Cọp... hổ tía? - Tôi vụt tỉnh hẳn, hỏi ngay.

- Ừ, mau đi. Nghe tiếng con chim lệnh kêu rồi!

Tôi ôm cây sung trèo lên. Mọi ngày tôi trèo nhanh như sóc, nhưng giờ đây tay chân cứ trượt mãi không bám vào thân cây trèo lên được. Tía nuôi tôi đưa bàn tay lên đỡ gót chân tôi, để tôi lấy tựa. Tôi trèo bên trên, ông trèo bên dưới. Gần tới một chạc ba, ông rướn người lên để tôi đạp chân vào hai vai ông, đu người phóc lên. Tôi đã có thể chuyển trên các nhánh cây, lần lên cao một mình được rồi. Tía nuôi tôi ngồi lại chỗ chạc ba, tay cầm nỏ đưa mắt xuống quan sát.

Chúng tôi vừa ngồi yên chỗ trên cây thì nghe tiếng con chim thiêng vắng tới. *Boong...*

boong... kroỏi...kroỏi! Boong... boong... boong... kroỏi...kroỏi... Tiếng con chim lênh kêu một hồi dài, cả rừng im bật. Tôi bám chặt hai tay vào một cành cây. Tiếng *boong... boong... kroỏi...kroỏi...* âm vang rất xa, dường như một thứ tiếng ngân vang kim loại, một thứ tiếng đồng tiếng sắt xé tan màn đêm, làm thức tỉnh và kinh hoàng tạo vật.

"... Nó bay kêu chỗ nào, có cọp tới ngay chỗ đó. Nó là con chim ma dất đường! Những oan hồn bị cọp ăn, nhập vào con chim, đưa đường cho cọp đi tìm bắt người khác... Có hồn khác tới thay thế thì những oan hồn kia mới đi đầu thai được!" Má nuôi tôi đã bảo như vậy. Thằng Cò vốn sẵn sàng tin ngay mọi thứ chuyện ma quỷ, vậy mà không hiểu sao bạn đó là lần thứ nhất tôi nghe nó cãi má nuôi tôi:

- Bịa đấy! Làm gì có! - Thằng Cò cười cười, vênh mặt lên. - Con cọp nào lại không ăn thịt sống? Nó ăn nhiều thịt quá, thịt thối mắc trong chân răng, làm cọp ta đau nhức. Hễ nằm đâu là nó há họng cho con chim đó mổ thịt lôi ra. Nó là con chim bản, chuyên ăn thịt thối, ăn giòi bọ trong miệng cọp. Con cọp đi đâu, con chim theo đó như con nhông con sáo đi theo trâu vậy, chứ có gì mà sợ nó!

Má nuôi tôi nổi giận ngay:

- Nè, trứng chẳng khôn hơn vịt đâu. Mà học cái sách nào đó của ai mà toan dạy khôn tao thế, hử Cò?



Thằng Cò chẳng những không hãi, mà còn nhe răng cười hi... hi...

- Chú Võ Tòng bảo con vậy đó, má ạ!

Má nuôi tôi vung tay làm một cú chỉ phản đối yếu ớt:

- Ôi, thằng cha đó thì trời cũng không sợ. Cọp vật hấn còn không chết thì hấn còn sợ ai nữa! Nói cứ ngang như cua!

Dẫu thế nào mặc lòng, nó cũng vẫn là con chim "báo hiệu của Thần Chết". Tiếng *Boong... boong... kroỏi...kroỏi...* vang dội trong rừng khuya có một ma lực đáng sợ, khiến tôi nghe một lúc bỗng nổi gai ốc khắp người. Khi gần khi xa, tiếng chim hình như cứ lảng vảng trong khu rừng này, chẳng chịu bay đi.

- Tía ơi, lên đây với con! - Tôi gọi khê thôi, chẳng dám gọi to.

- Ừ, tía lên ngay! - Tía nuôi tôi đeo nỏ vào lưng, trèo lên chỗ tôi ngồi. Ông cởi chiếc khăn bịt đầu ra, vòng ngang bụng tôi, buộc mắc vào nhánh cây. - Thế cho khỏi ngã, con ạ!

- Lửa còn cháy đủ quá, hở tía?

- Ừ, còn cháy nhiều...

Xa lắm, ánh lửa còn bùng lên nhiều chỗ. Có chỗ trông rõ cả ngọn lửa bốc cháy trên đầu ngọn cây. Một vùng chân trời rực đỏ. Xa xa có những bầy chim lượn vòng trên cao, kêu líu ríu. Có lẽ chúng đang ngơ ngác không tìm về được

nơi rừng xưa tổ cũ, nên cứ lượn mãi giữa trời kêu bi thiết đấy chẳng?

Bây giờ bụng đói cồn cào, tôi mới tiếc hai thùng mật và gùi sáp ong non... Đói cũng chẳng sao. Chỉ lo mất lối về. Tôi lại nhớ tới cái địa bàn có cây kim lúc nào cũng quay quay chỉ về phương bắc. Nhưng đã có tía nuôi tôi thì còn lo gì chuyện lạc rừng! Chà, lúc này mà có con Luốc ở đây thì mình cũng không đến nỗi sợ lắm... Tôi đang mơ mơ màng màng, bỗng giật nảy người! Không có chiếc khăn an toàn của tía nuôi tôi buộc tôi vào cành cây, có lẽ tôi đã rơi xuống đất.

Tiếng *Boong...! Boong...! Kroỏi... Kroỏi!* kêu vang dội ngay sát dưới chân tôi. Tía nuôi tôi nạt một tiếng: "Cọp", tiếng nạt dội vang rừng. Con chim vụt bay mất. Có một mùi khét lẹt và tiếng chân sột soạt trên lá ở ngay dưới gốc cây.

Tôi quên mất cả đói, quên mất chuyện lạc rừng, cứ hồi hộp nhìn vào tất cả những chỗ nào có bóng tối đáng nghi ngờ. Bỗng nhiên tôi nhớ ngay đến một đêm, má nuôi tôi ngồi đan giỏ bên bếp lửa đã kể cho chúng tôi nghe một câu chuyện về "ma cọp".

"... Đừng tưởng không có ma. Mấy mươi năm về trước, có vợ chồng nhà thợ rừng nọ dắt đứa con trai chống thuyền vào rừng đốn củi. Thuyền đi dưới rạch, con cọp đi theo trên bờ, trong khi đó chị vợ cứ đòi dừng thuyền lại cho mình lên bờ đi đại tiện. Người chồng và đứa con



hãi quá, phải khua thùng thiếc âm ỉ, hò hét đuổi cọp đi. Một chốc sau lại thấy nó leo đèo theo thuyền, mà người đàn bà thì cứ nằng nặc đòi nhảy lên bờ. Người chồng phải lấy dây trói vợ lại. Khi họ tới chỗ lấy củi, bấy giờ người chồng mới tháo dây, cởi trói cho vợ. Và người vợ cũng thôi, không thấy buồn đi đại tiện nữa! Cả ba người lên bờ nhặt củi từ sáng đến trưa, chẳng việc gì. Tưởng là cọp đi rồi. Ai ngờ vào lúc mặt trời gần lặn, con cọp bỗng xỏ ra cắn đứt cuống họng người đàn bà. Người chồng và đứa con vung rựa xông vào cướp thây, chém trúng con cọp mấy nhát, nó mới chạy đi. Trời tối đến nơi, mà bấy giờ nước triều cũng xuống cạn sát lạch, không đẩy thuyền ra được. "Con cọp này sẽ trở lại xé nát thây vợ ta thôi! Số vợ ta đã đứt cũng đành. Lẽ nào nữ để chết rồi mà thi thể chẳng giữ được vẹn toàn?" Người chồng nhìn xác vợ, buồn rầu nghĩ vậy. Chôn thì cọp đến móc mả. Để dưới thuyền tất nó sẽ nhảy xuống phá thuyền. Anh ta đành buộc thùng rút xác vợ treo lên cây mắm khô giữa khoảng đất trống, chờ sáng mai nước triều lên, sẽ đưa xác vợ xuống thuyền chở về mai táng. Hai cha con đốt một đồng lửa to tướng dưới gốc cây mắm khô, trước khi trèo lên một cây khác ngồi chờ bình minh tới. Con cọp cứ quanh quẩn kêu "béo... béo..." trong những lùm bụi chung quanh. Về khuya, sương xuống mịt mù, đồng lửa mỗi lúc lụi dần rồi tắt hẳn. Trong ánh trăng xanh lạnh

ngắt, người chồng thấy con cọp cứ chạy vòng quanh gốc mấm, lâu lâu lại đứng dựng hai chân sau lên như người, còn hai chân trước thì vối vối cào cào gốc cây mấm khô. Mỗi lần nó đứng lên, cái thây ma treo trên cành cây lại cười hắc... hắc...

Tía nuôi tôi đang xe gai bên chõng, nghe thế bèn dừng lại "hừ" một tiếng:

- Bà khéo nhất trẻ con! Xưa nay, chuyện cọp theo bén cái thây nó đã vô thì có. Ừ, mang thây về nhà rồi nó cũng theo kêu "béo... béo" sát bên hè suốt đêm. Còn cái chuyện thây ma cười cũng có. Nhưng sự thật thì không phải vậy!

- Có mà lại không phải! Vậy ông cứ nói "không" có dễ nghe hơn chẳng? - Má nuôi tôi hứ một tiếng, ngó sang phía khác, không muốn nghe lời tía nuôi tôi giải thích.

- Có cười... nhưng không phải cái thây ma cười. Mà có giống chim khắc ăn đêm, thường đáp trên cây khô bắt tắc kè, bắt thằn lằn, hoặc bắt chuột. Tình cờ nó đáp đúng cái cây có treo xác người. Thấy cọp chồm lên, con chim kêu "khắc... khắc... " thì mình cho là thây ma cười. Nó kêu hết như tiếng cười vậy. Người yếu bóng vía đi rừng ban đêm, nghe con chim khắc kêu, có khi sợ vãi cứt ra quần đấy.

- Thế tại sao biết có con cọp trên bờ, mà người đàn bà cứ đòi nhảy lên nộ mạng cho nó? Không phải đã tới "sô" rồi à? - Má nuôi tôi vẫn chưa chịu thua, còn vặn lại.



- Lúc bấy giờ, có bà ở đó à? Đó là người ta bịa, người ta thêm nhân thêm nhị cho câu chuyện có vẻ thật, dễ tin...

- Ông không tin thì mặc ông. Tôi cứ tin!

- Bà cứ tin thì tùy bà! Nhưng đừng có tập cho con cái nó quen sợ hãi những chuyện vô lý như vậy.

Má nuôi tôi lặng lẽ cúi xuống đan giỏ, không nói gì nữa. Không biết có phải vì tốt nhin mà má nuôi tôi không cãi nhau với tía nuôi tôi nữa hay không? Nhưng câu chuyện hấp dẫn của má nuôi tôi đã bị chấm dứt đột ngột ở chỗ đó, làm thằng Cò và tôi tuy không tin nhưng đứa nào cũng ức...

Tía nuôi tôi vẫn ngồi trên một chạc cây, tay cầm chiếc nỏ. Tôi thấy sương bắt đầu thấm lạnh trên vai áo.

- Tía ơi!

- Gì thế, con?

- Nó ngồi dưới gốc cây đó!

- Ừ, tía thấy rồi... Đừng sợ, con ạ!

Trong bóng tối đen ngòm phủ kín một vùng rộng dưới gốc cây sung, có vài mảng sáng lỗ chỗ. Ở một chỗ sáng xanh nhờ, có một cái đuôi cọp vẩy qua vẩy lại. Con cọp núp khuất đâu trong bóng tối, chỉ thấy có khúc đuôi của nó thôi.

- Bắt nó đi, tía! - Tôi nén giọng run run giục tía nuôi tôi.

- Nó không phóng lên tới chỗ này đâu. Mặc kệ nó con ạ!

Tôi bỗng nghĩ đến chú Võ Tòng với tất cả tấm lòng triu mến và kính phục vô hạn. Trong đầu óc tôi bây giờ chỉ có hình ảnh chú ấy là người anh hùng xuất chúng thôi. Nhất là nỗi thuốc đen nhánh sôi ục... ục... trên bếp lửa đêm qua. Đầu mũi tên tấm độc từ nồi thuốc đó đang nằm chắc trong tay tía nuôi tôi đây mà. Tôi không còn sợ con vật đang ngồi rình chúng tôi ngay dưới gốc cây sung kia như lúc nãy nữa.

- Chết cha mày, con cọp! - Tôi quát to lên một cách bất ngờ.

Con cọp giật mình phóng soạt ra tận ngoài một lùm xa. Bấy giờ trống ngực tôi mới bắt đầu nổi lên, vì khoái trá cũng có, vì mừng cũng có, mà có lẽ vì cái sợ chưa tan hết cũng có.

- Sao hồi nãy tía không bắn cho nó một phát tên?

- Chỉ còn có ba phát thôi, con ạ! Rơi mất hết mười bảy chiếc lúc tía công con chạy đi. Có lẽ bị vướng cành cây, tía không hay.

- Vài hôm nữa mình lại về xin chú Võ Tòng, lo gì!

- Tía đang lo nghĩ về chú ấy nãy giờ đây. Ngồi lều của chú chắc chắn đã bị thiêu hủy rồi...

- Thế tại sao tía không bắn?



- Tía đã nói là còn có ba phát thôi mà. Chưa cần lắm thì mình chưa dùng. Còn để phòng thứ nguy hiểm hơn...

- Con gì mà nguy hiểm hơn cạp hổ tía?

- Thằng Tây chứ con gì nữa!

Tía nuôi tôi chỉ đáp gọn lỏn như vậy, rồi ông lặng lẽ thở dài.

13

CÁI CHẾT CỦA VÕ TÔNG

Ba hôm sống trong rừng. Ban ngày hái trái bình bát tìm mật ong ruồi ăn đỡ dạ; ban đêm chúng tôi trèo lên những cây to, tìm chạc ba tựa lưng thật vững, buộc người vào cành cây, ngủ đến sáng. Tía nuôi tôi nóng lòng sốt ruột, cứ độ nửa buổi lại trèo lên một cây thật cao xem lửa ở các khu rừng đã cháy lụi hết chưa.

- Có thể đi lần ra hướng bờ sông được rồi đấy con ạ!

- Đi lối nào bây giờ, tía?

- Lối nào cũng tới. Nước trong rừng bao giờ cũng đổ ra sông. Cứ men theo bất cứ con lạch nào, theo hướng nước chảy của nó thì đi tới sông thôi...

Tía con tôi dắt nhau lội theo những khe nước chảy, đến gần hết một ngày hôm sau nữa mới thấy những rặng cây quen thuộc lơ mờ hiện lên trong làn hơi nước, báo hiệu dòng sông êm ả của xứ rừng U Minh đang trôi qua nơi đó. Chúng tôi giẫm lên những lớp tro dày còn nóng, tìm dò mãi mới đi tới chỗ cái lung còn nước, nơi tía nuôi tôi đã nhận chiếc xuống hôm nọ. Chung quanh tôi, đen hắc một màu cây cối đã cháy thành than. Những con rùa, con cần được⁽¹⁾ bò qua trắng cỏ trốn chạy vào nước không kịp, bị lửa đốt cháy còn trơ lại những cái mai như nổi đất úp lổm ngổm trên tro tàn. Một khối than khổng lồ còn giữ nguyên hình gốc cây, đang âm ỉ bốc khói bên cạnh chỗ chúng tôi giấu xuống. Lục bình, rau mác dưới lung bị lửa tấp cháy rụi lớp lá bên trên, phần chìm dưới nước thì bị nước nóng luộc chín cả. Xác cá, tôm, xác rắn trương phình trên mặt nước phủ đầy tàn tro, bốc lên một mùi thối khắm nhức cả óc.

Tôi cúi truồng lội xuống lung, vớt lớp xác lục bình cháy queo trong chiếc xuống ngâm nước, vớt lên bờ rồi lắc xuống tát nước ra.

- May quá, nhờ phòng nắng nẻ be mà chiếc xuống của tía con mình khỏi cháy, tía nhỉ! - Tôi lội mò dưới nước tìm nhặt đủ cả: giẫm, sào, ván sập, không mất món nào.

(1) Một loại rùa sông, to cỡ cái rổ, mai đen khum khum như hình cái mũ sắt.



Chúng tôi hi hục chống chiếc xuống theo con lạch cạn, đi lần ra hướng bờ sông. Từ ngoài rừng cây xa lác chỗ bờ sông, vang lên một tràng tiếng súng liên thanh pập... pập... và sau đó còn nghe rõ ràng tiếng súng trường bắn loạn xạ một hồi lâu.

- Có thể... giặc đã đổ bộ vào xã mình rồi, con ạ! - Tía nuôi tôi lo lắng.

- Làm sao bây giờ, tía?

- Về nhà xem ra sao, chứ làm sao cái gì!

Chúng tôi lại lặng lẽ chống xuống đi. Hai bên bờ lạch xám ngoét một màu tro. Ngôi lều của chú Võ Tòng lấp mất trong lớp than màu tro, nếu không có những khúc cây tràm xếp lên nhau làm bậc thang còn chìm ở mé nước thì tôi không thể nào nhận ra dấu vết của ngôi nền cũ.

Xế chiều hôm đó, chúng tôi mới ra đến bờ sông. Khu rừng bên tả ngạn vẫn còn đứng xanh rờn, soi bóng những cây tràm bạc thếp trên dòng nước lờ đờ. Tôi nhảy xuống sông tắm qua loa rồi trèo lên xuống mặc quần áo. Tía nuôi tôi không giục tôi một tiếng nào cả, cũng không lấy thuốc lá ra hút. Ông ngồi êm rơ, mắt đắm đắm nhìn xuống dòng nước. Phút yên lặng trầm mặc bất ngờ của ông lây sang tôi tức khắc. Mấy hôm nay, nóng lòng sốt ruột bao nhiêu thì bây giờ khi sắp về đến nhà, tôi lại như muốn kéo dài thời gian ra, như muốn đi chậm lại bấy nhiêu. Không biết có phải đó là bản năng hèn yếu của con người, trong phút

giây nào đó bỗng bất ngờ nổi lên, khiến mình trù trù, như sợ phải sớm chứng kiến quang cảnh đau lòng có thể xảy ra cho những người thân yêu nhất của mình chăng?

Một lúc sau, không ai bảo ai, tía con chúng tôi mỗi người cầm lấy cây giầm của mình bơi đưa chiếc xuống qua sông. Mặt sông vắng ngắt. Dòng sông như thẳm lại và rộng thêm ra. Một thứ không khí lạnh lẽo chết chóc, rờn rợn trùm lên mặt nước.

Đã trông thấy một đám người lão nháo bên kia bờ sông, dưới ánh mặt trời tà. Chúng tôi quạt mạnh tay giầm, đưa xuống rẽ nước lao nhanh về hướng ấy. Từ bờ phía đó, một chiếc tam bản hai chèo đang chèo ra, ngược lên dòng nước; khi nhận ra chúng tôi, người đàn ông đứng sau lái bèn vung tay la lên:

- Bác Hai đó hả? Bác ơi, giặc bắn chết Võ Tòng rồi! Vừa đem được xác về lúc này...

Tía nuôi tôi kêu "Trời!" một tiếng. Ông đứng nhô lên lái xuống hỏi bằng giọng run run:

- Vậy chú có gặp... bà nhà tôi và thằng Cò ở đâu không?

- Bình yên. Bình yên cả. Tôi vừa gặp bác gái ban trưa đây. Tôi nghiệp, bác khóc sưng cả mắt. Cứ lo trận cháy rừng...

Tía nuôi tôi thở phào một tiếng. Bấy giờ, tôi mới khua giầm hỏi to:

- Giặc ở trên tàu bay bắn xuống hồ chú?



Người đàn ông đang chèo chiếc tam bản trở mắt nhìn qua xuống chúng tôi một lúc rồi mới nói:

- Không hay biết gì cả à? Giặc vào đóng chốt tại Cây Gừa rồi!

- Chú đi đâu đó? - Tía nuôi tôi, hỏi.

- Đi nhắc hàng⁽¹⁾ cho Võ Tòng đây. Bác lên vuốt mắt ông ấy thử coi... Tội nghiệp, chết rồi mà cặp mắt vẫn không chịu nhắm lại... Lát nữa, tôi sẽ quay về ngay thôi.

- Nhanh tay lên, con! - Tía nuôi tôi giục.

Tôi có cảm giác như tự chiếc xuồng đang lao nhanh vào bờ, chứ không phải do mình đang dốc lực bơi đi. Tôi chưa kịp buộc xuồng vào một gốc cây thì tía nuôi tôi đã nhảy phóc lên, chạy đến chỗ đám người xúm xít đứng vòng quanh trên một bãi cỏ.

Khi tôi lên tới nơi, lách qua mấy người đứng bên ngoài, chen được vào trong thì thấy tía nuôi tôi đang quỳ xuống bên cái thây đắp bằng mấy tàu lá chuối. Hai bàn chân người chết lộ ra ngoài mé lá; vết bùn đóng trên mấy đầu ngón chân hầy còn ướt ướt. Lão Ba Ngụ mặt dăm chiêu, đứng phía sau đầu người chết có cắm mấy nén hương cháy. Thấy tôi, lão hất hàm một cái, dường như ra ý hỏi: "Mày cũng ở đây à?" rồi lão lại đứng lặng yên trở về với cái dáng thiếu não và bộ mặt rầu rĩ ít thấy có ở lão xưa.

(1) Mua áo quan. Ở Nam Bộ, không gọi "áo quan" mà gọi là "hòm" hoặc là "hàng". Khi đã liệm xác vào rồi thì gọi là quan tài.

nay. Tía nuôi tôi run run đưa bàn tay to lớn đâm đây mồ hôi ra cầm một tàu lá chuối nhấc lên. Đôi mắt chú Võ Tòng vẫn mở trừng trừng như lúc còn sống, ngồi bên nồi thuốc ở giữa lều một đêm khuya. Bộ ngực to lớn bị đạn bắn thủng năm sáu lỗ, máu đọng đen sì trên những vết thương càng làm nổi bật lên bảy chữ: "Ninh thọ tử, bất ninh thọ nhục" bằng quốc ngữ xâm một cách nắn nót theo lối cổ tự, giữa hình một quả tim có con rồng cuộn khúc bao quanh. Con người bị áp bức ấy, lúc sống đã uốn ngực mình ra cho anh em bạn tù cùng khổ thích vào da thịt những chữ xanh lè để nêu lên một phương châm sống: *"Thà chịu chết, quyết không chịu nhục"*, giờ đây đã nằm xuôi tay trên bãi cỏ, nhưng đôi mắt hãy còn chưa chịu khép lại.

Tía nuôi tôi nhìn vào mặt cái xác, khấn to, như gọi hồn người chết về chứng kiến lời mình:

- Võ Tòng ơi! Vong hồn chú sống khôn thác thiêng, cho tôi vượt mắt chú nhắm lại đi. Đừng để bà con thấy thêm đau lòng...

Bàn tay tía nuôi tôi từ từ đặt lên đôi mắt đại đờ. Chung quanh im phăng phắc. Tía nuôi tôi để yên bàn tay như vậy khá lâu, và khi ông từ từ vuốt mí mắt xuống thì đôi mắt của người chết vừa rồi mở trừng trừng quả nhiên đã khép lại.

Mọi người "ồ" lên một tiếng, và bấy giờ tiếng thì thảo mới bắt đầu nổi lên. Tôi ngạc nhiên



quá đổi. Không hiểu sao những lời khấn vừa rồi lại có thể "ứng nghiệm" lạ lùng như vậy được.

Lão Ba Ngù đưa tay quạt một giọt nước mắt, cúi xuống đắp tào lá chuối lên mặt cái xác. Theo lời những người chung quanh thì lão là người độc nhất chứng kiến cái chết anh dũng của Võ Tòng. Sau khi chiếc ca-nô địch chạy qua, còn chưa khuất lái, lão đã lặn ngay xuống sông vớt xác Võ Tòng lên, và mặc cho máu me còn đầm đìa rỏ xuống ướt cả người, lão cứ thế vác đi một quăng mới gặp xuống gò chổ về đây. Còn như sự thể đã diễn ra như thế nào thì không nghe ai nói. Dường như mọi người đều biết cả rồi. Chỉ có tía con chúng tôi mới đến là còn chưa rõ.

Người đàn ông chèo chiếc tam bản trên sông lúc nầy đã quay về, chổ theo một cái "hòm". Trên tam bản còn thấy có ông chủ nhiệm thôn bộ Việt Minh vai đeo khẩu súng hai nòng, và một anh thanh niên mặc quần đùi, cởi trần, đáng chừng là người theo phụ giúp việc khiêng vác.

Huyệt mả đã đào xong gần ngay đấy. Cuộc nhập quan tài cũng hết sức giản đơn và nhanh chóng. Người ta đặt xác vào quan tài, và mọi người chung quanh đứng cúi đầu vĩnh biệt người anh hùng của xã lần cuối, trước khi đóng nắp áo quan. Không một tiếng khóc. Không một bài điệu văn nhỏ, hoặc một người nào đó đứng ra nói mấy lời về cái chết anh dũng của

người còn nằm đây. Đó là điều làm cho tôi xốn xang, bứt rứt không chịu nổi. Trên những gương mặt sạm đen dãi dầu nắng gió của họ, tôi không tìm ra một nét nào là biểu hiện của bi thương. Cho dù là dáng vẻ bề ngoài, một sự bi lụy thông thường bao giờ mà chả cần có ở một đám đưa ma? Trên những gương mặt bất động dường như chạm bằng đá kia, chỉ có những cặp mắt là chói ngời, khiến tôi không dám nhìn thẳng vào họ.

Khi quan tài đặt xuống, ông chủ nhiệm thôn bộ Việt Minh là người ném hòn đất xuống đầu tiên, rồi bước ra ngoài nhường chỗ cho người khác. Mỗi người cầm một hòn đất bước đến bỏ vào huyệt mả. Trong lúc ai nấy đang loay hoay lo lấp huyệt, bỗng nghe "đoàng... đoàng..." hai tiếng nổ bên tai. Ông chủ nhiệm thôn bộ Việt Minh đã bất thần bắn lên hai phát súng chào không dự định trước. Một tay ông cầm khẩu "ca-líp đuôi" hai nòng bốc khói xanh, một tay giơ lên trước huyệt, bộ ria đen nhánh rung rung:

- Chú Võ Tòng! Đồng bào sẽ trả thù cho chú!

Tất cả những cánh tay nhớp nháp bùn đất của người đứng chung quanh huyệt mả cùng giơ tay thẳng lên trời. Họ gào lên như tiếng súng vừa nổ bất thành linh: "Trả thù!" Hồi âm từ trong rừng xanh vọng lại hai tiếng: "Trả thù" âm vang trên mặt sông chiều đỏ rực một màu máu. Bầu không khí nhiễm đặc mùi thơm nồng của khói thuốc súng như rung lên, và sự



im lặng lại trở về xâm chiếm đầu óc tôi, một chú học sinh bé nhỏ vốn ở thành phố, chưa từng bao giờ trông thấy một cuộc tổng táng tràn đầy phần mộ như vậy.

Những người còn nấn ná sau cùng bên ngôi mộ mới đắp xong là lão Ba Ngù, tía nuôi tôi và tôi. Khi thấy lão nhận lời mời "về ở chơi vài bữa" của tía nuôi tôi mà không một lời từ chối, tôi lập tức thấy cái tính không khách sáo của lão thật là đáng yêu biết chừng nào.

Vào khoảng hơn bảy giờ tối hôm ấy thì chúng tôi về đến nhà. Tôi không chú ý tới sự mừng rỡ của má nuôi tôi và thằng Cò. Cả những câu hỏi đầy âu yếm và lo lắng của bà, tôi cũng chỉ nghe có một bên tai và trả lời qua loa cho xong về trận cháy rừng. Tôi đang nóng lòng sốt ruột, muốn nghe lão Ba Ngù kể lại cái chết của "người đàn ông cô độc giữa rừng" mà lão là người độc nhất được chứng kiến. Thế mà lão lại ngồi uống trà nhâm nhi với tía nuôi tôi, và nói những chuyện con cà con kê gì ở đâu đâu. Sự hy sinh anh dũng của Võ Tòng có làm cho má nuôi tôi buồn thương giây lát, nhưng dầu sao cái việc chồng con vừa thoát chết trong trận cháy rừng về tới nhà, và sự có mặt của một ông khách vốn là chỗ có đôi chút quen biết trước với chồng mình - mà tất cả đều chưa ăn uống gì - khiến bà bận lên trong công việc lo cơm nước đãi khách một cách vui vẻ.

Nghe má nuôi tôi bảo thằng Cò bơi xuống sang xóm bên mua thêm rượu, và tiếng vịt bị cắt tiết kêu cạp... cạp... sau bữa, tôi càng yên trí ngồi hóng chuyện bên tía nuôi tôi. Tôi giành cho mình cái quyền được nghỉ ngơi sau mấy ngày vất vả, và tự thấy mình như một người con trai lớn, có thể đường hoàng cùng ông bố ngồi tiếp chuyện với khách vậy.

- Chúng nó bắt được tôi trong lúc tôi có hơi quá chén, anh Hai ạ. - Lão Ba Ngủ e hèm mấy tiếng, cười cười nhìn bố nuôi tôi. Có bao giờ lão nhận là lão say đâu! - Chẳng là tôi đưa vợ con tản đến ở nhờ nhà một người bà con ở Kim Quy Đá Bạc, vừa quá giang xuống về đến xã này thì gặp giặc đổ bộ vào. Cái thằng chủ xuống chết tiệt, nó mới cùng uống rượu với mình, thế mà lúc nguy biến, nó đạp xuống nhảy lên bờ chạy tháo mạng, bỏ mình nằm trơ như con lợn quay cho giặc xách đi mới ức chứ! Chúng nó dắt tôi về tới một ngôi miếu khá lớn...

- Ngôi miếu chỗ cây gừa, gần ngã ba sông? - Tía nuôi tôi gật gù vừa như hỏi lại vừa như kết thúc cho xong câu ngắc ngứ của ông khách lễ mễ.

- Phải rồi. Đúng là chỗ đó! Chà chà, nó đã bắt nhiều người ở đó rồi. Đang đắp phòng tuyến đóng chốt mà! Chúng nó vớt cho tôi một cái xẻng rồi ra lệnh cho tôi đào đất. Có một thằng mặt gà mái, khom lưng xúc đất, bảo khê tôi:



- Làm cẩn thận nghe ông nội! Nó vừa mới đánh mấy người suýt chết đó!

Lúc bấy giờ, tôi có say đâu! Nhưng không biết tay chân xệu xạo cầm xẻng gục tới gục lui thế nào, mà một thằng Việt gian cầm roi gân bò vẩy vẩy tôi lại. "Chà. Mày muốn thử tấm da bò trên lưng lão à? Thôi thôi. Cái trò này đối với lão chẳng ra mùi đâu!" Tôi nghĩ như vậy và sẵn sàng chịu cho nó quật một trận. Thằng Việt gian lùn tịt ngược lên nhìn bộ mặt vênh váo của tôi, nó hỏi:

- Ở xã nào?

- Ở đâu... Còn ở đâu nữa... ở ngay đây thôi! - Tôi đáp liều mạng như vậy.

Tưởng nó nện tôi rồi chứ! Nhưng mà không. Chẳng những không động đến cái lông chân của tôi, mà nó còn toét mồm ra cười, móc thuốc lá cho tôi hút. Lại đánh diêm cho tôi châm lửa cẩn thận!

- Số của ông tới rồi, biết chưa? - Nó nói như quát, bộ nó tưởng tôi điếc hay sao ấy!

À, hóa ra nó còn đùa chơi, nó còn cho mình một điếu thuốc trước khi đem bắn mình đây. Nói có hai bên vai làm chứng, thực tình thì tôi có hơi ớn xương sống, rùng mình một cái, nhưng tôi không sợ nó. "Bắn lão à? Được. Cứ hút cho hết đã. Thong thả đã, vội gì. Trước khi người ta vĩnh biệt cõi đời để không bao giờ trở lại gặp mặt vợ con, bạn bè nữa, thì việc gì mà phải vội!" Tôi nghĩ vậy. Thằng Việt gian đứng

chéo chân, mặt như hai ngón tay chéo, nheo mắt nhìn tôi hút hết điếu thuốc một cách kiên nhẫn, đầy soi mói. Cái lưng gù gù của nó càng khom tới trước, giống như con mèo rình chuột. Không biết nó phục tôi hay rửa tôi.

- A-lê! Đi! - Nó quát.

Chắc mềm nó bắn mình rồi! Tôi sắp sẵn mấy câu khẩu hiệu hô trước khi chết cho đúng tư thế một người chiến sĩ. Ha... ha... Mỗi thước đất là một chiến hào, mỗi người dân là một chiến sĩ mà! Chắc nó đem bắn mình ở ngoài mé sông kia. Hóa ra nó dắt tôi vào miếu, đến trước chỗ thằng Tây đang ngồi uống rượu trên một cái bàn thờ mới cướp đầu về. Thằng Việt gian xì xồ nói gì một lúc với thằng Tây. Rồi thằng Tây thân hành rót một cốc rượu đưa tận tay tôi, ra hiệu bảo tôi uống. Mẹ kiếp, rượu gì mà nhạt thếch!

- Số ông đưa tới... chỗ có bạc xài. Lại có rượu uống thả của rồi đấy, ông nội ạ! - Thằng Việt gian đập đập khế cái roi vào lưng tôi, nói giọng mơn trớn.

Rồi chúng nó đồ tôi làm chỉ điểm! Mả mẹ nó, lúc này nghĩ nó sắp đem bắn mình, tôi không chút nao núng. Sao giờ nghe chúng nó nói thế, tôi lại phát nổi gai ốc đầy mình? Tôi tỉnh lại ngay tức khắc. Trời ơi, bây giờ tôi mới biết những thằng rượu chè be bét, những thằng trác táng truy lạc, giặc coi như là dân "bồ bịch" của nó đấy! Thằng Việt gian trải một tấm bản



đồ ra bàn, hỏi tôi: đây là con kênh gì gì, con rạch gì gì, xóm này là nhà ai, nhà ai... Cha chả, mình đã lỡ nói mình là dân xã này, mà bảo không biết thì nó đánh tan xác. Tôi cứ gật bừa, chứ nào có biết trời trăng gì đâu! Nó đưa cho tôi một cái giấy xanh xanh, bảo tôi quấn lại như đầu đũa nhét vào lưng quần, hễ có bị Tây nào khác bắt thì cứ móc đưa ra. Bảo gì tôi cũng gật. Nó rót thêm cho tôi cốc rượu nữa, và nhét vào túi tôi một trăm đồng bạc, dặn rằng: "Hễ thấy có Việt Minh, có du kích ở đâu thì lập tức về báo ngay cho quan lớn biết. Sẽ hậu thưởng. Nhớ chưa?" Tôi gật gật... Ra khỏi miếu chừng trăm thước, tôi vạch quần đái một bãi rồi chuồn một mạch không quay mặt lại. Chỉ sợ nó theo gọi lại chụp hình thì sớm về châu ông vải.

Tôi móc cái giấy xanh xanh ra cầm tay, định hễ gặp người nào đăng mình thì lập tức trình ra. Lội hết xóm này qua xóm khác mà chẳng gặp ma nào. Tôi cầm cái giấy trên tay như cầm cục lửa. Những muốn xé nát, vứt đi. Rủi bị thanh niên tự vệ bắt trước khi mình đưa ra cho họ, thì chết oan hơn một ngàn bà Thị Kính!

Trời xui đất khiến, may sao lại gặp đúng ông chủ nhiệm thôn bộ cùng đi với Võ Tòng. Võ Tòng tôi cũng quen, còn ông chủ nhiệm thì hồi đưa ông Huỳnh Tấn xuống Thới Bình, tôi cũng có gặp ông. Tôi bèn chìa cái giấy ra và kể lể hết mọi nỗi cho họ nghe, lại đưa cả một trăm đồng bạc ra cho ông chủ nhiệm bỏ vào quỹ ủng hộ

kháng chiến. Ông chủ nhiệm có khen tôi là mưu trí, trung thành, nhưng cũng chê tôi là... như vậy coi không được! Nhưng bây giờ sự tình đã lỡ rồi, ông bảo tôi cứ giữ cái giấy xanh xanh ấy, cứ ra vô bốt như thường, có tin tức gì thì báo cho anh em biết. Tôi nói: "Lạy ông! Ông có bắn thì bắn, chứ tôi không trở vô đó nữa đâu. Dứt khoát là không trở vô!" Còn Võ Tòng thì chỉ nghe, chứ không nói năng gì. Nhưng tôi sợ chú ấy hơn ông chủ nhiệm thôn bộ mới lạ chứ! Chà, mấy cái chữ "Ninh thọ tử, bất ninh thọ nhục" xăm trên ngực chú, cứ như là chửi cha tôi không bằng! Được cái ông chủ nhiệm không rầy lâu. Nói sơ chút vậy, đủ hiểu thì thôi.

"Đánh úp vào miếu thì mình không đánh nổi. Lính đảng mình rút xuống Năm Căn từ tám hoánh nào rồi... Chúng nó như một luồng dịch, bây giờ mình sức yếu phải tạm thời lánh ra, rồi sau sẽ bọc sau lưng chơi du kích với chúng nó..." Đó, đại khái ba người chúng tôi bàn nhau như vậy. Theo ý ông chủ nhiệm thì nên rình mấy thằng lính đi đốn cây mà bắn tĩa, cướp súng trước. Có súng mới làm ăn được. Nghe có lý lắm. Còn theo ý Võ Tòng thì phải "khử" cái thằng Việt gian đã thuộc rành đường đất xứ rừng này trước. Giết thằng đó, thì bọn giặc co lại trong đồn thôi. Nghe cũng có lý lắm. Hai người cứ cãi nhau. Sau cùng, ông chủ nhiệm bảo tôi "biểu quyết". Tôi hỏi: "Biểu quyết là cái gì?" Ông nói: "Theo ý kiến ai thì



giơ tay lên. Bên nào đông thì làm theo ý kiến đó!" Hai ông đều giơ tay của mình lên. Bây giờ tới phiên tôi. Hễ tôi đi theo ai thì người đó thắng. Chà, chưa bao giờ tôi thấy mình quan trọng và oai như vậy. Nhưng mình theo người này thì méch bụng người kia, thật khó quá! Tôi bèn giơ cả hai tay lên, mỗi tay ngả về một phía. Ông chủ nhiệm lăn bò ra cười. Tôi cũng cười. Chỉ có chú Võ Tòng là không cười.

Ba người chúng tôi dắt nhau đi phục kích ở bờ sông. Phơi nắng suốt hai ngày mà không thấy thành lính nào mò tới. Ca-nô nó cứ chạy phình... phình... ở khúc sông trên kia ngã ba. Có lẽ vì chúng tôi phục kích chỗ xa quá... Ngày hôm sau nữa, ông chủ nhiệm bận đi mượn thêm tay súng của xã bên, chỉ còn có tôi và Võ Tòng.

Lão Ba Ngù kể tới đây bèn dừng lại, quần thuốc lá châm vào rít mấy hơi dài. Lão cúi mặt xuống một lúc; khi lão ngẩng lên, hai giọt nước mắt long lanh hai bên khóe mắt từ từ chảy dài xuống má, đọng lại ở chòm ria. Lão cũng không đưa tay lên chùi. Lão lại tiếp tục kể, giọng hơi thấp xuống:

- Võ Tòng dắt tôi lội rừng, lên chặn đầu ca-nô ở khúc sông trên ngã ba. Chỗ khúc sông ngoắt có cây gừa gie nhánh ra sông đấy!

- Nơi đó trống trải quá! - Tía nuôi tôi chắc lưỡi thở dài.

- Ừ, hai bên bờ không có lùm bụi cây cối gì... Nhưng Võ Tòng cương quyết "phục" chỗ đó. Chú bảo tôi là thế nào cũng làm ăn được. Bọn giặc sẽ không ngờ. Chú mang nỏ, trèo lên ngôi trên nhánh gừa gie ra sông, núp trong mấy đám tấm gỏi. Tôi thì nằm trong bờ, vạch cỏ chui xuống như con rùa, chỉ ló đầu lên quan sát thôi. Quá trưa mà không thấy ca-nô nó chạy qua. Hai hôm trước nó đều ra buổi sáng. Tôi đã toan gọi Võ Tòng về thì chợt nghe tiếng ca-nô nổ máy phình phình. Chưa tàn nửa điệu thuốc, nó đã tới. Mà không phải từ đằng miếu tới. Đêm qua nó đi đâu, bây giờ mới trở về đây! Võ Tòng lập tức xoay người lại. Tôi chỉ thấy rung rung một cọng lá, và ở đầu cọng lá ló ra một mũi tên tẩm thuốc độc đen sì.

Tôi đã trông rõ từng thằng trên ca-nô. Một tiểu đội cả thấy. Tám thằng giặc, ba thằng ngụy. Chúng nó đều cởi trần, da phơi nắng đỏ như cua luộc, thằng nào cũng đội một cái nón vải rộng vành màu cứt ngựa. Thằng Việt gian lùn tịt ngồi ở mũi ca-nô, mũ vải bò tụt xuống cái lưng gù gù trông thật đáng ghét. Tôi kêu vừa đủ cho chú nghe:

- Cái thằng lùn đầu trần đấy! Nó đấy!

- Ờ!...

Chú chỉ "ờ" có một tiếng. Thằng ngụy thủ cây trung liên đầu bạch ghếch nòng súng lên đùi, ngồi chỗ be móc thuốc ra đốt hút. Đúng là



ở chỗ này trông trái, nó không đề phòng. Và lại cũng sắp về tới ổ chúng nó rồi mà. Chiếc ca-nô ào ào rẽ nước tiến đến. Tôi chớp mắt mấy cái. Không thấy một cọng lá rung mà mũi tên bay từ lúc nào đã cắm đứng vào giữa cổ họng thằng Việt gian nghe cái phịch. Nó ngã ngửa vào khoang. Mũi tên thứ hai bắn cắm vào vai một thằng Pháp râu xồm. Thằng giặc già từ từ nhô mũi tên ra, ném xuống sông cười hô hô. Nó đưa bàn tay lông lá lên lau dòng máu ròng ròng chảy xuống bên vai; chưa lau sạch, đầu nó đã quay quay chúi chúi xuống như con bò bị búa tạ đập vào giữa sọ. Kể nghe thì lâu, chứ sự việc diễn ra nhanh như chớp, anh Hai ạ! Ca-nô vẫn chạy. Đã chạy qua khỏi cây gừa rồi. Bấy giờ, chúng mới bắn loạn xạ vào hai bên bờ. Dạn véo véo bay qua đầu tôi, còn Võ Tòng thì vẫn ngồi ngang nhiên trên cành cây vô sự. Tôi chờ cho nó chạy xa một quãng thì đứng lên gọi Võ Tòng về. Ai ngờ đâu còn một chiếc nữa đã phình... phình... ló mũi ra chỗ khúc sông ngoặt. Một thằng Tây đội kê-pi vàng rực, vai đeo ga-lông⁽¹⁾ chớp chớp ánh kim tuyến, ngồi bên cạnh con đàn bà mặc quần áo nhà binh đang đưa ống nhòm ngắm tới trước. Thằng này ít ra cũng là quan ba! Mấy hôm trước không thấy có mặt nó trong đám này!

(1) Cẩu vai.

Chòm tầm gửi rung rung trên nhánh cây giữa, rồi trở lại im lìm không động đậy. Tôi hồi hộp quá. Cách chừng ba tầm tên nữa thì ca-nô nó lọt vào vòng phục kích của chúng tôi. Bỗng con đàn bà buông ống nhòm tụt xuống ngực, trở vào chòm tầm gửi nói xì xồ gì đó. Thằng Tây đội kê-pi vớ khẩu tiểu liên trên tay một thằng lính ngồi dưới khoang, đưa lên ngắm. Chòm tầm gửi đu đưa mấy cái. Trời đất quý thần ơi, Võ Tòng từ từ ló lên giường cánh nỏ. Tôi muốn thét lên mà lưỡi cứ lú lại. Bắn ngay nó một phát tên, rồi nhào xuống sông lặn tuốt đi, có phải êm không? Lại không bắn, còn chờ gì nữa hỡi trời! Thằng sĩ quan Pháp vẫn chưa nổ súng. Chiếc ca-nô đã tới gần lắm rồi. Con mụ đàn bà bỗng quát lên một tiếng, vỗ tay vào lưng thằng Pháp. Lập tức, tôi thấy cánh tay phải của thằng giặc rung rung. Tai tôi không còn nghe tiếng súng nó bắn ra nữa, chỉ thấy làn khói trắng như sợi chỉ phụt phụt ra từ họng súng tiểu liên. Chú Võ Tòng từ trên cành cây rơi xuống nước... Rõ ràng là thằng giặc thoát chết vì khoảng cách giữa nó và chú Võ Tòng còn ngoài một tầm tên. Nó đã xuống tay trước chú! Bây giờ tôi không còn biết sợ hãi là gì nữa, cứ nhô đầu lên coi chú Võ Tòng có mệnh hệ gì không. Chiếc ca-nô chạy qua xóa mất những vệt máu mà tôi chắc rằng phải đỏ cả mặt nước kia... Anh Hai ơi! Anh có biết con mụ đàn bà ấy là ai không? Nó là con vợ thằng Tư Mắm ngày



trước vẫn thường lui tới bán dưa khô, bí rợ trên chợ Chắc Bàng đấy!

Bàn tay lão Ba Ngù đấm xuống mặt bàn một cái rầm, cốc chén nảy bật lên. Ngọn đèn chao qua chao lại, khiến tôi có cảm giác như bốn bức vách nhà lung lay vì một sức chấn động dữ dội.

Tôi đưa tay chụp lên cái đèn, giữ cho nó khỏi đổ. Bàn tay tôi chạm vào cái thông phong rất bông. Tôi bỗng nhớ tới bàn tay ngón búp măng của con mụ đàn bà đẹp một cách dễ sợ đã dúi vào tay tôi tờ giấy bạc năm hào nơi quán dì Tư Béo mà tôi đã từ chối không nhận. Chính bàn tay con mụ gián điệp ấy đập vỗ vào lưng tên giặc Pháp, xuống lệnh khai hỏa giết chết chú Võ Tòng!

Tía nuôi tôi ngồi lặng đi một lúc lâu. Cơm canh đã dọn ra bàn rồi mà ông vẫn ngồi yên như một khúc gỗ. Dường như trong đôi mắt ông đăm đăm nhìn sững vào ngọn đèn, đang hiện lên quá khứ xa xăm của người bạn cùng khổ, giữa nơi cuối đất cùng trời này.

Khi nghe má nuôi tôi giục ông mời khách ăn cơm, ông mới thông thả đứng dậy. Ông bước đến bên bức vách rút ra ba mũi tên trong chiếc ống nứa ra, để nằm ngang trên đĩa, đặt lên bàn thờ. Rồi ông rót một chén rượu đặt bên cạnh đĩa tên thê, và thắp nguyên cả một bae hương cắm vào bát tro.

Tuyệt nhiên không hề thấy có một nét biến đổi trên sắc mặt ông. Cả một hơi thở mạnh cũng không nghe thấy...

14

MÙI TÊN THÙ

Tội nghiệp cho hai ông già, ngày nào cũng dất nhau ra đi từ trời còn mờ đất, có khi đến tối mới mới về. Má nuôi tôi lo lắng. Nhưng bà biết rõ chồng mình hơn ai cả. Khi ông đã quyết một sự gì rồi, thì lời khuyên can và những giọt nước mắt của bà không thể làm mềm được ý chí của ông. Tốt hơn hết là nên im lặng.

Sau cái trận bị phục kích bất ngờ, chết mất tên Việt gian đưa đường lợi hại và một thằng giặc Pháp, bọn địch phát quang cây cối dọc ngã ba sông có hơn nghìn thước, bắn chết ba người đàn bà đi thuyền trên sông giữa ban ngày, và yết bảng tại ngã ba rằng: *"Ai nộp một cái đầu Việt Minh, sẽ được lĩnh một nghìn đồng"*. Đồng thời chúng cũng ra sức mua chuộc: mỗi người dân bị chúng ruồng bắt về đồn đập phòng tuyến, trước khi được thả về đều được phát cho ba thước vải, một số thuốc ký ninh và hai bao

thuốc lá "Gô-loa"⁽¹⁾ cùng một cái giấy "lách-xê-pát-xê"⁽²⁾.

Lão Ba Ngủ ở chơi với tía nuôi tôi hơn một tháng mới từ già trở về Chắc Băng. Không biết có phải lão buồn vì công lận lợi của mình chẳng đem lại một kết quả gì, hay bởi con mụ "vợ Tư Mắm" đã theo thằng quan ba trở ra chợ tỉnh Rạch Giá - thế là mất đối tượng chính - nên lão nản lòng bỏ đi chăng? Tía nuôi tôi từ hôm ấy càng dăm ra ít nói, chẳng thiết gì công việc làm ăn, cứ bỏ nhà đi luôn. Nhiều khi cả mấy ngày không về nhà. Có về nhà thì lại thấp hươu cắm lên bàn thờ rồi lại ngồi uống rượu khan một mình.

Một số người ở xung quanh đồn giặc đã lục tục trở về nhà cũ. Cả ba bốn ngôi quán bán cà phê, hủ tiếu cũng vừa dựng lên. Tía nuôi tôi đã mấy lần mò ra quán cà phê, lần nào cũng trở về với bộ mặt rầu rầu khiến cho thằng Cò và tôi không dám nói chuyện to tiếng.

Một hôm, tía nuôi tôi cầm rựa đi đốn ở đâu về mấy gốc tre già. Ông vớt tre xuống sân, bảo thằng Cò đi mua rượu. Người ông thay đổi hẳn, chân tay nhanh nhẹn, vui vẻ hoạt bát lên như ngày trước. Ông chẻ tre, nắn nốt chuốt từng mũi tên, ban ngày phơi nắng, ban đêm hong lửa. Ông nâng từng mũi tên lên tay, cân xem có vừa sức nặng và bề dài của ba mũi tên tầm độc

(1) Một thứ thuốc lá nặng cấp cho binh lính Pháp.

(2) Giấy thông hành tạm.

của ông không... Ba hôm liền, ngày nào ông cũng ngâm tẩu thuốc lá, cầm nỏ, mang tên, dắt con Luốc đi vào rừng.

- Chẳng thấy bắt được con chồn con cáo gì, mà ngày nào cũng lặn lội cho mệt! - Má nuôi tôi lâu bầu nói như vậy.

Tía nuôi tôi chỉ cười. Nụ cười hờn hậu trên gương mặt khoáng đạt mà tôi thấy ở ông lần đầu tiên nơi xóm chợ Ngã Ba Kênh, lại trở về với ông.

Dứt khoát không phải tía nuôi tôi đi săn con chồn con cáo gì đâu. Có thể là ông đi tập bắn nỏ đấy thôi! Mà một người thông thạo nghề rừng nghề biển như ông, thì việc sử dụng cánh nỏ chỉ như một trò chơi, ông cần gì phải tập. Vậy thì tía nuôi tôi đi đâu? Làm gì?

Ý nghĩ ấy cứ nung nấu trong đầu tôi, càng thôi thúc sự tò mò dậy lên trong tôi rất mãnh liệt. Phải theo coi ông làm gì? Thế là tôi mò vào rừng. Theo dấu chân ông, tôi đi tìm khắp nơi nhưng không thấy. Đã toan về, bỗng con chó Luốc từ trong một bụi cây chạy ra xoắn lấy tôi. Tôi vội ôm con chó, vuốt ve cho nó đừng sủa. Và con Luốc dắt tôi chạy băng qua một khoảng đất lầy, đến một cái bầu rộng. Tôi giở mồm con chó xuống đất, núp trong một bụi sậy, ngó ra bầu. Tía nuôi tôi cỡi trần, đang loay hoay bơi trong một đám rêu. Ông nhặt lục bình, rau mác phủ kín thân người, rồi giương nỏ, chống hai khuỷu tay lên hai khúc bẹ dừa nước thả giữa đám rêu,



giữ thăng bằng trên mặt nước, không động dấy. Khi mặt bầu đã trở lại phẳng lặng, và một cái lá lục bình cũng chẳng thấy còn rung nữa, thì từ trong đám rêu nghe vang ra một tiếng tách rất khẽ của cánh nỏ bật dây. Chiếc tên bay ra, cắm phập vào một bẹ dừa nước cắm ở mấp mé ven bờ, mà đám rêu không mảy may động dấy. Tôi không đếm rõ, nhưng ước chừng sáu bảy chiếc tên đã bay ra cắm đầy bẹ dừa nước, cách mặt nước khoảng một tấc, đều tằm tắp như ta cắm từng mũi tên và ghim vào vậy.

Tôi hãi quá. Vừa hãi vừa kính phục. Muốn gọi tía nuôi tôi một tiếng, nhưng sợ ông mắng, tôi len lén dắt con chó đi một quãng mới thả nó ra và lặng lặng trở về.

Tôi không hề lộ ra chút gì tỏ rằng mình biết chuyện tập bắn của ông. Hôm sau, tía nuôi tôi gọi tôi ra sân bảo khẽ:

- Con đi với tía ra bắt đi!

Tôi đoán rằng tía nuôi tôi dắt tôi đi phục kích bắn giặc, ông đã gọi tôi theo, hẳn là ông tin cậy tôi hơn thằng Cò. Bụng mừng rơn, tôi nói luôn:

- Tía đưa cho con cái dao găm!

Ông nén cười, vỗ vỗ lên đầu tôi:

- Đi chơi thôi mà. Việc gì phải mang dao.

Thấy tôi đứng ngớ ra, ông cúi mặt nói khẽ trong tai tôi:

- Hồi trước, con có biết mặt "vợ thằng Tư Mắm"... Con đi với tía, coi phải đúng là nó không?

Tự nhiên hai chân tôi nhảy dựng lên một cái. Giờ phút đợi chờ của tía nuôi tôi đã đến rồi. Thảo nào trông ông khác hẳn. Tôi lập tức hiểu ngay việc chuẩn bị của ông từ mấy hôm nay.

- Đi, tía! Con làm sao quên mặt con gián điệp khốn nạn ấy được. - Tôi phẩn khởi nói như vậy. - Nhưng mà... nó cũng nhớ mặt con đấy, tía à!

- Không lo. Con thấy nó mà nó không thấy con đâu, đừng sợ.

Thế là hai tía con chúng tôi bơi xuống ra đi. Đến xóm nhà gần đồn, tía nuôi tôi giấu xuống vào một bụi ô rô rồi dắt tôi lên bộ. Chúng tôi đều đi tay không. Rủi gặp một thằng lính nào thì lấy gì chống trả? Tôi vừa đi vừa lo, mắt cứ đảo dác ngó chung quanh. Ông vỗ vào vai tôi một cái mạnh:

- Đi đường hoàng, con ạ! Làm như mình là dân ở xóm này vậy. Đừng đảo dác... Có gặp chúng nó, để tía liệu lời ứng phó.

Trời chưa tối. Nhưng con đường trước đồn vắng tanh. Lác đác một vài nhà đã thấp ngọn đèn kiểm tra treo trước cửa. Chúng tôi đi ngang qua ngôi quán cuối cùng, rồi tạt xuống mé sông, ngồi đấy.

- Nếu có ai hỏi, con cứ nói là chờ xuống quá giang, nghe chưa? - Ông dặn tôi như vậy và



ung dung móc thuốc lá trong túi ra nhồi vào tẩu, bật lửa lên châm hút mấy hơi dài.

Đã ngồi rình mà còn hút thuốc! Tôi đâm bực với tía nuôi tôi, nhưng không dám phản đối. Từ chỗ chúng tôi ngồi cách đồn giặc không đầy ba trăm thước. Chắc chắn là bọn lính gác trên chòi đã thấy chúng tôi rồi. Có lẽ tía nuôi tôi cố ý đốt thuốc lên hút, để chúng nó ngỡ chúng tôi là người trong quán ra ngồi chơi. Bên kia bờ sông, cây cối bị san bằng mặt đất, một con mèo chạy cũng thấy rõ. Mặt trời sắp lặn chiếu ánh vàng nhợt nhạt lên mặt đất trần trụi bên kia bờ, và hồi quang từ mặt nước hắt lên tường vôi trắng bệch của ngôi đồn một màu không tên gọi, một thứ màu đặc biệt khó tả nhưng nó gọi cho người ta nghĩ ngay đến mùi tanh nhớt cá.

- Quái, mọi hôm giờ này nó đã ra rồi kia mà! - Tía nuôi tôi vừa lẩm bẩm nói xong, thì ông đã nén giọng kêu khẽ trong cổ - Nó đây rồi.

Từ trong đồn, một dáng người đàn bà tóc phi-dê uốn ẹo đi ra, vai quàng chiếc khăn tắm biển xuống tận gối. Trông rõ cả đôi quai dép trắng dưới chân. Con ngựa cổ ra sau, lắc lắc mớ tóc rồi đưa bàn tay túm gọn vào gáy trước khi trùm chiếc mũ cao su lên. Thoạt trông dáng đi uốn ẹo như hình rắn lượn, thấy bàn tay đưa lên vén tóc, tôi đã biết ngay là nó rồi. Bàn tay búp măng rất đẹp, không thể nhầm lẫn. Bởi nó quay lưng về phía chúng tôi, lại phi-dê tóc, nên tôi còn phải chờ xem cẩn thận đã. Đến khi nó

xoay người bỏ chiếc khăn quàng xuống trụ cầu nước, nhìn bộ mặt trông nghiêng nửa bên của nó, thì tim tôi đập rộn lên:

- Đúng nó rồi, tía à! - Suýt nữa thì tôi kêu to lên.

- Xem cho kỹ!

- Đúng là nó mà!

Con gián điệp phơi nguyên cái thân hình lộ lộ của nó, chỉ có ba mụn vải che chỗ kín và bộ ngực. Nó vung tay vung chân khởi động chừng nửa phút rồi gieo mình xuống nước.

- Chắc chắn là nó, hử con? - Tía nuôi tôi hỏi lại cẩn thận.

- Chắc!

- Thôi về, con!

Tía con chúng tôi vừa đứng lên đi mấy bước, thì có một thằng ngụy trên chòi gác la lên:

- Ê! Mấy thằng nào trong quán ra rình coi bà lớn tắm đó? Coi chừng ông lớn bắn bỏ mẹ đa!

Chúng tôi cứ thản nhiên đi. Đi một quãng thật xa, bấy giờ tôi mới thấy rờn rợn nghĩ lại lúc mình ngồi ở bờ sông.

- Về nhà đừng nói gì cho má con biết, nghe không! - Tía nuôi tôi cứ dặn đi dặn lại, bảo tôi có đến ba bốn lần chỉ mỗi câu ấy.

Đêm đó, cả nhà ngủ đã lâu rồi. Tôi giật mình thức dậy, vẫn còn thấy tía nuôi tôi cầm cái tẩu lăm lăm trong lòng bàn tay, bên gốc cây trà trước sân. Trưa hôm sau, vào khoảng hai giờ



chiều, tía nuôi tôi đã xách nỏ, mang ống tên ra đi, không quên lấy cái dao găm trong chiếc túi da beo ra đeo thật chặt bên hông.

Má nuôi tôi hỏi:

- Ông đi đâu mà không cầm theo chiếc nón đội vậy?

Tía nuôi tôi đáp ngắn ngủi:

- Ra ngoài xóm một chốc thôi!

Con Luốc ve vẩy đuôi chạy theo. Tía nuôi tôi quay lại bảo tôi giữ con chó, đừng cho nó theo. Tôi biết ông đi đâu rồi. Tôi ôm con chó nhìn theo cái lưng trần chắc nịch của tía nuôi tôi, thấy rất vững tin, nhưng đồng thời cũng có một cái gì nôn nao hồi hộp cứ dâng lên trong lòng, khiến tôi rưng rưng muốn khóc.

Tôi đi ra đi vào, bụng nóng như lửa đốt. Tai cứ hướng về phía đồn. Những tiếng súng vu vơ ngoài đó, mọi ngày tôi không thêm chú ý, giờ chỉ nghe tiếng nổ xa lắc ở đâu cũng đủ làm tôi bàng hoàng lo sợ. Má nuôi tôi hỏi gì, tôi cũng chỉ ậm à ậm ừ. Thằng Cò rủ tôi đi đâm cá, tôi cũng không đi. Đến bữa cơm tôi lua láo nuốt vội một bát, rồi lén dắt con chó đi. Tay tôi cầm cái móc, con chó đứng đĩnh chạy theo sau. Tôi băng rừng ra tới bờ sông, đi ngược về hướng đồn giặc. Mặt trời gần lặn thì tôi đã trông thấy bức tường vôi trắng xóa và cái chòi gác cao lêu nghêu bên kia sông. Tôi núp trong những bụi cỏ, lúc thì đi, lúc thì lom khom bò tới. Đến chỗ chúng phát trụi sát mặt đất, không lộ ra được

nữa, tôi đành nằm xuống ngóng qua đồn. Con chó tinh khôn cũng nằm sát một bên tôi, không động cựa gì cả.

Mắt tôi dán trên mặt sông trước ngôi đồn giặc, theo dõi từng đám rêu từ trên kia theo nước trôi xuống. Lỡ tía nuôi tôi núp trong một đám rêu trôi qua rồi, mà con gián điệp khôn kiếp chưa ra tắm thì sao? Bây giờ tôi không lo sự nguy hiểm xảy ra cho tía nuôi tôi, mà chỉ lo con quỷ cái không ra tắm. Mắt tôi lại nhìn vào cửa đồn. "Nó sẽ ra... Nó sẽ ra... Rồi nó sẽ ra...". Tôi lẩm nhẩm như vậy một chốc thì quả nhiên nó ra thật. Vẫn như chiều hôm qua, nó lại ngửa đầu ra sau, vén tóc trùm chiếc mũ cao su lên. Nó lại cởi chiếc khăn tắm đặt lên trụ cầu. Nó đã bắt đầu khởi động rồi kia! Một thằng Tây từ trong đồn đi ra, có con chó béc-giê to tướng theo sát bên chân. Con gián điệp quay lại cười hắc hắc, nói lí nhí gì đó trước khi gieo mình lao xuống nước. Hai tay tôi nắm hai bụi cỏ cứ run lên. Con chó béc-giê sủa oang oang khi thấy một đám rêu trôi qua ngang đồn. Tôi phải vỗ vỗ vào lưng con Luốc, giỡn mồm nó xuống, không thì nó cứ chờn vờn chực đứng lên sủa chửi lại con chó xác xược kia.

Con gián điệp vẫn bơi lên ngụp xuống chung quanh chỗ cầu nước. Một đám rêu nữa lại trôi tới. Con chó béc-giê lại sủa. Nghe rõ cả tiếng thằng giặc suyt máng con chó. Đám rêu thứ ba trôi tới, bé hơn hai đám trước, trôi lơ đãng, coi bộ



chậm chạp. Đúng là tía nuôi tôi đang núp trong đám rêu này. Tôi vừa nghĩ như vậy thì nghe tiếng hét thất thanh của con mụ "vợ Tư Mắm". Nó quẫy đuôi đuôi như con cá mắc câu, cánh tay vói vói bám trụ cầu. Con chó béc-giê chồm chồm trên cầu, sủa ra sông dữ dội. Thằng Tây lôi con mụ kia lên cầu, vừa lôi vừa hét: "Việt Minh! Việt Minh!". Con gián điệp còn dốc hết lực tàn, gơ cánh tay chỉ ra đám rêu trôi trên sông trước khi gục xuống giây đành đạch. Đèn rọi lia như chổi quét trên sông, khắp bốn phía đồn. Súng đủ các cỡ bắn ra như trấu vảy. Thằng giặc Pháp cầm khẩu tiểu liên đuổi theo bờ sông, ria xuống đám rêu. Đạn đỏ ngời nảy trên mặt nước như thia lia. Lại thêm năm sáu thằng ngụy trong đồn cầm súng tủa ra.

Tôi bất chấp cả đạn bắn vèo vèo bên tai, xách mác đứng dậy chạy đi. Thằng giặc chạy bên kia bờ, tôi chạy bên này bờ. Giá tôi có khẩu súng trường trong tay, thì tôi đã nổ cho nó một phát rồi. Máu dồn lên nóng cả mặt. Tôi che tay lên mồm hô lớn: "Xung phong!" Con Luốc cũng bắt đầu sủa oang oang, hỗ trợ cho tiếng hô vang rền của tôi. Thằng giặc Pháp cầm súng đuổi theo đám rêu bên kia bờ, nghe tiếng thét xung phong của tôi vụt co người lại như bị điện giật. Nó quay lưng tháo chạy về đồn.

Tôi cứ chạy theo đám rêu, gọi "tía ơi, tía ơi!" mà không nghe tiếng đáp. Đám rêu mỗi lúc một trôi nhanh. Tôi ngồi xuống bờ sông, khóc

nắc lên. Hồi lâu, bỗng nghe tiếng chân đi sột soạt đến gần. Con chó đứng bên tôi ve vẩy đuôi, lao về phía chân người đi tới.

- Thành An đấy hở con? - Giọng tía nuôi tôi vọng ra từ trong tối.

Tôi mừng cuống lên, chạy đâm vào người tía nuôi tôi, làm ông suýt ngã.

- Tía có sao không, tía? - Tôi vừa hỏi vừa đưa tay sờ khắp người ông xem có máu chảy không.

- Chẳng việc gì, con ạ. Tía lặn xuống tới đáy sông, làm sao nó bắn trúng được. Con ra đây bao giờ?

- Tía đi một lúc thì con theo. Con lo quá!

Tôi cảm thấy bàn tay tía nuôi tôi sờ soạng đặt lên vai tôi, và từ trên vai tôi, bàn tay to lớn ấy dần dần mò xuống nắm chặt bàn tay tôi.

- Cám ơn con. Tía cám ơn con!

Con Luốc sấn vào bên chân chúng tôi, vướng không đi được. Tôi co chân tống nó một cái, nó mới chịu lui ra. Tiếng súng moóc-chê trong đồn bắt đầu bắn ra, nổ ầm ầm vào những khu rừng chìm kín trong đêm. Nghe tiếng súng bắn nhiều chừng nào, tôi càng khoái chừng nấy.

- Vì thù mà phải báo, chứ tía đâu màng tới chuyện giết một con đàn bà!

Đột nhiên, tôi bỗng có cảm giác như mình đang nghe câu nói ấy vẳng ra từ một câu chuyện cổ xa xưa nào.



15

PHƯỜNG SẢN CÁ SẤU

Chỉ trong vòng không đầy hai tháng, mà đã có hai tên Việt gian gián điệp lợi hại và một thằng giặc Pháp bỏ mạng vì tên tẩm thuốc độc. Thứ vũ khí thô sơ thời Trung cổ, lạng lẹ từ trong cành xanh phóng ra, đem lại cái chết bất thành linh không phương cứu chữa - sự việc ấy đã gieo vào đầu óc bọn giặc đang cầm những khẩu súng hiện đại trong tay một nỗi khiếp đảm khôn lường. Càng sợ, chúng càng lồng lộn lên một cách dữ dội để tự trấn tĩnh và động viên tinh thần bọn ngụy. Chúng đưa thêm tới ba tiểu đoàn, mở những cuộc càn quét báo thù liên miên khắp các vùng rừng chung quanh. Những ngôi lều của thợ đốn củi ở tít mãi trong rừng sâu cũng bị chúng mò tới đốt trụi. Chúng bắt dân phải dỡ nhà về ở chung quanh đồn để làm vòng rào người, và đóng thêm bốn lô-cốt ở mấy nơi hiểm yếu dọc bờ sông.

Ngôi lều của tia nuôi tôi cũng đã làm môi cho ngọn lửa của giặc Pháp. Cả nhà chống

thuyền sóng lay lắt qua ngày trong các vùng đầm lầy và trong các khu rừng ngập nước.

- Đành phải đi về vùng U Minh hạ thôi, ông à!

Một hôm má nuôi tôi thả dài, bàn với tía nuôi tôi như vậy. Bà ngồi trong mũi thuyền chật chội, nhìn ra những làn mưa trắng tuôn mù mịt xuống ngàn xanh, chập lồi.

- Chỉ lo cho hai thằng bé. Dầm mưa dãi nắng thế này, rui chúng nó ốm đau nằm xuống thì lấy gì mà thang thuốc!

- Mười mấy năm trời, quen thuộc ở đây, tôi không nỡ bỏ đi... - Tía nuôi tôi đáp, giọng rầu rầu.

- Nhà ở đâu quê hương ở đó. Vậy trước kia ông và tôi ở đâu? Ông sao câu nệ quá vậy? Tôi vì hai đứa nhỏ... chứ không, tôi cứ mặc cho ông muốn ra sao đó ra...

Tía nuôi tôi không đáp. Ông ngồi cầm cái tẩu dài quấn queo, gõ gõ thành nỡ tẩu vào gót chân, thỉnh thoảng lại đưa mắt nhìn một vài giọt mưa từ trên mũi lá rơi lộp độp xuống giữa khoang thuyền ẩm ướt.

Đêm hôm đó, chúng tôi chống thuyền ra sông. Cả gia tài chúng tôi, ngoại trừ mấy cái nồi cái niêu và một ít quần áo cũ, thì chỉ còn có mỗi chiếc thuyền này thôi.

Lúc qua ngang chỗ ngôi mộ Võ Tòng, tía nuôi tôi dừng thuyền lại, bước lên bờ. Thằng Cò sợ ma, ngồi sát vào bên má, lại còn ôm thêm con chó vào lòng. Tôi bước lên theo tía nuôi tôi.



Trong bóng tối lơ mờ, dưới vòm trời ảm đạm le lói một vài ngôi sao xa lác, ông đang ngồi phệt bên nấm mộ, đầu cúi xuống, bàn tay lơ đãng đưa đi đưa lại nhỏ những cọng cỏ dưới chân. Nghe tiếng chân giẫm sột soạt trên cỏ ướt, tía nuôi tôi ngược lên nhìn và vẫy tay ra hiệu cho tôi ngồi xuống bên ông.

- Tôi và thằng cháu lên từ biệt chú nó đây! - Tía nuôi tôi ngó vào ngôi mộ nói bằng giọng mũi ngạt ngạt - Tôi chỉ dùng được có một mũi tên trong số hai mươi chiếc chú đã trao cho tôi... Nhưng tôi chắc rằng dưới tuổi vàng, chú đã có thể ngậm cười mà yên nghỉ...

Dứt khoát tôi không tin rằng người chết có linh hồn. Nhưng cái giọng trầm trầm của tía nuôi tôi đang nói với ngôi mộ, đồng thời tôi chợt nhớ lại bàn tay vuốt cặp mắt trùng trùng khiến cho đôi mắt khép lại, chính con người ấy đã nằm xuống dưới đất ngay trên chỗ tôi đang ngồi đây - việc ấy đã làm cho tôi thấy rờn rợn.

Tía nuôi tôi dặng háng mấy tiếng rồi quay sang tôi:

- Thằng An có nhớ con vượn bạc má của chú Võ Tòng không?

- Á, nó đâu rồi, tía? - Tôi hỏi lại ông như vậy, chứ tôi đã đinh ninh là nó chết trong trận cháy rừng rồi.

- Con vật ở rừng còn có tình nghĩa, hướng chỉ con người. Hôm Tây đốt rừng, chú Võ Tòng đi vắng, buộc nó ở lều. Nó bứt xích chạy thoát

được. Người ta trông thấy một đoạn xích bị giật đứt, còn lủng lảng ở cổ nó mà đoán ra như thế... Sau đó nó trở về ngôi trên nền cũ, không ăn không uống gì rồi chết rũ xương ở đó. Có người qua ngang đấy, về thuật lại chuyện cho tía nghe, con ạ.

- Hôm tía với con từ trong rừng chống xuống về, có qua ngang đó. Lúc bấy giờ nó chưa về tía nhỉ ? Giá nó về thì mình gặp nó rồi.

Tía nuôi tôi đứng dậy thở dài, rồi bảo tôi xuống thuyền. Ông còn quay lại, lom khom nhặt hòn đất đặt lên ngôi mộ rồi mới bước theo tôi.

Nước mỗi ngày một chảy xiết, và dòng sông càng đi tới càng mở rộng mênh mông. Đứng trước mũi thuyền chèo cập bờ bên này mà nhìn sang bờ bên kia, chỉ thấy một vệt dài xanh thẫm của rừng dừa nước lơ mờ trên đầu ngọn sóng.

Chúng tôi đi ròng rã ba ngày ba đêm, chỉ trừ những lúc phải dừng lại thổi cơm ăn, còn thì cứ luân phiên nhau chèo.

Mấy hôm liền, trời vẫn nắng gay gắt. Mặt sông lao xao phản chiếu ánh mặt trời như một dòng thủy ngân cuộn cuộn trôi về hướng biển. Mây đen từ chân trời đùn lên, vẫn hình mặt quỷ, rủ nhau quần tụ một chỗ không chịu bay đi. Rồi dông kéo tới ào ào, mưa cứ trút nước xuống như thác đổ hơn một ngày đêm. Sóng gầm thét không lúc nào ngớt.



Chúng tôi phải chui thuyền vào núp trong một rạch lá dừa nước um tùm, chờ cho dứt cơn mưa dữ mới quay ra sông chèo đi.

Một buổi chiều, tía nuôi tôi cho thuyền cập lại bên ngôi quán lá cất nhoei ra bờ nước. Chúng tôi buộc thuyền vào trụ sàn cầu, nơi đã có hai chiếc tam bản lớn của những ông khách ngồi trong quán cấm sào đổ lại đó từ bao giờ. Thấy có người đến, họ ngóng cổ ra nhìn rồi lại quay vào tiếp tục cuộc rượu bày trên chiếc bàn tròn giữa quán.

Tía nuôi tôi rướn người bước lên sàn cầu lát toàn bằng những cây mắm nhỏ. Cứ mỗi bước ông đi tới, những cây mắm lại kêu lắc rắc dưới chân. Con Luốc lập tức phóng lên theo. Tôi gọi "Luốc! Luốc!" và lấy cổ đuối theo giữ con chó để nhảy lên theo nó. Một con kỳ đà bị trói chặt bốn chân bằng sợi dây thép, nằm khoanh gần chỗ cửa. Con Luốc xô tới, chồm chồm vào con kỳ đà sủa văng lên. Bấy giờ, ba người khách rượu mới quay ra, gật gù, vẻ như muốn chào làm quen với tía nuôi tôi.

Một ông cụ già cõi trần, râu quăn queo, vận xà-rông⁽¹⁾ đen, đầu bịt khăn lụa đỏ, người cao lớn như tía nuôi tôi, đứng lên cất giọng ồm ồm:

- Chào ông bạn!

Hai người đàn ông kia hơi có tuổi, gầy gò, đầu cạo trọc như nhau, mỗi người vận một cái

(1) Một loại váy mà nhân dân Ấn Độ, Miến Điện, Thái Lan, Campuchia-thường mặc.

khô nhuộm màu vỏ cây. Họ giống nhau một cách rất buồn cười, chỉ khác là một người thì cao quá, còn một người lại thấp quá. Cả hai cùng đứng lên gật đầu chào tía nuôi tôi.

Tía nuôi tôi đứng lại nhìn họ một lát rồi bỗng nhiên ông đưa chéo cánh tay phải lên, tay trái áp vào ngực, nghiêng người tới trước, nói một cách trịnh trọng:

- Kính chào các ông bạn!

Ba người kia vội vã cùng một lúc đưa tay lên chào đáp lễ y như kiểu chào của tía nuôi tôi. Tôi đứng ngơ ra nhìn, ngạc nhiên quá đỗi. Về sau, mới biết đó là lối chào ra mắt của các phường săn cá sấu khi gặp nhau muốn tỏ tình thân.

Chủ quán là một ông già lùn tịt, lật bật như con rối, từ sau bếp chạy ra, vác một gộc cây đặt xuống cạnh bàn rượu, giọng lảng xảng:

- Mời ông khách! Mời ông ngồi xuống đây!

Mùi thịt nướng từ trong bếp bay ra khét lẹt. Và khói cũng từ trong cái bếp lò thấp thoáng sau quây rượu cuộn cuộn bay ra, như làn khói đốt đồng cỏ tháng tư.

- Cháy miếng thịt mất rồi! - Tôi vội kêu lên, và thản nhiên không chú ý tới mọi người ngồi đó, cứ đi thẳng một mạch vào bếp.

Tôi cầm cái que cời dập bột than, rồi trở gấp thịt đặt lên nướng phía bên còn chưa chín.



- Để đó cho qua, chú em! - Ông chủ quán chạy vào, vừa nói líu ríu bằng giọng khen ngợi vừa vói tay cầm chai rượu dựng bên cạnh lò.

Tôi đáp một cách bình thản, nhưng cũng rất tự hào:

- Cháu giúp bác một tay, được mà! - Rồi tôi mỉm cười một mình, chợt nhớ tới "thằng bé hầu rượu" trong quán dì Tư Béo.

Ông cụ già bịt khăn lụa đỏ đỡ lấy chai rượu trên tay chủ quán, rót vào đầy một cái bát lớn đặt giữa bàn mà họ đã uống với gần quá nửa.

- Kính mời ông bạn! Làm một hộp cho ấm bụng. Chẳng hay ông bạn từ đâu tới?

Tía nuôi tôi đáp, giọng từ tốn:

- Tôi là người vùng U Minh thượng... Giặc Pháp đã vào tới đó. Nay lênh đèngh phiêu giạt... Còn chưa biết về đâu.

Hai người đàn ông đầu cạo trọc đưa mắt nhìn nhau. Tía nuôi tôi bưng bát rượu lên nhấp một hộp; chừng như đoán ra ý họ, ông đặt bát rượu xuống bàn, nói chậm rãi:

- Phải tôi là người U Minh thượng. Nhưng nguồn cội tận xứ Tiền Giang kia. Thuở còn trẻ tráng, tôi cũng đã lặn lội vài năm trong nghề hạ bạc⁽¹⁾. Nghèo như chiếc lá rụng xuống dòng sông, nước trôi đến đâu mình theo tới đó. Bấy nay tôi theo nghề rừng, chẳng qua cũng chỉ vì mưu sinh theo hoàn cảnh, chuyện đó có chi là lạ...

(1) Chài lưới, câu kéo. Nói chung làm nghề dưới nước.

Người đàn ông thấp lùn tức thời đứng phắt dậy, dang tay ra ôm tía nuôi tôi, cười ha hả:

- Vậy thì huynh ông neo lại khúc này, trở về nghề cũ, chúng ta hiệp nhau làm ăn, được chứ?

Tía nuôi tôi cười cười, chưa đáp ra sao.

Tôi giúp ông chủ quán dọn thịt nướng ra bàn và gọi thằng Cò lên xem ông giết thịt con kỳ đà. Tôi cứ chạy ra chạy vào, khi thì quạt lửa, khi thì lấy tí muối ớt, khi thì rót thêm mỡ rái cá vào đĩa thịt tự tôi tìm thấy trong bếp và mang ra bàn rượu. Tôi cảm thấy mình bận rộn nhưng vui vẻ như thằng bé hầu rượu trước kia.

Chẳng mấy chốc mà họ đã uống cạn hai lít rượu, thứ rượu ngon nhất mà ông chủ quán bảo chỉ để dành riêng cho khách quen sành sỏi. Rượu vào thì lời ra. Họ nói đủ thứ chuyện về sông nước, và trong câu chuyện đã bắt đầu xưng hô anh anh chú chú cởi mở thân mật. Dường như ba ông khách rượu ấy và tía nuôi tôi là những người bạn cũ, xa nhau lâu ngày, giờ mới tình cờ gặp lại vậy.

Khi biết ông bạn phương xa vừa tới có "bà nội tướng" đang thổi cơm dưới thuyền, ông già bịt khăn đỏ bèn trịnh trọng bước ra sàncầu, chấp hai tay trước ngực hướng vào mũi thuyền, sửa giọng kính cẩn:

- Chẳng mấy thuở gặp anh Hai... Xin kính mời chị Hai quá bước lên quán, dùng một chén rượu mọn với anh em chúng tôi.



Má nuôi tôi "cám ơn" và từ chối năm lần bảy lượt không xong, đành phải đội khăn bước lên quán. Món thịt kỳ đà nấu ca-ri nước cốt dừa cũng vừa bung dọn ra bàn bốc khói thơm lừng. Cả gia đình chúng tôi, ba ông phờ phạc sẵn kỳ dị và ông chủ quán lùn tịt cùng ngồi vào bàn, dùng bữa cơm tối một cách hết sức vui vẻ. Cả con Luốc cũng có phần một bát thịt to tướng trộn cơm nguội mà ông chủ quán đã có "nhã ý" dọn riêng cho nó trước sán cầu.

- Bao giờ giặc tấn công tới đây, chúng ta sẽ liệu. Còn bây giờ, làm nghề cứ lo làm nghề. Còn phải nghĩ tới miếng sống chứ. Tôi nói vậy, liệu có phải không chị Hai? - Người đàn ông cao lêu nghêu bắt đầu làm quen với má nuôi tôi bằng câu mở đầu ấy.

Người đàn ông thấp lùn vội nói tiếp theo:

- Ất chị Hai vui lòng để anh Hai cùng đi làm ăn với chúng tôi chứ?

Má nuôi tôi cầm bát lên tay, nhìn tía nuôi tôi:

- Xin các chú hỏi ông nhà tôi. Chứ tôi là phận đàn bà!

Ông chủ quán ngửa miệng, vung hai tay lên:

- Chị Hai còn theo xưa quá. Người ta nói nhất vợ nhì trời mà!

Mọi người đều cười, khiến ông chủ quán cứ xoay quanh hết nhìn người này đến nhìn người khác, lắc la lắc lư ra vẻ đắc chí với câu pha trò của mình lắm.

Không biết có phải vì có mặt má nuôi tôi mà các ông già trở nên lịch sự, vui vẻ và hoạt bát hẳn lên không? Ông cụ già bịt khăn đỏ hỏi má nuôi tôi một cách khoan thai:

- Ngày xưa, chị Hai cũng theo nghề câu chứ? Má nuôi tôi lắc đầu:

- Tôi sợ lắm. Chỉ có ông nhà tôi thôi. Tôi chỉ câu lòng tong cá chốt, chứ thứ đó tôi sợ lắm!

Người đàn ông cao lêu nghêu nhếch mép cười, bàn tay đưa lên gãi gãi cái đầu trọc nhẵn thín:

- Nói không phải phô phang với chị Hai và các anh tôi đây, chứ thuở mười ba mười bốn tuổi, tôi đã theo ông nội tôi đi bắt cá sấu như bắt cá lóc rộng trong khắp vậy thôi. Vào mùa khô⁽¹⁾, chúng tôi lội vào rừng cỏ, men theo những cái bàu giữa rừng tìm cá sấu. Hồi đó, cá sấu còn nhiều lắm. Bàu nào cũng có. Không nhiều thì ít. Tệ lắm cũng năm bảy con trở lên. Bà con quen gọi là ao sấu. Chọn được ao sấu nào có nhiều sấu hoa cà⁽²⁾ rồi, chúng tôi mới phát sậy, phát cỏ rữ xuống phơi nắng vài ngày cho khô. Dùng thuổng đào một đường nhỏ từ mé ao lên rừng, càng xa bờ càng cạn dần, chừng mười thước. Sau đó mới ôm sậy, cỏ khô thả xuống cho phủ kín mặt bàu và ném lửa đốt cháy...

(1) Ở Nam Bộ có hai mùa: mùa mưa (mùa nước) và mùa nắng (mùa khô). Mùa khô bắt đầu từ tháng mười một đến tháng tư âm lịch, trời không mưa.

(2) Cá sấu bé, da xanh, có vằn hoa lấm tấm, từ 100 cân trở lại. Loại cá sấu này chỉ ăn những con vật nhỏ, gặp người thường chạy, không dám chống cự.



Thằng Cò buột miệng hỏi:

- Cho sôi nước, cá sấu chạy lên bờ phải không chú?

- Cậu em này đoán gần đúng! Nhưng không phải vậy đâu. Nước lênh lảng cả bầu, làm gì sôi được? Ừ, mà nếu mình thả bổi khô xuống thật dày, thả liên tục, đốt nóng nước thì nó có thể chạy lên... Thả bổi xuống rồi, mình ném lửa đốt cháy. Khi lửa tắt thì mặt bầu đã bị phủ kín dưới một lớp tro dày chừng hai ba đốt tay. Cá sấu trườn lên thở thì bị tro cay mắt, trằm lâu thì ngạt, mà hễ bị tro cay là y như trự ta⁽¹⁾ đập đuôi chạy lên bờ tức khắc. Mà không phải chạy lung tung đâu. Chúng nối nhau trườn theo con đường nương đào sẵn, bò lên rừng. Thấy người, con nào cũng há họng ra, toan đớp. Ông nội tôi bèn đút vô họng nó một khúc gỗ mốp, dài chừng ba tấc. Nó liền tấp phập một cái, hai hàm răng dính chặt lại như ngậm cục kẹo mạch nha, không há ra được. Tôi lập tức cầm móc xấn lên sống lưng, chỗ giáp chân sau, để cắt gân đuôi. Cái đuôi chỉ còn có nước đập qua đập lại nhè nhẹ, như đuổi ruồi, chứ còn quật nổi ai? Ông cháu tôi bèn lấy dây lạt dừa trói thúc ké hai chân sau lên lưng, còn hai chân trước thả tự do. Khớp mồm xong rồi, bỏ đấy, bắt con khác... Ui chao!... Ui chao! Có bầu, chúng tôi bắt vài chục con trong một ngày. Cứ ba con thì dùng bốn đoạn tre buộc xâu lại một

(1) Hấn ta, tiếng địa phương.

hàng ngang, như kiểu ta cặp gấp nướng chả. Rồi lấy hai cây tre dài kiên tất cả, xếp dính liền thành dọc dài, hướng đầu chúng nó tới trước. Sau đó mới phát sậy, dọn một đường như đường cộ trâu từ bầu chạy thẳng ra bờ sông nào gần nhất. Thế là hai ông cháu tôi nhảy lên đứng giữa lưng bầy quỳ sừ đó, mỗi người cầm một cây mun quơ quơ đập vào hai cây tre dưới chân, hét lên. Chúng nó cứ theo đường dọn trống ấy, kéo nhau đưa nguyên đàn, bò ra bờ sông. Bao giờ cũng có thuyền lái mua chục sắn ở đó. Gặp khi chẳng có lái mua thì mình chịu khó tháo ra, khiêng từng con bỏ xuống thuyền của mình, chở đi bán... Ấy, ngày xưa chúng tôi sắn cá sấu dễ ợt như vậy đó, anh Hai chị Hai ạ!

Tía nuôi tôi ngồi nghe chăm chú. Chắc câu chuyện của người phường bạn vừa kể đã gọi lại trong ông những ngày mình còn là anh thợ câu lặn đạn ở mạn Tiền Giang. Chẳng vậy mà ông đã chống hai khuỷu tay lên mặt bàn, hai bàn tay to lớn ngửa ra đỡ lấy cằm, mặt đắm chiêu hồi lâu:

- Ở vùng tôi, bắt được một con cá sấu có khi phải mất vài ba con vịt sống làm mồi. Nhiều công mà cũng tốn kém. Đạo đó, năm nào trên Biển Hồ hoặc Nam Vang⁽¹⁾ cũng chở cá sấu về bán ở các chợ tỉnh dọc sông Cửu Long, hết bè này tới bè khác. Hàng trăm con một chuyến bè. Thịt cá sấu bé trên ấy trắng lấm, lại giòn, mùi

(1) Tức Phnôm Pênh, thủ đô Cam-pu-chia.



thơm ngon như thịt gà, bán cũng rẻ. Mình lâu lâu mới bắt được một con, cốt lấy tấm da, chứ thịt bán chẳng đáng mấy đồng tiền... Tranh nhau không lại với giá thịt cá sấu trên Biển Hồ chở xuống, nhiều lúc thua, buồn cũng chẳng thiết nữa.

Ông già bịt khăn đỏ bụng tô rượu lên uống một hớp, đưa mu bàn tay quệt ngang mép, khà một tiếng sửa giọng:

- Bọn chúng tôi ở đây không câu vẹt mồi. Nhưng cũng tốn kém đấy. Vì câu đèn mà! Lại phải trằm mình dưới nước, neo người cả đêm. Nhưng bắt được con nào là đáng tiền con nấy, anh Hai ạ! Chỉ lo cái thời buổi khó khăn, ba thằng giặc Pháp khốn kiếp nó có chịu để yên cho người ta làm ăn đâu!

Người đàn ông cao lêu nghêu rướn cổ lên như con kỳ đà, hỏi tía nuôi tôi:

- Anh Hai có quyết ở lại đây với bọn tôi hay không? Tại ngã ba Bàn Cùi, gần năm nay cá sấu biến về nhiều lắm. Có con to bằng chiếc ghe lườn. Nhờ đất đai âm trạch, cho anh Hai trúng mười chuyến câu thì lo gì chẳng kiếm được cái vốn kha khá!

Tía nuôi tôi còn giọng phân vân:

- Bỏ nghề cũng lâu... Tôi e nhất tay!

Ông già bịt khăn đỏ tức thời cầm chai rượu giơ lên:

- Sông lạ đãi người câu mới. Anh em chúng tôi sẽ tiếp giúp cho mượn đồ nghề. Anh Hai khứng⁽¹⁾ chứ?

Tía nuôi tôi đưa mắt nhìn sang má nuôi tôi. Má nuôi tôi chỉ nói cách lơ lửng:

- Cái đó tùy ông!

Tía nuôi tôi cầm chai rót một nhều rượu vào lòng bàn tay to lớn của mình, chìa ra giữa bàn. Ba bàn tay của ba người phường săn cá sấu lần lượt đập lên nghe bách... bách... Thế là tía nuôi tôi đã nhập phường rồi đó.

*

* *

Chiếc thuyền to đang cưỡi sóng vào mỗi lúc một gần bãi.

Tía nuôi tôi mình trần, quần khố, miệng cái tẩu dài quấn queo, khói thuốc lá từ trong nõ tẩu cứ phún phụt bay ra tạt về phía sau. Ông già Tư bịt khăn đỏ cũng mình trần, vận chiếc xà-rông đen, đứng trước mũi thuyền cạnh tía nuôi tôi. Càng gần vào đến bãi, ông già Tư càng hươ tay hươ chân, tỏ vẻ rất đắc chí. Người đàn ông đầu trọc cao lêu nghêu thì đứng chèo sau lái. Trên chót ngọn sào dài cắm vào một lỗ cột chèo, có buộc lá cờ đỏ hình đuôi nheo bay lất phất.

- Được con cá sấu khá to, bà con ơi! - Ông già bắt tay lên mồm gọi vọng vào xóm nhà trên bờ.

(1) Đồng ý.



Những người lố nhố đứng trên bờ và đám trẻ con phường chài đang chơi xếp vỏ ốc cạnh mấy người đàn bà vá lưới vụt reo lên, rồi rít chạy xuống bãi.

- Sửa soạn chia thịt nghe, bà con!

- Đã kiếm được rượu chưa, mà toan chia thịt!

Vài người xắn quần lên tận bẹn, chạy tất tả ra ngoài mé nước. Mấy người đàn bà vá lưới cũng buông gai buông nhợ bỏ đấy, chạy ủa ra bãi.

Chiếc thuyền trườn mũi lên bãi cát, để lại những đám bọt sóng trắng nháo nhào chạy lùi ra sau lái. Người trên thuyền chưa kịp quăng dây xuống thì bọn con nít đã trèo phốc lên bờ rồi.

Ôi chao, con cá sấu to quá! Mình dài có tới hơn năm mét. Chỗ quăng bụng giữa, ước chừng một vòng rưỡi tay người lớn ôm mới giáp. Cái mõm dài sọc, đầy răng chom chồm của nó đã bị khớp chặt lại bằng một sợi dây thép.

Hơn hai tháng nay, riêng tía nuôi tôi đã bắt được mười hai con rồi. Thường thì da cá sấu màu xanh rêu pha bùn mốc, dưới lườn bụng hơi trắng, khắp mình trên mọc gai, có chỗ vằn hoa lốm đốm. Con cá sấu này, màu da xám ngoét như da cây bần, gai lưng mọc chừng ba đốt tay, trông rất dễ sợ. Cái đuôi dài - bộ phận khỏe nhất của con vật kinh khủng dùng để tấn công - đã bị cắt gân, trói xếp vào một bên mạn sườn. Bốn chân cũng bị thít chặt vào cái đuôi hoàn

toàn mất tác dụng ấy. Con cá sấu hung tợn nằm im như chết giữa lòng thuyền.

Mọi người xúm lại, dùng đòn buộc dây da trâu khiêng con cá sấu vừa đánh được, đưa lên bãi. Phải có đến mười hai người đàn ông lực lưỡng mới khiêng nổi nó và đưa vào tới bờ. Má nuôi tôi cũng đi theo tốp người khiêng. Những người đàn bà lẳng xẵng ngã giá mua nguyên cả con cá sấu cứ bám sát bên má nuôi tôi. Mấy chị phụ nữ trẻ trẻ trong xóm cũng xoắn theo chân má nuôi tôi, người nào người nấy đều sẵn sàng dao rổ, chia phần thịt mang đi bán.

Thằng Cò dắt chó đi mua rượu về, thấy bố còn ngồi trong bóng thuyền dựa bãi với các ông bạn phường săn bèn chạy ù đến vút phịch chai rượu xuống cát rồi quày quả chạy đuổi theo đám người nhốn nháo đằng kia.

- Khi tôi phóng mũi lao trúng con cá sấu này, thì tôi nghe đằng xa nước động dữ dội. Chắc còn một con nữa to hơn. Nhất định là sấu cặp! - Tía nuôi tôi nói xong, còn tặc lưỡi mấy tiếng ra bộ tiếc rẻ lắm.

Ông già Tư ghé vào tai tía nuôi tôi:

- Sắp hết mỡ rồi! Không biết tìm đâu ra bây giờ?

Tôi rất sợ cái "đèn ghê" của tía nuôi tôi. Người ta đồn rằng: đèn ấy đốt bằng mỡ người. Cá sấu bắt hơi đèn từ xa lắm. Nó rất thèm thứ mỡ cháy này. Hễ ngửi mùi là nó bơi tìm đến tức khắc. Theo như lời ông già Tư, thì những tay



phù thủy giang hồ⁽¹⁾ người Mã Lai vượt vịnh Thái Lan đưa thứ mỡ ấy sang bán. Giá rất đắt!

Tôi nghĩ: Mỡ nào mà không cấu tạo chủ yếu bằng thành phần chất béo? Mỡ lợn không được à? Tại sao phải dùng đến mỡ người một cách man rợ như vậy? Có lần, tôi đã chất vấn tía nuôi tôi về thứ "đèn nghề" khủng khiếp ấy. Tía nuôi tôi nói:

- Đó là thói tục cổ lỗ, mê tín dị đoan. Người xưa thấy cá sấu hay ăn thịt người, tưởng dùng mỡ người tắt dễ câu nó, chứ chắc gì đã là mỡ người thật.

Tía nuôi tôi đã nhiều lần kể cho thằng Cò và tôi nghe rành rọt về nghề săn cá sấu. Tôi nghe đến thích mê. Nhưng có nghèo, thà bắt con tôm con tép ăn, chứ tôi chẳng dám theo cái nghề nguy hiểm này.

Săn cá sấu thường phải chọn những đêm tối trời. Nhất là những ngày nắng to, có trận mưa vừa tạnh, gió chỉ hơi rao rao mát gỏi làn da, khí trời vẫn còn thấp và nặng.

Mặt sông rộng mênh mông, phẳng lặng như mặt hồ. Tía nuôi tôi người trần, chỉ quấn cái khố nhỏ, hai cánh tay cặp trên hai đầu bằng dây thép. Ông trằm mình dưới nước, chỉ lộ người từ phần giữa ngực lên trên. Cứ thế, thả

(1) Cũng còn gọi thầy bùa. Bọn này phần nhiều đi rong trên thuyền ở vùng miền Tây Nam Bộ. Người ta đồn rằng chúng "thu" người (làm phù phép để gây bệnh độc) rồi "mỡ" (chữa khỏi bệnh) và ăn tiền rất nhiều.

trôi đi. Hai chân thỉnh thoảng quạt nhẹ, lái cho bè xuôi đúng giữa lòng sông. Cá sấu chỉ gặp người bơi ngang, hoặc dùng đuôi quật ngã người ngồi trên xuống cho rơi xuống nước rồi gấp chạy đi, chứ chúng khó gặp được người bơi đúng.

Tay phải tôi nuôi tôi cầm một cây lao bằng gỗ mun. Gỗ mun kỵ cá sấu. Đâm vào thịt con cá sấu, cây mun cứ hút sâu vào, làm con vật nhức buốt không chịu nổi. Cán lao buộc vào một đầu dây, phải biết lòng sông sâu bao nhiêu sải nước mà sắm sợi dây cho vừa đủ, không thừa quá mà cũng không thiếu quá. Dây thừa quá thì phải mất công lặn xuống kiếm lâu mới gặp con cá sấu trúng thương, mà dây ngắn quá thì nó kéo phao chìm dưới nước, chẳng biết đâu mà mò. Đầu kia sợi dây buộc vào một cái phao bằng gỗ mốp. Phải khoanh sợi dây cho khéo, để khi con cá sấu lôi dây chạy, sợi dây cứ xoay vòng tự động tháo ra, không vướng. Trên phao kiên chặt cây đèn nghệ, tựa như cái đĩa sắt con sâu lòng, thả ngọn bắc vào cái đèn "mỡ người" ấy, thấp cháy lên. Lại phải cắm trên phao một cây cờ đỏ, để dễ nhận thấy từ xa (còn có lý do huyền bí nào nữa không thì tôi không được biết). Thả cái phao trôi trước mặt người thợ săn chừng hơn một với tay, được giữ cỡ bằng một sợi dây nhỏ.

Tía nuôi tôi thả trôi theo nước như vậy, có khi hàng hai, ba giờ liền. Bao giờ ông cũng phải



uống một tô nước mắm cốt, để trầm dưới nước lâu không bị nhiễm lạnh. Trong đêm tối mịt mùng, trên dòng sông mênh mông chỉ lấp lóe "ánh đèn thiêng" và đôi mắt sáng ngời của tia nuôi tôi... Đang trôi xuôi, cả người ông bỗng bị xô lùi lại bởi một luồng nước tổng lại cực mạnh. Nghe khi... ì... một tiếng, rồi một cái bấu⁽¹⁾ to bằng cái bát trềng lên. Con cá sấu nổi lên, há họng thè lưỡi liếm mỡ cháy trong cây đèn. Nhanh như chớp, tia nuôi tôi nín thở, dồn hết lực vào cánh tay, phóng mạnh cây lao vào giữa họng nó, và lập tức buông phao ra. Con cá sấu trúng thương, đập đuôi âm âm, lộn lên lộn xuống, quẫy mạnh làm cho mặt sông nổi dậy sóng cồn. Rồi nó lòi dây, mang phao chạy.

Tia nuôi tôi "ì..." một tiếng. Thuyền chèo yểm hộ người thợ săn cá sấu bao giờ cũng theo song song bên bờ, phòng trường hợp bất trắc có thể bị đôi ba con nổi lên tấn công cùng một lúc thì xông ra tiếp ứng. Nghe tiếng "ì..." họ biết đã đâm trúng cá sấu rồi. Thế là thuyền chèo bay ra, đón tia nuôi tôi lên.

Con cá sấu chạy đến đâu, dây tháo theo đến đó. Nó cố gắng chịu đau lắm thì cũng chỉ chạy nổi đôi ba nghìn thước là cùng. Rồi dần dần đuối sức, không chịu đau nổi nữa, nó tìm một cái vịnh sâu nào đó, trầm xuống đáy.

(1) Mũi cá sấu, đóng bên trên chót mõm.

Sáng hôm sau, hai chiếc thuyền của phường săn chia nhau chèo cặp hai bên bờ để tìm cái phao. Bao giờ người đã phóng cây lao đâm trúng cá sấu cũng là người lặn xuống đáy sông trói nó. Như vậy, mới được hưởng nguyên phần mình cái bao tử của con cá sấu khi mổ ra⁽¹⁾...

Mỗi lần tía nuôi tôi mang vòng dây thép lặn xuống, thằng Cò theo thuyền cứ mếu máo chực khóc. Còn tay chân tôi thì cứ phát run lên. Tía nuôi tôi lặn rất lâu mới trồi lên thở. Rồi lại kéo đôi lặn trở xuống buộc nó, để anh em phường thợ khác trên thuyền kéo nó lên.

Thường sau mỗi lần như vậy, tía nuôi tôi bao giờ cũng làm vài hớp rượu cho lại sức. Ông đưa bàn tay lạnh móp lên chùi những giọt rượu chảy xuống chòm râu đầy râu nước xanh lè, ngó tôi và thằng Cò, cười khà khà:

- Hai đứa bay sao khéo lo! Con cá sấu đã bị cây mun đâm, nhức buốt, tê liệt cả mình mẩy rồi. Nó bám sát đáy vịnh, tao lặn xuống sờ đầu nó, nó cũng không dám động cựa. Cứ nằm im, chịu phép cho tao khớp mồm, trói lại. Cây mun đâm vào mắc giữa họng rồi, nó cắn được ai nữa? Càng cựa quậy thì càng đau thôi!

Một cơn gió từ mặt sông bất thành linh thổi thốc vào bờ, khiến cho lá cờ đuôi nheo đỏ buộc trên đầu con sào giật nảy lên, reo vù vù.

(1) Theo tục lệ cổ truyền, bao tử (dạ dày) thuộc về người đã phóng đâm lao trúng hoặc câu được con cá sấu, vì trong bao tử thường có vàng hoặc kim cương (nữ trang nói chung). Khi cá sấu nuốt xong người, những thứ ấy không tiêu hóa được, hãy còn nguyên.



Tôi ngồi bên tía nuôi tôi và ông già Tư, nhìn xuống dòng sông mênh mông đang cuộn cuộn chảy, hình dung ra những con quái vật kinh khủng đang bơi lặn dưới đó, càng thấy những con người nhỏ bé ngồi quây quần trong bóng thuyền ghéch mũi lên bãi cát đây thật vĩ đại biết bao nhiêu...

"Hỡi thiên nhiên dữ dội và nham hiểm, ngươi hãy coi chừng. Không một sức mạnh nào ẩn chứa trong ngươi mà con người không khuất phục nổi đâu!" Tôi chỉ chực muốn hét lên như vậy. May sao đó chỉ là những ý nghĩ còn nằm trong đầu óc thơ bé của tôi mà tôi chưa thốt ra thành lời được. Không thì có lẽ ông già Tư và tía nuôi tôi sẽ cho tôi là phát rồ cũng nên.

16

QUA SRÓC MIÊN

"Nghèo như chiếc lá rụng xuống sông, nước đưa tới đâu mình theo tới đó! Huống chi bây giờ lại gặp lúc giặc đánh lung tung..."

Hôm chúng tôi gặp phường săn cá sấu ở quán rượu ông già lùn, nghe tía nuôi tôi nói

như vậy, tôi cứ tưởng là ông nói cho có nói vậy thôi. Đâu ngờ ông nói vậy mà có vậy thật.

Giặt vào xóm chài chưa đầy ba tháng, ngôi lều mới dựng lên chưa ấm chỗ, má nuôi tôi chưa thuộc khắp mặt những người đàn bà quanh quần ở khúc sông này, thì chúng tôi lại trở về cuộc sống lênh đênh.

Mấy hôm nay, dân đánh lưới hàng⁽¹⁾ về cứ nhao lên là Tây sắp tiến vào vùng U Minh hạ, theo đường con sông này. Ca-nô do thám của nó đã thập thò ngoài vàm sông Cán Cạy. Những buổi trời lặng gió, tiếng tàu giặc chạy xình xịch tận ngoài vịnh biển vọng thấu tận đây, nghe rõ mồn một. Buổi chiều hôm kia, ca-nô xích hầu của nó tắt máy thả trôi theo nước vào tới vịnh Bần Cùi, bắt mất hai người câu tôm. Sáng hôm sau, hơn tiểu đội giặc cải trang giả làm thường dân, bơi xuống thọc sâu vào đầm Le Le, đã bị dân quân tự vệ phục kích bắn chết mấy thằng. "Con đầm già" ngày nào cũng vè vè lượn sát xuống ngọn cây và bữa nay nó dắt hai chiếc tàu há mồm vào sắp tới đây rồi. Khói nhà cháy đã dựng lên từng búng ở mạn Bần Cùi. Thiên hạ đã nhốn nháo tản cư.

Tía nuôi tôi đã quyết định ở lại đây. Giặc tới thì theo anh em dân quân tự vệ, du kích đánh lại nó. Không lẽ cứ chạy mãi. Ai cũng chạy thì thà dâng đất này cho nó, bày chuyện đánh chác làm gì?

(1) Lưới to để đánh cá ngoài khơi và các cửa biển.



Giặc sắp tới bên nách. Lại không may cho gia đình chúng tôi là việc thằng Cò bị đau chân, còn rên la nằm đấy. Nó theo đám trẻ phường chài lội dọc theo bãi đi thụt bắt cá bống trong bẹ dừa nước, không may đạp nhằm cá mặt quỷ. Nọc độc của con cá quái ác đã hành nó sốt mê man, bàn chân phù lên như chân voi.

Má nuôi tôi cuống lên, cứ khóc giục tía nuôi tôi phải đi.

- Đi đâu bây giờ? - Tía nuôi tôi cau mày, nói bằng một giọng giận dữ bất lực.

Má nuôi tôi chùi nước mắt, lạnh lùng buồn thông một câu:

- Hừ! Ông mê ba con cá sấu của ông thì ông cứ ở đây. Tôi đóng bè chuôi tôi chở hai thằng nhỏ đi!

Gương mặt buồn nảo của má nuôi tôi dần dần tái nhợt, đôi môi bà run run mấp máy như muốn nói gì mà không nói ra được.

Tía nuôi tôi ngồi xếp xuống chõng, thở ra một hơi dài. Ông chăm chăm nhìn thằng Cò đang đắp chiếu nằm thiêm thiếp hồi lâu, rồi lặng lẽ đứng dậy bịt khăn lên đầu, xách mác đi lột bẹ dừa nước chẻ lại quai chèo.

Vào lúc xế chiều thì chiếc thuyền nhỏ của chúng tôi rời bến. Xóm chài lạnh ngắt. Bầy ruồi xanh bầu vào mấy con cá chết nằm dọc theo bãi, thấy động bay kêu vu vu. Tía nuôi tôi chèo lái. Tôi chèo mũi. Thuyền đi đã xa mà tôi cứ ngoái nhìn về những bóng nhà quanh quê chơ

vơ nơi đầu xóm cũ. Hàng cột phơi lưới mỗi lúc một mờ dần trong khói chiều hôm...

Cũng như chuyến nổi trôi ngày trước, chúng tôi cứ thay nhau chèo rồng rã mấy ngày mấy đêm liên không nghỉ. Lắm lúc tôi có cảm giác như chèo mãi mà thuyền vẫn còn đứng y nguyên một chỗ. Trông chỗ nào cũng không khác chỗ nào. Hai bên bờ, dừa mọc san sát. Gió thổi khua động tiếng lá rì rào và tiếng sóng lách chách vỗ vào mạn thuyền cùng tiếng chèo đưa kiu kịt tạo thành một nhịp điệu buồn triền miên, một thứ hòa thanh rữ rượi khiến tôi nghe vừa nhớ nhà mà cũng vừa buồn ngủ.

Nhiều lúc nhớ tới anh Ba thủy thủ, tôi tự hỏi: "Không biết trên bước đường phiêu lãng, anh có trải qua những ngày buồn bã thế này không?".

Rày đây mai đó... Trên rừng, dưới biển, đồng ruộng, núi cao, bất cứ chỗ nào mình cũng đi tới. Càng đi thì càng gặp nhiều chuyện lạ, khiến cho mình say mê.

"Xưa kia có một con tàu nhỏ

Nó chưa hề lướt sóng ra khơi...

Này hồi những chàng thủy thủ

Đang xông pha trên ngọn sóng cao vời!"

Giọng nam trầm của anh Ba thủy thủ như cứ dập dềnh trôi theo chiếc thuyền nhỏ của tôi. Tôi mơ màng thấy những ốc đảo xanh rờn giữa sa mạc, menh mông một màu cát vàng rừng rục, có mấy người lái buôn ngồi bên những con



lạc đà, mệt mỏi nhìn bóng Kim Tự Tháp nhô vút lên ở chân trời..., những hải cảng tấp nập hành khách với đủ các kiểu y phục và màu da khác nhau, từ trên những con tàu khổng lồ xuyên đại dương chen chúc nhau theo bậc cầu thang xích va-li xuống bến... Những biển băng lạnh cóng trắng xóa một màu tuyết, không còn phân biệt đâu là mặt đất đâu là chân trời, có những người Et-xki-mô mặc áo lông gấu sù sụ ngồi trên xe trượt tuyết do hươu kéo chạy như bay... Phải rồi, tất cả những quang cảnh chói lòa màu sắc rực rỡ in trong xấp *bưu ảnh* của anh Ba thủy thủ đã cho tôi ngày trước đó, đều đẹp và có một sức hấp dẫn, khiến cho mình càng muốn đi tới. Nhưng nó xa xôi quá, biết bao giờ mình có thể tới được. Trên dòng sông mênh mang giờ đây, chỉ có nỗi buồn khiến tôi thiếu nhiều lúc cứ muốn biến thành con panh-goanh thôi...

Thuyền của chúng tôi cứ xuôi theo dòng nước. Hai bên bờ sông, hết lá dừa nước thì đến gai chà là. Rừng cây chà là với những ngọn cây san sát giao nhau, mặt trời khỏ sở lắm mới chiếu xuyên qua được những tàu gai dày đặc, để lọt vài đốm sáng xuống mặt đất sình lầy đen kịt. Nhiều con rắn mai gầm khoang đen khoang vàng nằm khoanh như những đống dây thừng, ghéch mồm lên gốc cây chà là mọc sát mé nước đã bị sét đánh cháy thành than. Đôi khi tôi quờ mái chèo gạt lên mình rắn mà nó

cũng không thèm chạy. Hết rừng chà là lại đến đồng cỏ. Bốn mặt chân trời, sắc cỏ nối liền với sắc trời xanh biếc. Loài cỏ cao xù nhiệt đới cao lấp mắt đầu người, mọc lừn nhên trên những đầm lầy, bất cứ mùa nào cũng vươn thẳng ngọn xanh reo hát dưới mặt trời. Lâu lâu, gió từ hướng biển thổi vào lướt chạy vi vu trên đầm cỏ; gió chạy đến đâu, cỏ rạp mình cúi xuống đến đó, làm cho cánh đồng cứ gợn lên như sóng nổi.

Trên mặt biển cỏ xanh rờn ấy, những đàn cò trắng chấp chới bay, không biết cơ man nào mà kể xiết.

Tôi dừng chèo, quay vào khoang thuyền:

- Cò ơi! Mày gắng ngồi dậy coi. Cò bay trên đồng cỏ nhiều lắm đấy, Cò này!

Thằng Cò biết tôi trêu nó, nhưng cũng tức chiếu ra, xoay người nằm sấp trong mũi nhìn lên cánh đồng. Nó nhoẻn miệng cười không thành tiếng.

- Chưa ăn thua gì đâu! Còn nhiều hơn thế nữa...

Rồi nó xoay người nằm co lại, kéo chiếu đắp lên. Tôi nghe nó rên ư... ư... dưới lớp chiếu tùm hum, thương nó không để đâu cho hết.

Má nuôi tôi thở dài:

- Không biết chừng nào mới tới sóc Miên để kiểm thuốc cho thằng bé.



Tía nuôi tôi đưa tay lên che mắt nhìn vào chân trời, nơi có những đầu cây thốt nốt vươn thẳng lên mờ mờ xa tít, trông chỉ to hơn cái nắm.

- Chèo một mạch hết con nước này thì đến thôi. Gắng lên, nghe An!

Tôi không còn điều khiển được hai cánh tay nữa. Nó cứ nặng trịch trịch và cứng như hai khúc gỗ lấp vào đôi vai đã mỏi dừ của tôi. Nhưng khi nghe tía nuôi tôi hồ hởi nói thế, tôi cũng cười:

- Con còn chèo được mà. Chưa mỏi lắm đâu, tía ạ!

Má nuôi tôi từ trong mui lom khom bước ra, bảo tôi:

- Vào nghỉ tay đi. Để đó cho má!

Và bà cầm lấy guộc chèo, đẩy tôi vào mui. Tôi nằm xuống bên thàng Cò, chưa kịp xoay trở lấy thế nằm cho ổn thì cơn buồn ngủ đã kéo tôi khép chặt đôi mi mắt nặng trịch của tôi lại rồi...

Quá trưa hôm đó, chúng tôi vào đến sóc Miên.

Những giồng cát liên tiếp nối nhau chạy dọc theo hai bờ con sông nhỏ mà chúng tôi đang rẽ vào. Hơi nóng rừng rục từ giồng cát bốc lên làm hoa cả mắt. Nắng đốt vàng ngọn cỏ, thiêu vàng lá tre. Lâu lâu có một luồng gió từ xa chạy tới, cuốn từng vầng cát lớn bay mù mịt, phủ mất bóng những đàn bò uể oải đứng gặm cỏ khô

dưới những tầng cây thốt nốt, khiến cho tôi có cảm giác những con bò mộng to tướng ấy đã bị cuốn theo vầng cát, bay lên biến mất giữa trời.

Bọn trẻ chăn bò trần truồng dưới mé sông, lặn ngụp, té nước vào nhau, reo hò inh ỏi. Đứa nào đứa nấy da cứ đen bóng như bôi nhọ mỡ. Một thằng bé tóc xoắn như bụt ốc, cầm roi bò đứng trên bờ, không tắm nhưng cũng cứ trần như nhộng. Giữa cái bụng tròn như quả bóng bơm căng của nó, một sợi dây nịt⁽¹⁾ mới toanh thắt ngang. Tự nhiên, tôi cũng cảm thấy bụng mình như đau đau tức tức. Thấy tôi liếc mắt ngó, nó nhe răng ra cười. Hàm răng trắng nõn của nó đều tăm tắp như hạt ngô rất đẹp.

Trên con đường mòn như rấn lượn dất vào xóm, có chiếc xe trâu bánh gỗ kéo lúa đi cót... két... cót... két... Một người đàn ông cỡi trần, đầu không đội mũ, vận chiếc xà-rông đỏ đi trước xe lúa, tay cầm sợi thừng dắt theo con trâu. Hai người đàn bà còn trẻ, dong dỏng cao, đều mặc một kiểu áo bít bùng may hở cổ xuống gần giữa ngực, mỗi người đội trên đầu một vò nước bằng đất sét nung, chậm rãi bước sau xe. Hai cái bóng phụ nữ cổ thon thon hình cổ lọ, dường như lúc nào cổ họ cũng rướn lên để giữ thăng bằng cho hai chiếc vò đất, nổi bật lên đẹp như những tượng phù điêu bằng đá khắc hình vũ nữ Khơ-me mà tôi đã thấy trong hình ảnh ở một quyển du ký nói về đất Cao Miên. Cảnh

(1) Thắt lưng da.



vây chung quanh đều chìm trong một màu vàng buồn bã, rừng rục hơi nắng; chỉ có ngọn những cây thốt nốt cao lêu nghêu là còn giữ được sắc lá màu xanh.

Thuyền chúng tôi đi qua một dãy nhà vách phen trống hoác. Một con chim chài chài sắc lông xanh có bộ ức đỏ tuyệt đẹp đậu trên cái giàn cúng ma cất dựa bờ sông, nghe động tiếng mái chèo, giật mình bay vút lên, mất hút giữa nền trời xanh.

Chúng tôi đậu thuyền lại bên một doi cát, sửa soạn bữa cơm chiều.

Tía nuôi tôi thay áo, bịt khăn mới, dắt tôi lên chùa xin thuốc cho thẳng Cò. Chúng tôi đi được một quãng thì con Luốc phóng lên bờ chạy theo. Đuổi mãi nó cũng không quay lại, tôi đành phải cho nó đi theo bên tôi. Tới ngôi nhà sàn đầu xóm nằm thấp thoáng trong một lũy tre, tía nuôi tôi đứng ở cửa gọi vọng vào hỏi thăm lối lên chùa. Người chủ nhà mặc may-ô trắng, vận xà-rông tơ kẻ ca-rô đen, đứng trên sàn chỉ trỏ về phía những cây xoài cổ thụ, nói lằng lịu một hồi. Hai người nói với nhau bằng tiếng Miên, tôi không biết họ nói gì, phần bị những con chó từ dưới sàn chạy tủa ra sủa vang, nên cứ tưởng như hai người đang cãi nhau chuyện gì.

Chúng tôi đi tới đâu, chó sủa rộ lên tới đó. Không biết bao nhiêu là chó, con nào con nấy

dữ như quý sứ, cứ chồm chồm ra, cạy gần nhà chực xông vào cắn con Luốc.

- Sao họ nuôi chó làm gì mà nuôi lắm vậy, hờ tía? - Tôi phát bực, hỏi tía nuôi tôi.

- Ồ, nuôi mà như không nuôi... Người Miên theo đạo Phật, không ăn thịt chó. Cũng không bán. Ai xin thì họ cho không vậy thôi. Chó đẻ ra bao nhiêu cũng nuôi mặc cho nó lớn, sống thế nào cũng mặc.

Con Luốc đi bên tôi, đuôi nó không cụp xuống tỏ vẻ sợ hãi, lại còn cứ ve vẩy, tuồng như không màng đến bọn nhãi nhép tong teo kia. Chỉ cần tôi ra lệnh một tiếng, là nó xông ra cho bọn chó kia một bài học nên thân ngay.

Ngôi chùa với sáu mái lợp ngói cong vút, xây trên nền đá như kiểu kiến trúc chùa chiền Ấn Độ, sừng sững đứng trên ngọn đồi cát, chung quanh mọc toàn những cây xoài cổ thụ to đến ba bốn người ôm. Chúng tôi lần theo những bậc thang xây bằng đá tổ ong, đi lên chùa. Hai bên bậc thang, ở mỗi quãng mặt bằng phải đi bình thường một lúc trước khi bước lên một tầng thang cao hơn, có bệ xây hình rắn bảy đầu xòe ra như cái quạt khổng lồ. Ngọn đồi cũng thấp thôi, nhưng cách kiến trúc đường lên bậc thang khiến tôi khi bước đi cứ có cảm giác là chùa ở trên chỗ cao lắm, vì luôn luôn phải ngửa cổ lên mới nhìn thấu được bên trên.



Ông Lục cụ⁽¹⁾ chưa già lắm, khoảng ngoài năm mươi tuổi thôi. Ông không mặc quần áo kiểu sư ta mà choàng quanh người bằng cả một súc lụa vàng, lẹp xẹp đôi hài cỏ, tươi cười bước ra tiếp tía nuôi tôi. Tía nuôi tôi chấp hai tay vái Lục kính cẩn. Thấy tía nuôi tôi làm gì, tôi cũng bắt chước làm theo như vậy. Hai người lại nói chuyện với nhau bằng tiếng Miên, làm tôi cứ đứng ngớ ra nhìn. Tía nuôi tôi theo Lục vào chùa. Tôi vừa toan bước theo thì tía nuôi tôi quay lại, bảo:

- Không được dắt chó vào chùa. Con muốn vào thì phải bắt nó nằm ngoài sân kia!

Tôi không thể nào bảo được con Luốc cho nó chịu nằm yên. Hễ tôi quay lưng đi thì nó lóc cóc chạy theo, nên tôi đành phải đứng ngoài cửa ngóng vào. Tía nuôi tôi đập đập chân giữ bụi trên góc phản, rồi lên ngôi xếp bằng tròn trên chiếu hoa rất đẹp, đối diện với Lục, tôi thấy ông Lục ân cần rót nước mời tía nuôi tôi, rồi hai người tiếp tục nói lằng lịu gì với nhau. Tôi đưa mắt nhìn sâu vào trong, thấy trên bàn thờ là những ông bụt cũng gần giống như bụt ở các chùa Việt Nam vậy thôi. Duy chỉ có điều khác là dưới bàn thờ nào cũng chất lổm nhổm những chiếc nồi đất mới, đựng xương người đã hỏa thiêu, trên nắp buộc vuông vải trắng, và bên hông nồi có dán mảnh giấy nhỏ để tên họ ngày mất của người đó.

(1) Sài cả (tiếng Miên). Danh từ "Lục" cũng còn để chỉ những người có tuổi hoặc có uy tín mà mọi người kính trọng.

Từ ngôi nhà nhỏ bên phải, bọn trẻ con đang ríu rít cúi đầu vái một ông Lục trẻ, rồi chúng cấp sáo xô ra, tranh nhau bước xuống bậc thang chạy về.

Tía nuôi tôi cầm gói giấy vàng bước ra, còn ngoái lại vái ông Lục cụp một lần nữa. Ông bước ra theo tiễn khách, hình như toan nói điều gì rồi lại thôi. Khi tía con chúng tôi ra đến đầu bậc thang ông "dớ!" lên một tiếng, khiến tía nuôi tôi giật mình quay lại. Ông Lục cụp điểm ngón tay trở vào khoảng không, nói thật chậm nghe rõ từng tiếng một:

- *Rừ xây choòng cấp, boòng lá trâu xoa!*⁽¹⁾

Tía nuôi tôi "pát! pát!"⁽²⁾ luôn mồm và vái ông Lục cụp một cái thật dài trước khi nắm tay tôi dắt đi.

- Nói chuyện gì trong ấy mà lâu vậy tía? - Tôi hỏi.

- Dủ mọi thứ chuyện. Lục hỏi thăm Tây đánh vào tới đâu rồi, hỏi chúng ta từ đâu tới. - Tía nuôi tôi đáp một cách vui vẻ.

- Có thuốc cho thằng Cò không tía?

Tía nuôi tôi chìa gói giấy vàng ra:

- Thuốc đây. Hay lắm! Làm bằng một trăm thứ cốt chim và xương rắn độc. Trong uống ngoài xoa, khỏi ngay thôi. Lục không lấy tiền, chỉ biểu thôi.

(1) Tre muốn chặt thì gai phải đốn.

(2) Vâng! Vâng!



- Lúc nãy ông nói gì với tía đấy?

Tía nuôi tôi ngó tôi một lúc rồi mới đáp:

- Con thì cái gì cũng hỏi. Ừ, Lục bảo: "Tre muốn chặt thì gai phải đốn!" Không nói thẳng đâu, mình phải suy ngẫm ra mà hiểu lấy... Tức là muốn đánh được thằng Tây, thì phải trừ bọn tay chân của nó trước!

- Hay quá tía nhỉ! Ồ, tụi nhỏ đi học kinh ở chùa vừa ra lúc nãy phải không hở tía?

- Học chữ đấy. Các sóc Miên đều không có trường học. Trẻ con đến học ở chùa thôi. Ông cụ Lục là người oai quyền nhất sóc đấy!

- Gặp được ông Lục cụ tốt thì may, tía nhỉ!

Tía nuôi tôi chỉ "ừ" rồi cười cười nhìn tôi bằng cặp mắt khó hiểu. Chúng tôi lặng lẽ trở về thuyền, mặc cho bầy chó đuổi theo vờn chung quanh con Luốc sủa đến văng óc.

Sau khi uống thuốc và bôi thuốc được một lúc, thằng Cò đã ngồi dậy, tỉnh như không. Quả là món thuốc thần diệu thật! Tía nuôi tôi liền bọc một nanh cá sấu trở lên chùa đền ơn Lục cụ, bảo là để Lục tiện nó làm quân cờ...

Má nuôi tôi thì cứ bảo nên ở nán lại một ngày nữa hãy đi để hôm sau bà lên chùa lạy Phật đã, nhưng đang gặp lúc thuận nước thuận gió, nên tía tôi không thể chiều bà được. Thế là vào khoảng đầu canh một đêm đó, chúng tôi lại tiếp tục cuộc hành trình mà tôi chưa biết sẽ về đâu.

SÂN CHIM

Ở vùng này, những chiếc thuyền nhỏ cỡ thuyền chúng tôi chẳng ai làm buồm. Có lẽ để tránh bớt sự công kênh, choán chỗ, và để cho thuyền được nhẹ. Khi cần cứ chắt một tàu lá dừa nước ngọt theo bờ sông cắm lên thuyền là đã có ngay một chiếc buồm rồi.

Thuyền chúng tôi đổ ra dòng một con sông lớn, với bốn cánh buồm thiên nhiên kiểu đó, cắm trong bốn lỗ cột chèo. Má nuôi tôi ngồi giữ lái. Gió đưa chiếc thuyền buồm xanh của chúng tôi lướt chạy ào ào như chiếc ca-nô. Chạy một mạch hai ngày hai đêm như vậy, đến ngang một cái chợ, tía nuôi tôi "hạ buồm" vút xuống lòng sông trả lại cho bà Thủy.

Người ta gọi chợ này là chợ Mặt Trời. Có lẽ vì chợ nhóm tại doi đất ngã ba vàm một con kênh có tên là kênh Mặt Trời. Còn thằng Cò thì cứ bảo tôi đây là chợ chim. Hôm qua, chợ chưa nhóm. Tía nuôi tôi còn cấm sào ở bên chợ, hy vọng có thể bán nốt mấy tấm da cá sấu còn vướng chỗ trong thuyền. Suốt ngày, ánh nắng



rừng rực đỏ lửa xuống mặt đất. Bốn phía chân trời trống huếch trống hoác. Từ lúc mặt trời mọc cho tới khi mặt trời lặn không kiếm đâu ra một bóng cây để tránh nắng. Con kênh Mặt Trời còn phơn phớt màu đào buổi sáng, giữa trưa bỗng hóa ra một dòng thủy ngân cuộn cuộn lóa mắt, rồi dần dần biến thành một con suối lửa lúc trời chiều. Năm ba ngôi quán lèo tèo ngó cửa ra một khoảnh đất rộng. Trên mặt đất nứt nẻ, vết cứt chim khô trắng khắp nơi, lông chim theo gió cuốn lên xoáy tít trong nắng như những cánh bông gòn rụng bay lấp lóa.

Từ sáng sớm, ghe xuống đã vào cập bến chợ, đậu san sát như lá tre. Mũi xuống này được buộc nối vào lái thuyền kia, đen kín mặt nước. Tiếng chim kêu râm ran trong đám ghe xuống và trên sân chợ.

Tía nuôi tôi ngồi uống rượu một mình trong ngôi quán ồn ào, toàn những đàn bà và trẻ con đang húp cháo chim xì xà xì xụp. Máy tám da cá sấu hoa cà dựng trên ngạch cửa, bên lối ra vào. Mùi chim nướng từ trong những ngôi quán bay ra thơm phức. Tiếng dao thớt khua lộp cộp trong tiếng chim kêu xé màng tai, làm cho cái chợ nhỏ lạ lùng này thêm phần náo nhiệt.

Má nuôi tôi xách rổ lên chợ mua chim non và trứng để làm thức ăn dự trữ mang theo thuyền. Thành Cò, vì bàn chân hầy còn sưng, không được phép lên bờ, phải ngồi lại trong mui ôm con Luốc ngó lên chợ, coi bộ thêm thuồng lăm.

Tôi cầm bát lên mua một tô cháo chim băm hành củ rắc hạt tiêu bưng xuống cho nó, rồi quày quả nháy lên chợ ngay. Con Luốc cũng muốn theo tôi. Nó cứ vẫy đuôi kêu ư... ử... Nhưng thằng Cò cứ ôm cổ giữ nó lại. Nó tức mình, quay ra mấy xuống chim đậu chung quanh gắt ngẫu xị. Chim nhót trong các giỏ tre nghe tiếng chó sủa, hoảng hốt đập cánh kêu loạn lên.

Tôi đi một mình, luẩn quẩn theo những người bán chim trên chợ. Ngay dưới bờ sông chỗ tôi đứng, có mấy người đàn bà đang mặc cả, cãi nhau trên một chiếc thuyền to. Giỏ cần xé chất ngổn ngang, đựng đầy các thứ trứng chim. Từng xâu chim trắng, chim đen buộc chân, dồn chật trong khoang; những con chim bị trói chen nhau ngóc cổ lên, con này mổ vào lưng con kia, đập cánh phành phạch.

Một thằng bé gánh tòn ten hai con chim gì lạ quá, cổ dài như cổ rắn, to gấp rưỡi con vịt bầu, sắc lông màu vàng xám.

- Ê, bán chim gì đó, mậy? - Tôi men theo, tay chấp đít hất hàm hỏi nó.

- Con diêng diêng mà cũng không biết!

Cặp môi nó trề ra, cái mặt vênh vênh, nhưng bộ tướng nhỏ thó và đôi mắt chân thật của nó nhìn lâu cũng thấy dễ mến.

- Bộ mày ở đâu mới tới hả? - Nó hỏi tôi.

- Ờ, mới tới. Xứ tao cũng... vô khối chim. Nhưng không giống như chim ở đây, thành ra



tao mới hỏi mày chứ! - Tôi nói phét với nó như vậy, để nó đừng chê tôi là "quê".

Coi ra nó cũng khoái. Nó trở từng con chim, gọi tên cất nghĩa cho tôi nghe, ý như muốn khoe với tôi rằng nó là "tổ sư Bồ Đề" ở đây...

Những con chàng bè đồ sộ như con ngỗng, mỏ to bằng cổ tay cứ gõ vào nhau lộp cộp, làm rung rung mảnh da mềm thông xuống tận cổ như cái diêm lửa mỡ gà. Những con giang sen cẳng cao lêu nghêu, nặng hàng năm bảy cân thịt, bị khớp mỏ, tréo cánh đứng giữa đám sếu đen, sếu xám mào đỏ, đầu không ngót nghiêng qua nghiêng lại ngó theo mấy con ó biển đang lượn vòng trên kên.

Cò thì không biết bao nhiêu mà kể. Cò ngà, cò trắng, cò xanh, cò ma... buộc từng xâu, chất nằm hàng đống. Một đám đàn bà trẻ con đang ngồi lúi húi vặt lông chim công cộc gần đấy.

- Mày muốn kiếm tiền xài không? - Thằng bé kéo tay tôi, bảo nhỏ. - Nhỏ lông chim muốn đấy. Mày muốn làm thì lại nói với cái thím đội nón lông chim ó rần đang đứng chống nạnh hai quai trước quán kia kìa!

Thấy tôi lắc đầu, nó hích khuỷu tay vào hông tôi:

- Chê à? Làm một ngày, kiếm bộn tiền. Mày không lấy tiền thì lấy thịt chim về ăn. Lông chim bán riêng, thịt bán riêng mà!

Chỗ này mười giờ le đặt bên cạnh một đống lông nhốt đầy chim trích. Những con trích lông

Đoàn Giỏi

xanh, mỏ đỏ như quả ớt ngắn, cặp chân hồng như đôi đũa sơn, coi bộ tốt mã nhất. Con nào con nấy lông lẩy như con gà tre, cứ ngược cổ kêu trích... trích... ché..., nghe đến nhức màng tai. Chỗ kia lổm ngổm hàng sọt chim công cộc lông đen như nhọ chảo, không ngớt cựa quậy, mổ vào nhau kêu léc chéc.

- Chim ở đâu mà họ bắt nhiều vậy? - Bảy giờ tôi mới đành chịu hỏi thằng bé câu ấy.

- Chim bắt ở sân chim chứ đâu, mậy!

- Sân chim ở đâu?

- Ở chỗ nó ở chứ còn ở đâu!

Thằng bé cười cười, ra vẻ thích thú lắm. Dường như nó chỉ chờ nghe tôi hỏi để được trả lời, nhưng vẫn làm bộ làm tịch, chưa vội bảo ngay. Hồi lâu, nó mới nói:

- Máy người đàn bà mặc áo cộc tay đứng dưới tam bản chỗ trứng chim kia, là dân hốt⁽¹⁾ trứng chim đồng. Trứng le le, trứng trích, trứng cò... đẻ rơi trong đồng cỏ, không có chủ. Ai gặp nấy hốt. Hốt trứng tự do mà! Còn cái ông ngồi bán quạt, tết bằng lông ó rằn, lông chim già đây ở chỗ mấy con sếu kia, là chủ vườn cò. Mày biết vườn cò hả? Ừ, vườn cò... thì chỉ có cò ở thôi. Không nhiều bằng sân chim đâu. Sân chim thì vô phương nói được. Đủ các thứ chim. Mày thấy mới biết!

(1) Nhặt.



Mặt trời đã lên cao. Nắng bắt đầu gay gắt. Cái chợ chim nhóm giữa trời đã có phần bớt huyền ảo. Bỗng nghe tiếng hu... hu... từ đâu vẳng tới. Mọi người còn đang ngơ ngác ngóng lên trời thì từ dưới đám thuyền có tiếng thét vang dội:

- Máy bay giặc, bà con ơi!

Chợ nhốn nháo như vỡ đám làm chay. Người ta quỳnh quáng chạy tới chạy lui lộn xộn trên khoảng đất trống. Không một lùm cây, bụi cỏ để lấy chỗ nấp tạm. Nhiều người đàn bà hãi quá, nhảy bừa xuống kênh tìm một chỗ ẩn mình dưới các gò đất dựa bờ.

"Con đầm già đi guốc" bay là là trên mặt sông, vút qua ngang chợ. Nó cất lên cao, rồi từ từ quay lại lượn trên chợ một vòng, thả ra những cục gì đen đen. Tôi nằm úp mặt xuống đất, nín thở chờ nghe tiếng nổ.

- Giặc thả truyền đơn, bà con ơi!

- Đừng sợ, nó không bắn đâu!

- Ai dám nói nó không bắn đó!

Tiếng kêu thét, cãi nhau nghe ran chung quanh. Tôi nghiêng đầu ngó lên. Những cục đen đen từ trong chiếc thủy phi thuyền⁽¹⁾ thả ra ban nãy đã tan trong gió, bay trắng trời, lấp lánh trong nắng như vẩy cá. Gió thổi giật những tờ truyền đơn bay đi xa lắc. Ghe xuống vội vã chèo đi. Giầm chèo va vào nhau, khua

(1) Máy bay đậu được trên nước.

lớp cốp. Chim kêu diếc tai. Tiếng hú, tiếng ì, tiếng gọi nhau ran mặt nước.

Khi tôi chạy xuống bến, trèo lên thuyền thì đã thấy bộ da cá sấu vắt nằm trên mũi. Tía nuôi tôi cũng vừa quay xong quai chèo lái. Tôi chụp lấy guốc chèo mũi, quạt mạnh mấy cái, đưa thuyền quay ra cho trôi xuôi theo dòng.

Trong chốc lát, ngoảnh lại thì cái chợ chim đã biến mất chỉ còn trơ khoảng đất trống và dãy quán lụp xụp đứng buồn thiu.

- Không biết giặc rải truyền đơn nói cái gì?

- Mười hôm trước, nó cũng rải trên chợ Cái Rắn. Nó gọi mình đầu hàng!

- Bộ đội mình đâu, sao không đánh nó?

- Chỗ nào cũng chờ bộ đội à? Vậy chứ bà con mình cụt tay hết rồi sao? Nó vô đây, vác dao vác rựa chém nó ra từng khúc như khúc chuối, cho bỏ cái thói cướp nước người ta.

- Nghe có lính Bắc Bộ ngoài Cụ Hồ đưa vô rồi mà!

- Ồ, cũng có nghe đấy!

- Sao lại cũng có nghe? Vô nhiều lắm rồi. Tướng Vũ Đức chỉ huy. Đâu còn ở mạn trên Phước Long.

Mặt sông vang dậy tiếng người tranh nhau nói. Ai cũng muốn tỏ ra thông thạo. Ai cũng nói, thành ra không ai nghe ai...



Thuyền chúng tôi cứ xuôi theo dòng nước chèo đi. Tía nuôi tôi định đi về hướng Năm Căn. Ông bàn với má nuôi tôi:

- Năm Căn là xứ tiền rừng bạc biển. Sông rạch hiểm trở. Ở đó toàn là rừng. Rừng đước, rừng mắm, rừng bần,... Tây khó bề tới. Về đó, ta có thể đi đón củi muốn cho các lò than...

Má nuôi tôi nói xuôi lơ:

- Cái đó tùy ông. Ở đâu thì ở, miễn được yên nơi yên chỗ mà làm ăn. Chứ lênh đênh mãi thế này, tôi e có ngày hai đứa nhỏ chết lép xác thôi!

Mờ sáng hôm sau, tôi còn đang ngủ trong mui bồng nghe thằng Cò gọi giật tôi dậy:

- Mau ra coi, An ơi! Gần tới sân chim rồi. Đã sáng bết mà mày còn ngủ à?

Tôi dụi mắt bỏ ra khoang trước, vốc nước dưới sông lên rửa mặt. Trên vệt rừng đen ở chỗ con sông ngoặt như lưỡi cưa cá mập chồm chồm đứng đầu rừng nhọn đã ứng lên màu mây hồng phơn phớt. Từ chỗ vệt rừng đen xa tít đó, chim cất cánh tua tủa bay lên, giống hệt đàn kiến từ trong lòng quả đất chui ra, bò li ti đen ngòm lên da trời. Càng đến gần, khi bóng chim chưa hiện rõ hình đôi cánh, thì quang cảnh đàn chim bay lên giống như đám gió bốc tro tiền, tàn bay liên tri hô điệp.

Những bầy chim đen bay kín trời, vươn cổ dài như tàu bay cổ ngỗng lướt qua trên sông, cuốn theo sau những luồng gió vút cứ làm tai tôi rối lên, hoa cả mắt.

Mỗi lúc tôi càng nghe rõ tiếng chim kêu náo động như tiếng xóc những rổ tiền đồng. Và gió đưa đến một mùi tanh lợm giọng, khiến tôi chỉ chực buồn nôn ọe.

Chim đậu chen nhau trắng xóa trên những đầu cây mắm, cây chà là, cây vẹt rụng trụi gần hết lá. Công cộc đứng trong tổ vươn cánh như tượng những người vũ nữ bằng đồng đen đang vươn tay múa. Chim già đây, đầu hói như những ông thầy tu mặc áo xám, trầm tư rút cổ nhìn xuống chân. Nhiều con chim rất lạ, to như con ngỗng đậu đến quần nhánh cây.

Một con diêng diêng ngóc cổ lên mặt nước, thoát trông tôi tưởng là một con rắn từ dưới nước cất đầu lên. Khi thuyền chúng tôi chèo đến gần, nó bèn ngụp xuống lặn mất. Chốc sau đã lại thấy nó nổi lên gần bờ, mỏ ngậm con tôm xanh gần bằng cổ tay còn đang vung râu cựa quậy.

Tôi mê quá! Mà thằng Cò cũng mê như tôi. Hai đứa cùng ước: phải chi mình được dừng thuyền lại đây vài hôm để bắt chim thì phải biết!

Chim từ những đâu tập trung về ở đây, nhiều không thể nói được!

Ở đây, còn có nhiều giống chim lạ, không thấy bày bán ở chợ Mặt Trời. Chúng đậu thấp lắm, đứng dưới gốc cây có thể thò tay lên tổ nhặt trứng một cách dễ dàng.

Tôi chồm người ra be thuyền, kêu to:



- Dừng lại đây bắt một mớ chim đi, tía!
- Sân chim có chủ, không bắt của người ta được đâu! - Tía nuôi tôi bảo.
- Bộ họ nuôi nó sao? Chim trời cá nước, ai bắt được nấy ăn chứ!
- Đúng là không ai nuôi. Nhưng chim về ở trên vùng đất của ai thì nó thuộc về tài sản của người đó. Họ phải đóng thuế hằng năm như đóng thuế ruộng đấy, con ạ.⁽¹⁾

Thấp thoáng trong xa, bốn năm người quảy giỏ, cầm sào trúc có ngoéo sắt đang ngoéo cổ chim non xuống bắt. Coi bộ dễ hơn bắt gà nhốt trong chuồng.

Tiếng chim kêu vang động bên tai, nói chuyện không nghe nhau được nữa. Thuyền chúng tôi chèo đi hơn ba nghìn thước rồi mà hãy còn thấy chim đậu trắng xóa trên những cành cây gié sát ra sông.

(1) Ở Nam Bộ, thời Pháp thuộc, thuế đánh vào sân chim rất nặng, gấp bốn lần thuế ruộng. Trong kháng chiến, ta cũng có thứ thuế sân chim, nhưng thu nhẹ thôi. Sân chim (danh từ địa phương) nghĩa như đảo chim, cồn chim.

RỪNG ĐUỐC CÀ MAU

Nếu như có ai bảo tôi quay trở lại một nơi nào đó - một bến chợ hoặc một xóm làng chẳng hạn, nơi mà tôi đã rời đi cách đó chừng dăm ngày - trở lại bằng đúng con đường cũ mà không được hỏi ai đường đi, thì tôi sẽ chịu thôi. Chỉ mới đi một lần thì dứt khoát là không thể nhớ và không dễ dàng nhận ra con đường cũ.

Trông chỗ nào cũng như chỗ nào. Càng đổ gần về hướng mũi Cà Mau thì sông ngòi, kênh rạch càng bủa giăng chi chít như mạng nhện. Trên thì trời xanh, dưới thì nước xanh, chung quanh mình cũng chỉ toàn một sắc xanh cây lá. Tiếng rì rào bất tận của những khu rừng xanh bốn mùa, cùng tiếng sóng rì rào từ biển Đông và vịnh Thái Lan ngày đêm không ngớt vọng về trong hơi gió muối - thứ âm thanh đơn điệu triền miên ấy ru ngủ thính giác, càng làm mòn mỏi và đuổi dần đi tác dụng phân biệt của thị giác con người trước cái quang cảnh chỉ lặng lẽ một màu xanh đơn điệu.



Từ khi qua Chà Là, Cái Keo... rồi bỏ con sông Bảy Háp xuôi thuyền trôi theo dòng, thì tôi bắt đầu có cái cảm giác trên đây... Ở đây, người ta gọi tên đất tên sông không phải bằng cái tên mỹ lệ, mà cứ theo đặc điểm riêng biệt của nó mà gọi thành tên. Chẳng hạn như gọi rạch Mái Giầm, vì hai bên bờ rạch mọc toàn những cây mái giầm cọng tròn xốp nhẹ, trên chỉ xòa ra độc một cái lá xanh hình chiếc bơi chèo nhỏ, gọi là kênh Bọ Mất vì ở đó tụ tập không biết cơ man nào là bọ mất đen như hạt vừng, chúng cứ bay theo thuyền từng bầy như những đám mây nhỏ, ta bị nó đốt vào da thịt chỗ nào là chỗ đó ngứa ngáy nổi mẩn đỏ tấy lên; gọi kênh Ba Khía vì ở đó hai bên bờ tập trung toàn những con ba khía, chúng bám đặc sệt quanh các gốc cây. (Ba Khía là một loại còng biển lai cua, càng sắc tím đỏ, làm mắm xé ra trộn tỏi ớt ăn rất ngon). Còn như xã Năm Căn thì nghe nói ngày xưa trên bờ sông chỉ độc có một cái lán năm gian của những người tới đốn củi hầm than dựng nên, cũng như Cà Mau là nói trại đi theo chữ *Tức khơ mâu*, tiếng Miên nghĩa là "nước đen".

Thuyền chúng tôi chèo thoát qua kênh Bọ Mất, đổ ra con sông Cửa Lớn, xuôi về Năm Căn. Dòng sông Năm Căn mênh mông, nước ầm ầm đổ ra biển ngày đêm như thác, cá nước bơi hàng đàn đen trũi nhô lên hụp xuống như người bơi ếch giữa những đầu sóng trắng.

Thuyền xuôi giữa dòng con sông rộng hơn ngàn thước, trông hai bên bờ, rừng đước dựng lên cao ngất như hai dãy trường thành vô tận. Cây đước mọc dài theo bãi, theo từng lứa trái rụng, ngọn bằng tăm tắp, lớp này chồng lên lớp kia ôm lấy dòng sông, đắp từng bậc màu xanh lá mạ, màu xanh rêu, màu xanh chai lọ... lòa nhòa ẩn hiện trong sương mù và khói sóng ban mai.

Chợ Năm Căn nằm sát bên bờ sông, ồn ào, đông vui tấp nập. Vẫn là cái quang cảnh quen thuộc của một xóm chợ vùng rừng cận biển thuộc tỉnh Bạc Liêu, với những túp lều lá thô sơ kiểu cổ xưa nằm bên cạnh những ngôi nhà gạch vắn minh hai tầng, những đóng gỗ cao như núi chất dựa bờ, những cột đáy, thuyền chài, thuyền lưới, thuyền buôn dập dềnh trên sóng... Nhưng Năm Căn còn có cái bề thế của một trấn "anh chị rừng xanh" đứng kiêu hãnh phô phang sự trù phú của nó trên vùng đất cuối cùng của Tổ quốc. Những bến vận hà nhộn nhịp dọc dài theo sông; những lò than hầm gỗ đước sản xuất loại than củi nổi tiếng nhất của miền Nam; những ngôi nhà bè ban đêm ánh đèn măng-sông chiếu rực trên mặt nước như những khu phố nổi, và nơi đây người ta có thể cập thuyền lại, bước sang gọi một món xào, món nấu Trung Quốc hoặc một đĩa thịt rừng nướng ướp kiểu địa phương kèm theo vài cút rượu, ngoài ra còn có thể mua từ cây kim cuộn



chỉ, những vật dụng cần thiết, một bộ quần áo may sẵn hay một món nữ trang đắt giá chẳng hạn, mà không cần phải bước ra khỏi thuyền. Những người con gái Hoa kiều bán hàng lẻ, những người Chà Châu Giang⁽¹⁾ bán vải, những bà cụ già người Miên bán rượu, với đủ các giọng nói lúi lỏ, đủ kiểu ăn vận sắc sỡ, đã điểm tô cho Năm Căn một màu sắc độc đáo, hơn tất cả các xóm chợ vùng rừng Cà Mau.

- Ở lại đây thôi, ông ạ! - Má nuôi tôi vừa đưa mắt nhìn lên bờ vừa bảo tía nuôi tôi.

Tía nuôi tôi ngồi trước mũi thuyền thông thả nhồi thuốc vào nõ tẩu, nheo mắt cười với tôi và thằng Cò:

- Hai đứa bay muốn ở đây hay đi nữa?

Giọng đùa vui hiền lành dễ dãi của tía nuôi, nhất là nét cười bên hai khóe mắt của ông cứ mở ra, khiến tôi và thằng Cò cũng cười theo mà không đứa nào trả lời.

- Không nên ở đây! - Tía nuôi tôi buông lửng một câu ngắn cộc bất ngờ, rồi dặng háng ngược lên nhìn má nuôi tôi dò hỏi.

- Ông tính ra ngoài biển ở hay sao?

Dường như không chú ý tới sự phản ứng của má nuôi tôi, và cũng không buồn nhìn bốn con mắt thô lỗ đầy ngạc nhiên của hai thằng con nhỏ mà ông thừa biết rằng qua bao nhiêu chặng đường dài mệt mỏi, đều đang chờ đợi

(1) Người gốc Chiêm Thành.

phút dừng chèo, cắm thuyền là nhảy lên mảnh đất định cư hằng mong ngóng, tía nuôi tôi cứ thông thả bắt lửa lên đốt thuốc, bập bập hít mấy hơi dài.

- Ở lại đây, nhưng không ở tại đây!

- Ở chợ vui hơn chứ, tía? - Thành Cò hong hóng ngó lên bờ, buột miệng kêu lên. - Người ta đông như thế này mà... mình còn đi đâu nữa, hở tía?

Tía nuôi tôi cười mà như không cười, sẽ sàng nói:

- Mình có phải dân buôn bán đâu mà cần ở chợ!

- Ông có cần mua sắm gì không? - Má nuôi tôi hỏi.

- Chưa vội. Để lo tìm chỗ cất nhà trước đã. Bà có muốn cho hai đứa nhỏ lên chợ chơi thì ghé lại một chốc cũng được.

- Thôi, để lúc khác!

Bao giờ đang lúc cãi nhau vì sự bất đồng ý kiến trên một vấn đề nào đó với tía nuôi tôi, mà má nuôi tôi bỗng dưng quay ra nói một chuyện gì khác, thì tôi hiểu ngay rằng bà đã chịu cái lý lẽ của tía nuôi tôi là đúng.

Thuyền chúng tôi không đỗ lại chợ. Chúng tôi còn đi non một buổi nữa mới cập bến. Đây là một xóm nghèo, nhà cất lưạ thưa trên bờ một con rạch nhỏ dựa lưng vào rừng.

Những người thợ đốt than đã tiếp tay đốn cây, chặt lá dựng cho chúng tôi một ngôi lều



nhỏ. Ngày ngày tía nuôi tôi vác rìu theo thợ rừng đốt củi mướn cho các lò hầm than. Má nuôi tôi thì xách giỏ đi bắt ba khía về làm mắm. Thằng Cò và tôi bữa nào cũng rủ bọn trẻ trong xóm dắt con Luốc sục sạo vào rừng săn chồn, săn kỳ đà. Cũng có khi chúng tôi mò ra tận sông cái lội xuống bãi bắt cua, bắt vọp.

Chúng tôi thường men theo con đường mòn của thợ đốn củi dắt nhau ra chơi dọc bờ sông. Nơi nào cũng vậy, bọn trẻ nhỏ chúng tôi bao giờ cũng tìm ra được nhiều trò chơi trên các bờ sông, cho đến lúc chán thì nhảy ngay xuống nước tha hồ bơi tắm. Ở đây khi nước triều xuống, còn có những con cá biển đủ các loại màu sắc và hình thù khác nhau, mắc cạn nằm trong những vũng nước trong veo. Con nào bé thì sau khi đã nghịch chán, chúng tôi bụm nó trong tay mang ra thả xuống mé nước. Con nào kha khá, ăn được thì chúng tôi xâu mang xách về. Ở vùng rừng ngập nước của xứ Cà Mau này, sông ngòi kênh rạch là đường giao thông chính. Hầu như ngày nào tôi cũng mò ra đứng trên bờ sông hưởng cái thú xem đủ các kiểu thuyền sông thuyền biển dong buồm cánh én chạy phẳng phẳng rẽ nước trắng xóa như tàu thủy - từ chiếc xuống vỏ gòn nhỏ, như con cá thòi lòi nhảy sóng rất tinh, cho đến chiếc ghe dài đồ sộ như một quả đồi ị ạch, nặng nề, chỉ có thể nhờ tàu kéo dắt đi. Nơi bờ sông, người ta chờ gọi thuyền mua thuyền bán, và lúc nào cũng có thể

nghe được tin tức chiến sự nhiều nơi của khách tứ phương trên những con thuyền khắp chốn đi qua. Và ở bờ sông, không những đôi lúc tình cờ có thể vớ được con rùa con rắn một cách dễ dàng, tôi còn tìm gặp nhiều cây cỏ lạ không thấy có ở mọi vùng chung quanh. Có nhiều thứ cây mỗi lá đẹp như một cái hoa, do dòng nước mang hạt giống từ những vùng đất xa xôi nào đưa về tận đây nhờ bọt sóng đánh giặt lên bờ.

Một buổi sáng sớm, tôi và thằng Cò xách chai ra bờ sông chờ thuyền trà vãi⁽¹⁾ đón mua dầu lửa. Bỗng nghe đằng xa có tiếng bọn trẻ con gọi nhau í ới. Trong ánh nắng nhẹ chưa xua tan lớp mù kéo lê trên đầu ngọn cỏ ướt đầm sương, bóng những người đàn ông xách xà beng, cầm chìa, xách phảng chạy hộc tốc về hướng đồng mả.⁽²⁾

Bao giờ có một điều bất thường, một biến cố gì vừa xảy ra thì tức khắc bọn trẻ con kéo đến đó ngay. Tôi lôi thằng Cò ba chân bốn cẳng chạy theo bọn nhỏ. Đám người cời trần, lăm lăm dao mác trong tay, đang quây thành một vòng tròn chung quanh một ngôi mả trên gò đất cao hiện ra trước mắt chúng tôi.

- Bọn con nít lui ra! Nó chưa chết đâu. Coi chừng cái đuôi... Cái đuôi nó còn cựa quậy đấy! - Tiếng một người nào đó hét oang oang.

(1) Thuyền bán tạp hóa lưu động trên sông.

(2) Cảnh đồng hoang, ai muốn chôn người chỗ nào thì chôn, không phải là nghĩa trang.

Vòng người giãn ra rồi lại thít lại như cũ. Bọn nhỏ vừa chạy giạt ra xa đã thoăn thoắt quay lại. Tôi chắc mềm rằng người ta vừa hạ một con beo con cọp gì ở đây, nhưng chưa kịp hỏi ai thì nghe có tiếng một người nào đó trong đám đông kêu lên:

- Đúng là con kỳ đà rồi!

"Con kỳ đà thì một mình mình cũng đập chết được. Làm gì mà xông xáo dữ vậy?" Tôi vừa thầm nghĩ như thế, vừa chen lách đám người đang thở hổn hển, nét mặt đầy kinh dị đứng ngang trước mặt tôi, kiếm một chỗ trống ghé nhìn. Vừa nhìn vào, tự nhiên tôi bỗng bật lùi ra sau. Trời, một con kỳ đà kinh khủng, tôi chưa từng nghe tí má nuôi tôi nói đến bao giờ!

Con vật bò sát to lớn vừa bị đâm chết, những vết thương toang hoác trên lưng, bên bụng, giữa đầu tóe máu, máu còn chảy ròng ròng. Ngồi mà ai mới chôn, nắm đất đắp chưa khô đã không may bị nó moi vào lưng gò ngang chân mộ. Và từ cái hang rộng đào bằng hai chân trước ấy, con vật đã chui vào, cạy bật nắp áo quan lên, thò đầu vào ăn thịt cái thầy ma. Vết đất bị móng chân con vật cào sâu lúc giẫy chết, bới tung lên, cùng những lùm cây bụi cỏ gãy rạp, nhàu nát, nhốm đầy máu chung quanh, chứng tỏ rằng một cuộc chiến đấu ác liệt diễn ra nơi đây giữa con vật kinh khủng với đám người chiến thắng cõi trần, mồ hôi mồ kê nhễ

nhại còn đang cầm xà beng, cầm chĩa đứng vây quanh.

Một ông cụ già nghiêng đầu ngắm nghía con vật đã bị đâm chết thở phào ra:

- Từ cha sinh mẹ đẻ đến giờ, tôi chưa gặp con vật nào lạ lùng khủng khiếp như con này. Không phải cá sấu, mà cũng không phải kỳ đà. Kỳ đà thì mõm nhọn chứ! Cái mõm con này lại bằng, không ra hình đầu kỳ nhông mà cũng không ra hình đầu rắn mối. Chắc nó là một con lai... gì đó!

- Nom như một con rồng. Nhất là khi nó cất đầu lên, cái lưỡi dài đỏ hồng le ra thụt vào nhanh như chớp, chẳng khác gì một con rồng đang phun lửa. May mà tôi né kịp, không thì tôi đã chầu Diêm Vương rồi!

- Ồ... Khi nó táp hụt thằng này, hai hàm răng chom chồm của nó bập vào nhau nghe một tiếng "cảng" rợn người.

Một người đàn ông bạo dạn thò tay vào nắn nắn những mụn gai trên lớp da lưng rất dày đóng đầy bùn khô mốc của con vật lâu lâu còn giật co mấy cái, cũng lắc đầu bảo:

- Hồi nhỏ tôi nghe ông nội tôi nói, nhưng tôi không tin, nghĩ có lẽ là các ông già xưa hay vẽ ra bằng tưởng tượng... Không biết có chắc là giống này chẳng?

Con vật kinh khủng nằm đấy, không động cựa gì nữa.



Mình nó dài và to cỡ một chiếc xuống ba lá, chỗ vòng bụng thòi ruột còn đỏ vì máu chảy rỉ rả kia, phải đến hai vòng tay người to lớn ôm mới giáp.

- Chạy đi mời thầy giáo đi. Chắc ông biết đấy!

Trong đám đông, sáng kiến của một người nào đó vừa gọi lên, lập tức được hưởng ứng ngay: "Phải rồi! Phải rồi! Chạy đi tìm thầy giáo Bảy mau lên".

Ở vùng rừng xa xôi này, thầy giáo Bảy là người trí thức duy nhất của xã, am tường mọi việc. Lại nghe nói thầy là người có cảm tình với cộng sản, bị bọn thực dân luôn làm khó dễ và chúng "đầy thầy về tận cái xứ khỉ ho cò gáy này cho muỗi đốt", nên thầy càng được phụ huynh học sinh nể trọng. Giỗ chạp, cưới gả gì người ta cũng mời thầy giáo Bảy. Thậm chí, những việc kiện tụng, tranh chấp nhau mà làng xã không phân xử nổi, một ý kiến của thầy đưa ra có thể giảng hòa được đôi bên. Cho nên trong trường hợp đứng trước con vật quái lạ không ai rõ tông tích nó là con gì này, người ta chỉ còn ngồi đợi chờ ở sự hiểu biết có tính cách quyết định của thầy giáo Bảy thôi.

- Ai lại để cái mùi người chết xông ra mà đứng quanh hít thở mãi như vậy được! Thời bây giờ chứ có phải ngày xưa đâu mà để chờ vậy chờ tể tổng làm biên bản!

- Nào bà con ta mỗi người một tay... nhanh lên!

- Chao ui! Kinh khủng quá!

Trong lúc thầy giáo Bảy chưa đến, người ta gấp rút đóng nắp áo quan, lấp cái hang ăn thông vào huyết mả, và không ngớt xôn xao bàn tán về sự xuất hiện bất thường của con vật quái lạ này...

- Thầy Bảy tới rồi! - Tiếng bọn trẻ reo lên trước tiên.

Mọi người tránh giạt ra, nhường lối vào cho một người đàn ông trạc ngoài bốn mươi tuổi, mặc áo sơ mi cộc tay, quần bà ba đen xắn cao ngang ống chân, vừa từ dưới một chiếc tam bản cặp bờ, gấp bước đi lên.

- Thấy coi giùm nó là con gì, thầy Bảy? - Ông cụ già ban nãy đã ước đoán nó là "con lai", bước tới gật đầu chào thầy giáo, vừa hỏi vừa nhìn vào mặt thầy rồi lại đưa mắt nhìn con vật.

Mọi người chung quanh ồn lên một thoáng rồi bắt đầu im phăng phắc. Thầy giáo Bảy lần túi lấy mực kính ra lau vào vạt áo, đoạn thông thả đeo lên mắt, đầu khể nghiêng qua nghiêng lại ngắm nghía con vật. Những nếp nhăn trên trán thầy cứ giãn ra co vào, càng làm tăng thêm vẻ quan trọng trên gương mặt xương xương mà ai nấy đều kính nể, và càng làm cho mọi người càng thêm háo hức đợi chờ lời phán của "con người thông tường mọi lẽ, nhất xứ làng quê" này.



- Nó là một con kỳ đà thôi! Đúng như vậy, một con kỳ đà. - Thầy giáo Bảy chép miệng nói, đầu gật gù như khẳng định thêm cho câu mình vừa thốt ra.

Tiếng xôn xao lại bắt đầu dậy lên. Một người nào đó trong đám đông cười hô hô: "Hồi nãy, tao đã bảo nó là con kỳ đà mà không ai chịu nghe!". Có tiếng người cãi lại: "Hừ! Kỳ đà thì to hơn bấp vế là cùng, chứ kỳ đà gì mà to bằng con cá sấu vậy?". Không biết đó là lời phản đối lại người vừa cất tiếng cười, hay lời phản đối lại ý kiến của thầy giáo Bảy.

Thầy giáo Bảy mỉm cười. Nụ cười độ lượng không tỏ ra có chút gì khó chịu, mà còn làm tăng thêm vẻ đôn hậu trên gương mặt hiền lành. Thầy ngắm nghía con vật một lúc nữa, rồi thông thả nói:

- Con kỳ đà này to thật! Hồi năm 1942, lúc tôi còn dạy học ở xã Đốc Vàng thuộc Đồng Tháp Mười, bà con cũng có đâm chết một con, đo dài ba mét sáu. Con này là con thứ hai mà tôi được thấy tận mắt đấy...

- Ăn thịt được chứ, thầy Bảy? - Một người đứng phía sau hỏi vội vào.

- Ăn thịt được. Giống kỳ đà thôi! - Thầy giáo Bảy lại gật gù, nhắc mực kính lên. - Con này là con thứ hai mà tôi được thấy đấy. Như vậy là hiếm lắm. Có thể nó sinh sống ở một vùng nào khác, nhờ một điều kiện ngẫu nhiên nào đó, bị

bão tố giạt đi, bám trên một khúc gỗ trôi qua biển chẳng hạn, mà nó lạc tới đây⁽¹⁾.

- Im để nghe thầy Bảy nói, làm gì mà ồn ào vậy?

- Nói tiếp đi, thầy Bảy!

Chờ cho mọi người lắng xuống, thầy giáo Bảy mới nghiêm sắc mặt, bảo:

- Thời tiền sử, có những con vật to lớn khủng khiếp, có loại có sức nặng đến bốn năm mươi tấn, nhưng ngày nay đều đã bị hủy diệt cả. Trong điều kiện thích nghi nào đó thì chúng mới có thể sống được. Sự thay đổi khí hậu trên vỏ quả đất nguội dần đã làm biến mất nhiều loại sinh vật và thực vật mà ngày nay người ta chỉ còn tìm ra được những bộ xương hay dấu vết đã hóa thạch đào được dưới nhiều tầng đất sâu...

(1) Ở đảo Cô-mô-đô thuộc In-đô-nê-xi-a có nhiều loài bò sát lưỡng cư này. Tên của nó là kỳ đà, cũng còn gọi là cự đà. Có con mình dài tới 4 mét, có thể nuốt chửng một con nai to cả móng lẫn sừng, và quật ngã người để ăn thịt. To lớn thế, nhưng trứng nó chỉ bé bằng trứng ngỗng. Vài tháng sau khi nở ra, kỳ đà con đã có sức mạnh để tự kiếm ăn lấy, và chừng 4-5 tuổi, chỉ một cái vẩy đuôi, nó có thể dễ dàng đập chết một con heo rừng hay quật ngã một con nai to. Giới khoa học phương Tây gọi là rồng Cô-mô-đô (tài liệu này, tình cờ chúng tôi đọc được ở báo Trung Lập xuất bản ở Cam-pu-chia đầu năm 1964. Nay xin chủ thích bổ sung vào đây).

Các nhà bác học Liên Xô đã đến nơi bẫy bắt được một số con vật này. Dân đảo rất sợ, gọi giống kỳ đà này là những con "rồng phun lửa". Bộ máy tiêu hóa của chúng cấu tạo giản đơn như bộ máy tiêu hóa của những con vật thời tiền sử. Chúng có nguồn gốc từ châu Úc rồi vượt biển sang Cô-mô-đô. Những con còn nhỏ đã bơi nhanh hơn ca-nô, hơn tàu chạy hết tốc lực.



Nhiều tiếng xì xào bắt đầu nghe lâm râm chung quanh. Dường như những danh từ xa lạ từ miệng thầy giáo Bảy nói ra, những chuyện vô trái đất, xương hóa thạch xa xôi mà sự hiểu biết của họ còn lâu lắm mới có thể với tới, khiến họ không còn tập trung chú ý nghe thầy nói nữa. Nhưng chắc chắn là mọi người đều thần phục thầy giáo Bảy, và nhiều người bắt đầu chêm vào đôi ba câu gì đó, tỏ ra mình cũng có ít nhiều chỗ lĩnh hội được ý nghĩa của lời thầy giáo nói, gây nên một sự mất trật tự rất thỏa thuê, không người nào phản đối người nào cả.

Khi mọi người sắp sửa xả thịt con kỳ đà khổng lồ, thầy giáo Bảy tháo mực kính ra, mặt đầm chiêu hồi lâu, nói với những người còn ngong ngóng đứng chung quanh:

- Bất cứ chúng nó từ đâu tới, hung hãn đến thế nào, nếu bà con ta đều đồng tâm nhất trí thì chúng ta có thể diệt trừ được chúng cả. Sá gì con quái vật này!

Tôi biết thầy giáo Bảy muốn ám chỉ đế quốc xâm lược. Hình như thầy còn toan nói điều gì nữa thì phải. Nhưng mấy tiếng kêu bất thành linh từ chỗ bờ sông vọng tới khiến thầy quay mặt trông ra và thôi không nói nữa. "Tiếng ai mà the thé như tiếng dì Tư Béo?" Tôi vội ngóng cổ lên nhìn. Quả đúng là dì Tư Béo thật!

- Một trăm đồng cái mật con kỳ đà, tôi mua đây. Hai trăm đồng cái mật, tôi mua đây. Để cái mật cho tôi!

Dì Tư Béo vẫn béo tròn béo trọc như trước, tay trái cầm tờ giấy bạc con voi đỏ⁽¹⁾ giơ cao lên, miệng vừa gào, chân vừa lạch bà lạch bạch chạy về phía chúng tôi, tay phải vừa lấn túi mỡ kim băng rút ra một tờ giấy bạc nữa, hai tay xòe cao hai tờ giấy bạc phẩy lia phẩy lia như sợ ai mua cướp cái mặt trước.

Tôi vội chạy ra, kêu lên:

- Dì Tư mới tới đó hả? Dì ở đâu tới đây?

Dì Tư Béo "ơ" một tiếng, toét mồm cười, bàn tay cầm tờ giấy bạc bóng mỡ đập vào vai tôi một cái khiến tôi suýt ngã. Bà ta gật đầu lia lia, như ra ý bảo: "Chờ đấy, chốc sau hẵng nói chuyện", rồi vội vã chen lách mọi người bước vào trong.

Thằng Cò nãy giờ vẫn theo dõi tôi, nó kéo tay tôi hỏi:

- Dì mà y đó hả?

- Ồ... Nhưng mà không phải dì. Bà chủ quán rượu ở chợ Ngã Ba Kênh, mà y không nhớ à? Hồi trước tao là hầu bàn ở đấy mà!

Thằng Cò ngó chăm chăm vào mặt tôi, buông thông một câu:

- Thôi, về. Có ghe trà vãi đậu đằng kia. Mình đi lại đó đưa dầu lửa rồi về. Má trông lắm đấy.

Tôi ngần ngừ:

(1) Bạc giấy của Đông Dương ngân hàng, được in thêm, lạm phát rất nhiều sau khi Nhật đảo chính Pháp. Trong kháng chiến ta vẫn còn dùng tạm loại giấy bạc này, đóng thêm con dấu của kinh tế tài chính để phân biệt với loại bạc xanh ở vùng địch tạm chiếm.



- Mày không ở coi xả thịt con kỳ đà à?

- Coi làm quái gì! Về ăn cơm, trưa nay còn đi rừng cho kịp.

Dì Tư Béo quay ra tìm tôi, mặt tiu nghỉu:

- An, cháu có quen ai trong này không?

- Làm chi vậy, dì?

- Hỏi mua giùm tao cái mật đi. Tao nói mãi mà họ không chịu bán!

- Như vậy là họ không bán đâu!

Bà chủ quán rượu thở ra một hơi dài nặng nề, chặc lưỡi tiếc mãi. Thảo nào ngày trước có lần lão Ba Ngụ bảo tôi: "Bà phê của mày lưng mật⁽¹⁾ đấy. Lúc nào cũng tìm mật tọng vào bụng. Bả là bà chúa nhát sợ tàu bay mà!".

Tôi hỏi thăm dì có khỏe không, lâu nay dì ở đâu... Nhưng bà ta chỉ ừ ào đáp qua loa. Thất vọng vì không mua được cái mật con kỳ đà hiếm có này đã làm rơi rụng hết mọi tươi vui của bà ta khi gặp lại tôi ban nãy.

- Bây giờ mày ở đây à? Có khá không? - Giọng xởi lởi của bà ta bỗng trở lại nhanh chóng, và trên gương mặt phì phì buồn thiu hé mở một nét cười. - Thôi đi với dì đi, An ạ! Ở với dì, cháu sẽ chẳng đến nỗi nào đâu...

- Cháu có ba má ở đây rồi! - Tôi cười cười đáp.

- Ủa, mày gặp ba má mày rồi sao?

(1) Mật kém, ý nói những người nhát gan.

- Gặp rồi!

Thằng Cò cũng cười theo tôi. Tôi chợt hiểu ngay vì sao lúc nãy nó cứ giục tôi đi về gấp.

Dì Tư Béo phàn nàn cuộc sống khó khăn, giặc giã đánh lung tung làm cho bà ta không ở yên nơi yên chỗ làm ăn buôn bán. Bà ta còn nấn ná đứng lại một chút nữa, đến khi biết chắc rằng không thể còn cái mặt con kỳ đà, bà ta mới chịu xuống thuyền chèo đi.

Lần gặp gỡ đầu tiên và buổi chia tay cuối cùng của tôi với dì Tư Béo đều bắt đầu bằng câu "ngã giá" của bà ta. Nhưng dầu sao cũng có lúc tôi đã chịu hàm ân bà ta trong những ngày đầu lưu lạc, nên lòng không khỏi có đôi chút ngậm ngùi.

Chúng tôi mua dầu lửa xong, lo muộn, bèn lội tắt qua rừng mà không về theo lối cũ.

Hai đứa xắn quần lên đến bẹn, vừa đi vừa kháo chuyện về con kỳ đà khủng khiếp. Bỗng dưng thằng Cò tắc lưỡi kêu lên:

- Phải chi hồi sáng mình dắt con Luốc theo, An nhỉ!

- Ồ!

- Mà liệu con Luốc có chống cự nổi với con kỳ đà ấy không?

- Biết đâu được!

- Sao lại biết đâu được? Cọp nó còn không sợ mà!

- Ồ!



- Tao chắc chỉ còn lại mỗi con này và nó đã bị đâm chết, chứ ở đây không còn con nào nữa đâu!

- Con gì cũng sống có đôi. Biết đâu lại không còn một con đang chờ mình trong này...

- Đừng có nói bậy!

Thằng Cò bỗng quát tôi, rồi nó vênh vênh bộ mặt làm ra vẻ cứng cỏi, vung vẩy chai dầu lửa trong tay, lội bươn tới trước đi một mình.

Rừng được mênh mông. Cây được mọc dài tăm tắp, cây nào cây nấy thẳng như cây nến khổng lồ. Rễ cao từ ba bốn thước tua tủa giương ra chung quanh như những cánh tay từ trong thân cây thò ra bám đất. Mặt đất lầy nhẵn thín, không một cọng cỏ mọc. Chỉ có vài chiếc lá rụng mà nước triều chưa lên kịp để cuốn đi, và bóng nắng chiếu xuyên qua những tầng lá dày xanh biếc, soi lỗ chỗ trên lượt bùn mượt mà vàng sóng li ti vết chân của những con dã tràng bé tẹo. Những buổi triều lên, nước chỉ ngập quá gối thôi, chúng tôi năm bảy đứa rủ nhau đi bắt vọp, bắt cua, trên đường về thường đuổi nhau chui qua những "cánh tay được", móc bùn ném nhau, té nước và reo hò âm ỉ - những lúc đang vui vẻ chung quanh có đông bạn bè ấy thì tôi có cảm giác như rừng được đang xôn xao từ dưới biển mọc lên. Những hôm nào đi một mình, chung quanh vắng lặng, nhìn làn nước đục ngầu xô nhau tràn qua cội

được xù xì, thì tôi lại thấy như khu rừng cứ lặng lẽ chìm dần xuống biển, và một nỗi lo sợ không đâu, bất thần ập tới, khiến đôi lúc tôi phải hét to lên tự trấn tĩnh và ba chân bốn cẳng hộc tốc chạy về hướng một ngôi lều nào đó, mà tôi biết là gần nhất.

Thằng Cò vẫn mãi miết ộp oạp lội bùn đi trước tôi. Giữa vắng lặng xanh nhờ của rừng được âm u, từng bước di động của chúng tôi môn một vọng vào tĩnh mịch. Tự nhiên, tôi ngoái nhìn ra phía sau lưng và dặng hắng một tiếng, gấp bước đuổi theo thằng Cò, nghĩ lan man rằng nguy hiểm xảy ra trong rừng hầu như bao giờ cũng đến với kẻ do dự, nhút nhát đi sau.

19

DU KÍCH TRONG RỪNG

Dòng sông Năm Căn hơn hai tháng trước còn ồn ã khua động tiếng mái chèo xuôi ngược, giờ đã trở nên lạnh ngắt, vắng teo. Thuyền bè rút mãi theo đường kênh rạch nhỏ, chạy sâu vào rừng cho dễ đánh du kích, tiêu hao sinh lực địch. Quán lều dờ đi theo, lùi vào tận trong



"dớn"⁽¹⁾. Lò than bỏ cho các loại dây rừng bò kín nóc. Cáo cây tha hồ dắt nhau làm tổ trong những đống củi gỗ đước cao như núi chất ngoài sân lò, mọc đầy nấm dại.

- Hừ! Thằng Tây mới đến Năm Căn hơn hai tháng thôi. Vậy mà gần chục mạng người đã hy sinh! Hai anh du kích diệt được khá nhiều Tây và lính ngụy vừa bị nó bắt và bắn chết, buộc xác phơi ở chỗ cây mắm gần bờ sông chiều hôm qua... Bà con trong chợ đến cướp xác hai anh em về chôn, bị nó bắt đánh một trận gần chết, bữa nay còn giam trong đồn! - Ông già thợ đồn củi nói đến đây ngấp ngừng củi xuống cời lại đống hun. Khói cay nồng, đặc sệt từ đống hun ngùn ngụt bốc lên, tỏa trắng khắp gian lều. Bầu không khí ẩm ướt trong ngôi lều của chúng tôi như quánh lại, ngọt ngọt đến tức thở. Ông lại ngẩng nhìn tía nuôi tôi, nói tiếp - Như vậy là hết đất rồi. Chỗ nào cũng có thằng giặc. Chí như cái Hòn Khoai ngoài biển kia mà nó còn mò tới đóng đồn! Vậy thì mình cũng phải làm thế nào chứ, anh Hai?

Tía nuôi tôi cứ gật gù im lặng ngôi nghe. Khi ông già đồn củi ngừng nói, với tay rút một dúm thuốc trong cái ống bơ nhồi vào tẩu, tía nuôi tôi bèn cầm chai rót thêm rượu vào bát:

- Uống đi, ông bạn!

(1) Loại dây leo rất chắc, rễ giữ đất ẩm, chứa nước ngọt lúc trời mưa. Vùng rừng nước mặn, nói "dớn" là chỉ nơi có nước ngọt, thường ở tít sâu giữa rừng.

- Trời ơi bộ anh Hai muốn tôi “mượn tửu binh giải phá thành sầu” à? - Ông già nhếch nụ cười móm mém, đưa tay đỡ bát rượu.

- Chẳng qua đó là cái thói tật không bỏ được của anh em bọn mình đấy thôi! Chỉ có chúng ta mới giải phá được thành sầu này, chứ cái thứ tửu binh... thì nó chỉ quật cho mình say mềm, nằm đó đợi giấc đến trời cổ dất về đồn thôi!

Đôi bạn già ngồi xếp bằng trên một tấm đăng trải giữa nhà cùng cười lên mấy tiếng và chuyển bát rượu cho nhau mỗi người tợp một ngụm. Tiếng cười khàn khạch gượng gạo của ông già đồn củi có lẽ cũng làm lây đôi chút buồn sang cho tía nuôi tôi. Cả hai người cùng ngồi im lặng, đưa mắt ngó ra ngoài. Ánh nắng trời chiều xuyên qua những tầng lá được rậm rạp, chiếu xuống mặt đất lầy ngoài bờ bên kia con rạch nhỏ một màu xanh tái tái. Gió từ biển khơi thổi tới, hun hút lùa qua những vòm lá được tối om, thốc mạnh vào lều làm cho mái lá rung lên và ngọn lửa cháy lép lép trong đồng củi hun bỗng phụt sáng đỏ ngòm...

Cứ vài hôm lại có một ông khách tạt vào lều uống vài chén rượu với tía nuôi tôi. Có người tôi quen, có người tôi chỉ biết mặt chứ không biết rõ tên. Đôi khi cũng có vài người lạ mà tôi đoán chừng bị giặc cản chạy tới đây. Những lần đầu, tôi còn thường la cà bên tía nuôi tôi, lắng nghe câu chuyện giữa những ông già trao đổi với nhau qua chén rượu sông, nhưng mãi rồi tôi



cũng không chú ý nữa. Quanh đi quẩn lại, vẫn là chuyện bọn giặc ruộng bố, cần quét. Họ rất căm thù bọn giặc ở đồn Năm Căn, nhưng nghe cái giọng rượu lè nhè của họ, tôi biết rằng họ chỉ mượn rượu để nói ra cho hả một lúc vậy thôi. Thậm chí có một ông nom còn trẻ tráng, gọi tía tía nuôi tôi là bác, mà cũng thở ra cái giọng bạc nhược của những lão già cổ hủ, một hai tin rằng sự xuất hiện con kỳ đà kinh khủng nơi đồng mả mấy tháng trước là điềm trời giáng tai họa cho dân xứ này.

Sau những bữa rượu như vậy, tiền khách đi rồi, tía nuôi tôi thường đứng rất lâu một mình ngoài bờ cỏ. Ông lắng nghe tiếng ca-nô giặc chạy tận ngoài sông Cửa Lớn, hay nghĩ gì về những câu chuyện của các ông bạn già thì không rõ, nhưng tôi thường thấy ông khoát khoát tay làm những cử chỉ bực tức khó chịu. Mỗi ngày tía nuôi tôi lại một thêm lăm lì, ít nói. Có khi ông ngồi lặng lẽ hàng giờ bên đống củi hun, như một gốc cây khô giữa rừng, đến nỗi tôi và thằng Cò đứa nào cũng len lét không dám đi mạnh chân.

Ông thường bỏ nhà đi luôn. Chẳng rõ đi đâu. Nhiều lúc đi hai ba hôm mới về. Má nuôi tôi rất lo. Cơ sự này thì ông lão đến quẩn chí mất. Nhưng mỗi lần tía nuôi tôi trở về, tôi lại thấy ông tỉnh táo và vui vẻ hơn trước. Có khi ông còn cầm về cho tôi và thằng Cò một vài thứ quả lạ, màu đỏ óng, có những chấm li ti xam xám rất

đẹp mà ông bảo là chỉ để cầm chơi chứ không ăn được. Chà, có thứ quả rừng nào mọc ngoài bờ sông và trong những khu rừng chung quanh đây lại có thể lọt khỏi con mắt của tôi và thằng Cò? Thế mà cả hai đứa chúng tôi đều chưa hề trông thấy những thứ quả tía nuôi tôi cầm về.

- Tía lấy quả này ở đâu vậy, tía?

- Ngoài xóm kia thôi...

- Xóm nào vậy tía?

- Xóm ngoài chứ xóm nào. Con sao cứ lục vấn mãi...

Tôi lặng im không hỏi nữa. Thằng Cò tưởng ông mệt mà tôi cứ đeo hỏi mãi làm ông bực, nó bèn lôi tôi đi bắt mỗi câu cá. Ở nhà được vài hôm, tía nuôi tôi lại sắm sửa đi. Ông soạn mấy bao diêm, một cái xoong nhôm và hơn chục lít gạo bỏ trong bao cà-roòng. Điều đó càng khêu gợi thêm sự tò mò trong tôi bấy nay một cách mãnh liệt, khiến tôi không nén được ý định: phải dò xem tía nuôi tôi đi đâu và làm gì?

Cũng như mấy bận vừa rồi, tía nuôi tôi lấy xích buộc con Luốc vào chân cột cần thận, rồi sai bảo tôi và thằng Cò đi làm một công việc gì đó, hoặc chờ đúng lúc chúng tôi vắng mặt, ông mới đi.

Tía nuôi tôi đã sắm sửa xong rồi. Chẳng đợi ông bảo, tôi cầm con dao bước ra cửa, còn quay lại nói vọng vào bếp:

- Má ơi, con ra ngoài bờ sông chẻ một mớ lạt dừa nghe má!



Tía nuôi tôi "ừ" đáp thay cho má nuôi tôi, ông còn cười cười nhìn tôi bằng cặp mắt khuyến khích. Tôi cầm dao men theo bờ rạch, đi tới một chỗ ngoặt bèn chui ngay vào núp trong một bụi sậy um tùm. Từ nơi trú ẩn này, tôi có thể nhìn rõ mọi hướng chung quanh. Ngồi chưa yên chỗ, tôi đã nhìn thấy tía nuôi tôi quảy bao cà-roòng lên vai lưng thưng bước ra sân. Ông còn đứng giữa sân giữ chiếc khăn rằn bịt lên đầu, quay qua quay lại chung quanh rồi mới lần ra bờ rạch. Tôi nén thở, cúi thấp đầu xuống gối, không dám động cựa. Lâu lắm mà không thấy ông đi qua chỗ tôi. Như thế này thì dứt khoát là tía nuôi tôi đi vào hướng rừng trong kia rồi. Tôi nháy ra khỏi bụi, chạy về. Chưa vào tới cửa, tôi đã gọi giật giọng:

- Má ơi, tía con đâu? Ông đi rồi hở má?

Má nuôi tôi bước ra, "ừ" một tiếng:

- Mà hỏi ổng việc gì? Sao hỏi ổng còn ở nhà mà không hỏi, để cho ổng đi rồi mới chạy tìm cuống lên vậy?

- Tía có nói đi đâu không, má?

- Không, mà còn lạ gì tính của tía mà nữa. ổng đã không muốn nói thì hỏi ổng làm gì, hở con?

Má nuôi tôi nói giọng buồn buồn, có hơi giận dỗi. Tôi chạy vào mở xích thả con Luốc ra sân. Rồi tôi bước đến, cầm tay má nuôi tôi:

- Con đi theo tía đây. Theo coi tía đi đâu.

- Ông đập mày chết đấy. Ông đi đâu mặc ông, theo làm gì? Đến như tao mà ông còn giấu, không nói thay...

- Đúng rồi! Như vậy là đúng rồi. Con đã biết đúng là tía con đi đâu rồi!

- Ông đi đâu?

Tôi ghé vào tai má nuôi tôi, thấp giọng:

- Ông đi vô chơi với mấy anh du kích trong rừng! Má không thấy tía con mang theo nào diêm, nào gạo, cả cái nồi nữa đấy sao?

Má nuôi tôi lùi lại một bước, tròn xoe mắt nhìn tôi:

- Ai nói với mày vậy?

- Con đoán vậy thì biết chờ đợi gì phải nghe ai nói!

- Ồ, mày nói không chừng phải đấy. Tao cũng nghĩ mang máng như vậy. Từ hôm ông nhặt cái quả gì ở đâu về cho chúng mày đấy. Bà Tám ngoài xóm có bảo nhỏ với tao rằng: nghe đâu anh em bộ đội đang mình còn ẩn trong rừng. Bả còn nói họ rách lăm. Nghe vậy thì để bụng thôi, đừng có hở ra cho ai nghe con!

- Má còn phải dặn! Thôi, để con vào gọi thằng Cò dậy đi với con.

Má nuôi tôi nắm tay tôi, lôi lại:

- Không được! Không được đâu. Con đi một mình thôi. Có con Luốc theo con là đủ rồi. Cái miệng thằng Cò hay bép xép lăm!



Má nuôi tôi vội vã quay vào, soạn trong rổ may lấy một ống kim khâu và mấy cuộn chỉ, gói vào mảnh giấy nhật trình cũ, nhét vào túi áo tôi:

- Nhà nghèo chẳng có gì... Con vào gặp các anh, nói là của má gửi biếu... Đi cẩn thận nghe con.

Tôi gật đầu, huyết sáo một tiếng. Con Luốc nhảy phóc theo chân tôi, chạy dọc theo bờ rạch ăn sâu vào rừng. Cứ men theo dấu chân tía nuôi tôi, tôi vừa đi vừa dắt con Luốc chạy ộp ộp trên bờ đất sinh lút ngang ống chân. Đi bộ hai ngàn thước thì mất dấu. Ở đây, hãy còn có nhiều vết chân của những người lội vào rừng bắt cua, bắt vọp. Những vết cũ lội từ trên bờ xuống rạch đã được phủ một lượt phù sa mỏng khi triều xuống rất dễ phân biệt với dấu chân mới của tía nuôi tôi. Tôi lội ngay xuống rạch, ngược dòng nước gợn bùn vẩn đục ngẫu từ trong rừng chảy ra, mãi miết bươn. Con Luốc cứ kêu ư... ử... trong cổ, dường như muốn gọi tôi lên mà mãi không thấy tôi lên, nó bèn co giò phóng tùm xuống nước, lội xộn xộn sát theo tôi. Càng đi sâu vào rừng, lòng rạch càng hẹp lại. Nhiều quang bị cành lá rậm rạp trên cây che phủ, bóng nắng không lọt xuống tới, khiến cho dòng nước tối om om, trông rất dễ sợ. Tôi vẫn mãi miết đi tới. Chừng nửa giờ sau thì thấy mất những gợn nước vẩn bùn, mà trông hai bên bờ lại chẳng có một vết chân nào lội lên.

Nhìn những cánh tay được từ trên bờ tua tua thò xuống lòng rạch, tôi nghĩ có lẽ tía nuôi tôi đã lợi dụng những cái rễ to lớn này làm cầu trèo lên cây, đi lên bờ rồi. Quả nhiên con Luốc vẩy đuôi lia lịa, làm bùn và nước bắn tung tóe vào mặt tôi. Lập tức tôi bám theo cái rễ ấy, trèo ngay lên cây. Nhìn xuống phía dưới chân, chỉ thấy những cọng rễ được xám ngắt chung quanh tua tua cắm xuống mặt bùn phẳng lì. Con Luốc cứ đứng dưới gốc cây ngửa cổ lên chực sủa. Tôi phải suýt suýt luôn mồm, nó mới chịu im. Không lẽ tía nuôi tôi đến đây biến thành chim bay mất hay sao? Mà lại không có vết chân thụt xuống chung quanh gốc. Vậy thì dứt khoát là ông đã lần theo những cái rễ được to lớn, xô rễ vào nhau này mà lần đi trên cao thôi. Sau khi đã đoán vậy, tôi bèn đưa mắt quan sát từng cái rễ một, và chỉ một chốc sau, khi đã tìm thấy một cái rễ có lớp da bên ngoài bị đập tróc xước những mảnh vỏ con con để lộ ra một vết xanh còn mới, thế là tôi đã nắm được đầu mối con đường bí mật đã đưa tía nuôi tôi đi về hướng nào rồi.

Trên khoảng tầm cao quá đầu người, tôi như con vượn, cứ dò theo dấu vỏ rễ xước, chuyển từ cây này sang cây khác đi tới mãi. Con Luốc trung thành vẫn bám theo sát phía dưới chân tôi. Chiều ở rừng bao giờ cũng xuống rất mau, chẳng mấy chốc mà trời đã gần tối. Vết vỏ cây tróc dần đường còn tìm thấy lơ mờ được một



lúc, rồi sau đó tôi không còn nhìn ra được một dấu nào nữa. Ngồi trên một cái rễ cao, tựa người vào thân cây, ngơ ngẩn nhìn ra màu xanh trùng điệp quanh mình đang chìm dần vào bóng tối, tôi cảm thấy tay chân mình bủn rủn nhấc không muốn nổi.

Một con chim hồng hoàng to như con ngỗng, sắc lông đen, vỗ cánh phành phạch bay vút qua bên trên đầu tôi. Chiếc mỏ cong to tướng và những rìa lông màu trắng ở chót cánh mất hút trong bóng tối lơ mờ. Tiếng "các các" kêu vang rừng của con chim to tướng tan dần trong menh mang vắng lặng, khiến tôi nhớ tới con kỳ đà kinh khủng đã đào mộ người chết nơi đồng mả.

Tôi phải tự động viên mình luôn và chặt vật lăm mới trèo lên tận ngọn một cây được cao. Nguồn hy vọng tìm thấy vết khói bốc ở một nơi nào đó giờ đây hoàn toàn tan rã trong tôi. Mặt trời đã xuống khuất mất rồi. Và bây giờ màn đêm đã bao trùm mỗi lúc một dày đặc trên những ngọn cây. "Trời tối thì tối chứ sợ gì? Mình sẽ dễ dàng nhận ra ngọn lửa của họ. Có ai ở giữa rừng đâu mà lo". Nghĩ như vậy, tôi lại phấn khởi mừng thầm. Nguồn hy vọng mới làm tôi phấn chấn trở lại rất mau. Tôi kiên nhẫn ngồi trên một nhánh cây, phóng tầm mắt nhìn xuyên qua màn đêm, mặc kệ cho đàn muỗi đói vo ve kêu dậy bên tai và không ngớt đập vào đốt khắp mặt mũi chân tay. Tôi không biết

mình ngồi như vậy đã bao lâu. Nhiều lúc tôi có cảm giác như mắt mình bị mù, vì nhìn vào màu đen lâu quá. Con Luốc cũng kiên nhẫn đứng dưới gốc cây chờ tôi, thỉnh thoảng lại hực lên một tiếng. Không biết là nó muốn báo cho tôi rằng nó hãy còn đứng đấy, hay nó dọa một con chồn con cáo nào mon men tới gần.

Gió bắt đầu nổi lên. Rừng đêm khua xào xạc. Mùi bùn lạnh và mùi rêu đóng trên vỏ cây nhát nhát móc móc xộc đầy vào mũi tôi. Giữa lúc không còn trông cây vào tai, vào mắt mình nữa thì khứu giác lại báo ngay cho tôi biết rằng tôi đã đi đến gần một chỗ có người. Trong những luồng gió từ màn đêm thăm thẳm thổi tới, lâu lâu tôi lại ngửi thấy có mùi khói và mùi cá kho khô cháy nôi... Bấy giờ, tôi mới nhớ ra là mình chưa có gì cho vào bụng, và bắt đầu thấy đói cồn cào. Tôi tụt ngay xuống gốc cây, đập trúng lên lưng con Luốc. Lăn theo mùi cá kho cháy, tôi dắt con Luốc càn rừng đi tới. Nói cho đúng, thì chính con Luốc dắt tôi đi. Nhiều lúc tôi loạng choạng vấp vào những rễ cây, ngã sóng soài vào bùn, con Luốc đã nhanh nhẹn cắn áo tôi lôi dậy và nó luôn luôn đi trước chân tôi chừng một bước.

Tôi và con Luốc mò mẫm dắt nhau lội đi từng bước như vậy rất lâu. Kia rồi! Ánh lửa tôi đang tìm bỗng hiện ra thấp thoáng sau những thân cây, như một vầng mặt trời nhỏ từ dưới mọc lên. Tôi phải túm chặt chòm lông gáy trên



cỏ con Luốc, giữ nó lại và khê suýt mấy tiếng, không thì nó sủa văng lên và bỏ tôi chạy vụt tới đấy ngay. Tim tôi đập rộn lên. Ánh lửa mỗi lúc một gần. Đã trông thấy rõ hình một cái bếp cháy trong gian chòi nhỏ, dưới một gốc cây rậm. Bùn ngập ngang ống chân tôi cứ tụt xuống dần. Bàn chân tôi giẫm lần lần lên mặt đất rắn hơn và đạp phải một bụi cỏ. Bỗng nhiên, con Luốc vùng ra khỏi tay tôi và chồm lên sủa oang oang. Đồng thời một tiếng quát: "Ai?" vang lên rùng rợn trong tối, rất gần; tiếng lên cò súng đánh rộp và tiếng quát liền theo, nghe càng dữ dội hơn trước: "Đứng lại! Ai? Đứng lại!".

- Đằng mình! Người đằng mình! - Tôi cuống quýt kêu lên. Rồi tôi tuôn một hơi: - Tôi là thằng An, con ông Hai ngoài xóm Lá. Tôi đi vô tìm tía tôi!

Tiếng chân nhiều người chạy thành thịch thịch trên gò đất. Luồng ánh sáng từ một chiếc đèn pin chiếu thẳng vào mặt tôi khiến tôi bị lóa mắt, phải quay nghiêng mặt tránh ra một bên.

- Còn có đi với ai không? - Tiếng một người nào từ trong tối, sau một gốc cây hỏi vọng ra.

Tôi chưa kịp đáp, bỗng nghe tía nuôi tôi kêu "Trời!" một tiếng. Hình như ông đang nói với người cầm chiếc đèn pin chiếu vào tôi. Ông nói: "Đúng nó là con tôi. Nó mò theo tôi đấy. Thật là hết chỗ nói cho thằng bé này!".

- Thôi, vào đây chú em! - Người đàn ông vừa nói vừa hạ luồng sáng thấp xuống ngọn cỏ, cho tôi thấy lối đi vào.

Tiếng người vừa nói đó, sao nghe quen quen. Hình như tôi đã có gặp người đó và nghe cái giọng nói ấy ở đâu một lần rồi thì phải? Tía nuôi tôi cầm khúc đèn chai bước ra đón, cốc vào đầu tôi một cái đau điếng.

- Ai bảo mày lộn vô đây? Rồi tao bảo cho má mày biết để bà dẫn cho mày một trận. Thôi, bước xuống cái vũng bên phía bên trái ấy, rửa mình ngay đi. Y như thằng mò bùn bắt cá cạn.

Tôi cởi quần áo giặt giũ qua loa rồi máng lên nhánh đước, tắm vội tắm vàng một chốc là xong ngay. Con Luốc cũng nhảy phốc xuống vũng nước, bì bõm sán vào bên tôi, đòi tôi cọ bùn tắm cho nó. Một anh đứng bên mé vũng nước với tía nuôi tôi, giọng nói còn trẻ lắm, hỏi tía tôi bằng lối nào mà để tôi dò theo vào được. Tía nuôi tôi không đáp, chỉ lắc đầu nói:

- Thật là hết biết! Tôi cũng chịu thằng bé này!

Anh đứng bên mé vũng nước trao cho tôi một bộ quần áo, bảo tôi mặc tạm cho ấm, chứ nó "không được vừa và đẹp cho lắm đâu"...

Tôi như bơi trong bộ quần áo rộng thùng thình, dày cộp vì muối nhiều nước mặn và vá không biết bao nhiêu là mụn vảy.

Khi tôi bước vào lều của những người du kích, người đầu tiên tôi nhận ra ngay là thấy



giáo Bảy, kể đó là ông già đốn củi. Còn người cầm chiếc đèn pin, mặc bộ quần áo bà ba rách nhiều chỗ, mặt xương xương, râu mọc tua tủa xung quanh cằm vì lâu ngày không cạo, đang ngồi trên bộ vật lót bằng cọng sống lá kia thì tôi trông quen lắm. Tôi đã gặp ông ấy ở đâu một lần rồi. Chắc chắn là tôi không nhầm, từ khi nghe tiếng nói nhanh nhẩu của ông ban nãy. Trong thoáng chốc, có rất nhiều gương mặt quen quen hiện nhanh ra trong đầu óc tôi. Vừa ở ngã ba sông này có một gương mặt người dân quân tự vệ hiện ra cười với tôi, thì trong ngôi miếu tận một nơi xa kia, gương mặt những người thương binh lặng lẽ cúi xuống nhìn tôi chột hiện lên và biến đi. Một bộ mặt xương toét miệng cười bỗng hiện ra giữa quán rượu dì Tư Bé. Cái bóng người cao lêu nghêu, mặc bộ quần phục màu rêu, thắt lưng da rộng bản, khẩu súng pọc hoọc đeo trễ bên đùi... Đúng là ông ấy rồi! Tôi vụt kêu lên:

- Chú Huỳnh Tấn!

Người ấy buông chiếc đèn pin ra, nhồm lên, nhảy xuống khỏi bộ vật, đứng sững nhìn vào mắt tôi. Tất cả những người chung quanh đều trở mắt ngạc nhiên. Ông ta nghiêng đầu nheo mắt:

- Trời ơi! Chú em này sao lại biết mà lại gọi đúng tên cúng cơm của mỡ vậy kia?

- Đêm đó, chú đi với anh Sáu tuyên truyền ghé quán di Tư Béo, chú có gặp anh phân đội trưởng... Cháu làm hầu bàn ở đó mà!

Cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa tôi và người chỉ huy du kích đã làm tiêu tan bầu không khí im lặng trong ngôi lều khi tôi mới bước vào...

Các anh du kích bỏ củi vào đồng hun quạt lên, bảo tôi ngồi xuống hong cho ấm. Tôi vừa ngồi xuống một khúc gỗ, chưa kịp sọc hai bàn tay móp cồng ra hong trên lửa thì đã có anh bung vào cho tôi một tô cơm kèm hai khúc cá kho khô và một đôi dưa. Đúng là mùi cá kho cháy nôi mà tôi đã bắt gặp lúc nãy đây! Tôi chẳng khách sáo gì cả, cũng chẳng kịp nói hai tiếng "cám ơn" cho phải phép, đỡ ngay lấy tô cơm, và ngốn và ngấu gắp như không kịp nhai. Con Luốc cũng có phần một miếng cháy, ve vẩy đuôi ngồi nhá tóp tép bên đồng hun cạnh tôi.

Qua làn khói củi hun bọt mắt tỏa trắng, tôi biết có những đôi mắt cười nheo nheo trong ánh lửa của những người du kích ngồi tựa lưng vào vách đang nhìn tôi. "Cà, gói giấy nhật trình của má gói đã ướt sũng cả rồi... lúc nãy mình dại quá. Sao không dám cầm vào đây mà hong cho khô, cứ giấu nó trong cái túi áo ướt". Tôi và nốt miếng cơm trong tô, rồi đứng dậy cầm tô đi ra rửa ngoài vũng nước. Lúc vào, tôi không quên cầm vào gói quà của má nuôi gỏi cho anh du kích:



- Cái này... là cái má tôi gửi cho các chú, các anh đấy! - Nói xong, tôi mở năm đầu ngón tay xòe đưa gói giấy ướt sũng ra, trao cho chú Huỳnh Tấn.

Tía nuôi tôi đang đứng xem một anh du kích lau khẩu súng trường ở góc lều, vội ngẩng lên:

- Hóa ra má mày bảo mày vô đây à? - Rồi tía nuôi tôi dang cánh tay ra, nói như phân bua. - Lạ quá! Tôi có hề nói với bà lần nào đâu? Sao mà hai mẹ con bà thính đến vậy!

Chú Huỳnh Tấn không cần biết có lời phân trần của tía nuôi tôi. Chú cứ thận trọng bóc từng mảnh giấy ướt nhàu ra, cầm nắm chỉ và ống kim giờ lên:

- Quà của chúng ta đây rồi!

Tiếng cười vui vẻ của nhiều người dậy lên. Chú Huỳnh Tấn quay sang bảo tía nuôi tôi:

- Bà già tâm lý lắm! Biết anh em rách, gửi cho ngay cái thứ mình cần mới thích chứ!

Thầy giáo Bảy ngồi cầm cái cuống quai dứa nước đã đập tươi dùng làm phất trần xua muỗi quơ qua quơ lại, mỉm cười nói thông thả:

- Đồng bào đều biết chúng ta ở đây mà anh em chúng ta có người nào hở môi chỉ chỗ cho họ biết đâu! Như vậy thì khu rừng này đâu có thể chắc chắn bảo đảm che giấu được những cái lều này...

Chú Huỳnh Tấn nhướn mắt cười hi... hi...

- Che mắt địch thôi! Chúng ta làm sao che giấu được với đồng bào!

- Anh nói có lý! - Thầy giáo Bảy gật gù tiếp. - Mọi người đều biết hoặc có thể biết có du kích ở đây, nhưng bọn địch thì hoàn toàn không hay biết... Như vậy thì... chỉ có rừng nhân dân mới bảo đảm che giấu được mọi hoạt động của chúng ta thôi!

Nhiều tiếng cười tán thưởng từ chỗ góc lều tối vọng ra:

- Đồng chí Bảy nói nghe sâu sắc lắm!

Thầy giáo Bảy sửa giọng nghiêm trang, nói:

- Không phải là ý kiến của tôi đâu. Vừa rồi được đồng chí Hoài dắt vào gặp anh Tư Thượng Vũ⁽¹⁾, tôi đã nghe anh Tư bảo như thế đấy!

Một anh nào đó đang đi qua đi lại ngoài sân, hát se se giọng trầm buồn: *"Thần dân nghe chẳng... sơn hà nguy biến! Hận thù đảng đảng... biên thù rung chuyển..."*. Tiếng hát nhỏ dần, tắt mất trong bóng đêm. Rồi một lúc sau, cái giọng trầm buồn ban nãy bỗng bật lên sang sảng: "Trước nhục nước nên hòa hay nên chiến?"⁽²⁾.

Ông già đốn củi nói tướng lên, cắt ngang:

- "Chiến" chứ "hòa" là hòa làm sao? Đất của mình nó tới nó đánh chiếm, mà còn vớ vẩn hỏi

(1) Đồng chí duy nhất trong xứ ủy Nam Bộ còn ở lại bám cơ sở giữ điện đài liên lạc với Trung ương sau khi Nam Bộ hoàn toàn bị giặc Pháp chiếm đóng.

(2) Bài hát "Hội nghị Diên Hồng" của Lưu Hữu Phước.

"chiến" hay "hòa"! Còn người nào, đánh người ấy. Tới người cuối cùng cũng đánh mà!

Tôi cúi xuống nhìn vào ngọn lửa cháy rực trong đồng củi. Nhưng tôi biết rõ là ông già đốn củi đang rướn người lên đằng sau các anh du kích, và ông đang vùng tay, xúc động đến rung rung cả chòm râu. Giọng sôi nổi đầy nhiệt tình vừa thốt ra của ông làm tôi không muốn nhớ tới tiếng cười khàn khạch đầy gượng gạo của ông và cái dáng người còm côi, râu rĩ cầm bát rượu thở dài nơi nhà chúng tôi chiều nọ.

20

LÊN ĐƯỜNG CHIẾN ĐẤU

"Nam Bộ là máu của Việt Nam, là thịt của thịt Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, nhưng chân lý ấy vẫn không bao giờ thay đổi!". Hồ Chủ tịch đã trịnh trọng tuyên bố trước năm châu thế giới những lời danh thép ấy. Mà đó cũng là tình cảm của đồng bào Nam Bộ chúng ta.

Thầy giáo Bảy nói đến đây bỗng dừng lại chớp chớp mi mắt ngược nhìn lên lá cờ.

Chung quanh im phăng phắc. Trong sự im lặng có thể nghe rõ cả tiếng đập trong tim

người bên cạnh ấy, bất thành linh tiếng nức nở của một người đàn bà nào đó bỗng bật ra. Giọng nghẹn ngào cố nén trong cổ họng không thoát ra thành tiếng được nữa cứ ăm ục bên trong lồng ngực. Mấy bà cụ già cạnh như bị lây theo, sụt sịt mũi và nép sau lưng người khác, đưa ống tay áo lên quệt nước mắt. Ngọn cờ đỏ sao vàng đã bạc, cháy lém ở một chéo góc và rách thủng lỗ chỗ vì vết đạn, rung rung phập phồng trong ánh lửa.

Anh chiến sĩ vạm vỡ nhất được chọn trong đơn vị đứng thẳng người, hai bàn tay to lớn cầm chặt cán cờ, gương lá quốc kỳ nghiêng về phía trước. Tôi đứng một bên, một cậu cũng trạc tuổi tôi đứng một bên. Hai chú liên lạc mới sung vào đơn vị đều cao chưa tới vai anh du kích cầm cờ đứng giữa. Sau lưng chúng tôi, các anh lớn dàn đội hình trung đội hàng ngang, hướng mặt theo lá cờ. Đồng bào đến dự buổi lễ tuyên thệ của trung đội du kích địa phương đứng thành một vòng bán nguyệt, trên bãi cỏ rộng giữa một khu rừng gần bờ sông. Tía nuôi tôi và một số người có con em trong hàng được xếp đứng ở một chỗ danh dự: cạnh một đống lửa đốt giữa sân, bên chiếc bàn thờ Tổ quốc kết bằng những bông hoa rừng đỏ, giữa đặt khung ảnh Hồ Chủ tịch... Buổi lễ bắt đầu từ chập tối. Sau khi chào cờ, hát quốc ca, đồng chí ủy viên quân sự huyện Cà Mau thay mặt huyện ủy nói về sự quan trọng cấp bách phải thành lập trung đội du kích địa phương, rồi đại biểu các



đoàn thể nhân dân đứng ra phát biểu ý kiến xong, thầy giáo Bảy nhân danh là người trong ban đỡ đầu du kích của xã đứng ra có mấy lời chung với anh em trong đơn vị và đồng bào.

Thầy nói về tội ác của thực dân xâm lược Pháp, cụ thể là bọn giặc chiếm đóng Năm Căn đã giết chóc, bắt bớ và gây nên bao nhiêu tai họa cho đồng bào... Giọng rõ ràng, khúc chiết, thầy nói đến đâu dẫn ra sự việc chứng minh đến đấy. Vì sao ta phải kháng chiến chống Pháp? Lực lượng quân đội chúng mạnh hơn ta, nhưng ta nhất định đánh thắng chúng. Vì sao? Sự có mặt và hoạt động của anh em du kích trong xã này là một cái tát vả vào mặt tên tướng Lơ-cờ-lét⁽¹⁾ huênh hoang khoác lác... Thầy nói không vội vàng hấp tấp, không la ó gào thét; đó là thái độ trầm tĩnh và cương nghị của người tự tin vào lời mình nói, tin ở sự tất thắng của chính nghĩa. Nhờ vậy mà thầy đã hoàn toàn thuyết phục tất cả quần chúng đứng nghe. Thầy nói về mưu mô thâm độc của đế quốc Pháp: chúng đã phản bội hiệp định sơ bộ tháng 6 tháng 3, phản bội tạm ước tháng 9, đã nổ súng bắn vào quân đội ta ở Bắc Bộ như thế nào; thầy nói về bọn tay sai thành lập Nam Kỳ tự trị, chủ trương thuyết phân ly, đã thất bại thảm hại như thế nào và giờ đây chúng đang khua chiêng gióng trống rùm beng, bày trò độc lập thống nhất giả hiệu như thế nào... Bao

(1) *Tướng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp đã từng tuyên bố: chỉ bình định Nam Bộ trong vòng sáu tháng.*

nhiều người chết, nhà cháy, bao nhiêu xương
 máu đồng bào ta đã đổ ra! Quyết không thể để
 bọn chúng đặt lại ách thống trị lên đầu lên cổ
 dân tộc ta một lần nữa... Ngọn lửa căm thù
 trong lòng người nghe được lần lần khơi dậy,
 mỗi lúc một thêm bùng cháy mãnh liệt. Nhiều
 lúc tiếng vỗ tay, tiếng hò hét, tiếng nguyên rủa
 bọn giặc Pháp và tay sai cứ vang lên rất lâu.
 Nhưng khi thấy nói về tấm lòng Hồ Chủ tịch,
 tấm lòng nhân dân miền Bắc hàng ngày hướng
 về Nam Bộ, thì bầu không khí chung quanh
 bỗng trở nên nghiêm trang lạ lùng. Ánh lửa soi
 sáng một vùng sân cỏ rộng. Cả trung đội du
 kích chúng tôi đứng nghiêm dưới cờ, hướng về
 chân dung Hồ Chủ tịch, và đồng bào cũng đứng
 thẳng người, tất cả như nín thở hướng về Cha
 già dân tộc kính yêu. Tiếng nức nở bật lên đột
 ngột vừa rồi đã làm cho bầu không khí thiêng
 liêng lập tức bị xáo động.

Tôi đứng nghiêm, nén thở nghe tim đập rộn
 rã trong lồng ngực bé nhỏ của mình đang ưỡn
 tới. Tất cả chung quanh tôi như chìm vào trong
 ánh sáng đỏ của ngọn lửa cháy rừng rực. Chỉ
 còn nghe tiếng củi nổ lép bép, và xa lắm tiếng
 sóng trùng dương dào dạt xô bờ vọng qua
 những khu rừng rậm. Dòng sông Cửa Lớn ầm
 ầm cuộn sóng và rừng đêm như cửa mình
 nhồm dậy khi nghe tiếng nức nở bật lên. Không
 biết có phải là hồn dân tộc đang hiện về trong
 lá cờ ám khói lửa đạn chiến trường và trong đôi
 mắt Bác Hồ đăm đăm nhìn đàn con đang tập



hộp trên mảnh đất xa xôi cuối cùng của Tổ quốc đây chăng? Tôi đưa cánh tay lên chùi nước mắt, hình ảnh đồng bào hướng về lá quốc kỳ và bức chân dung Hồ Chủ tịch lòe nhòa trước mắt tôi. Những giọt lệ tủi thân đôi chút, nhưng xiết bao ấm áp sướng vui của đàn con khi gặp lại Mẹ yêu với vợ cách xa, làm cho những bóng người vây quanh ngọn lửa như bé lại, mềm đi trong giây phút và sau đó tức khắc vụt cao lớn lên và cứng rắn hẳn ra.

Giữa lúc mọi người đang đứng trầm ngâm yên lặng, bỗng tía nuôi tôi dặng háng một tiếng lớn. Tôi khẽ liếc mắt nhìn ông. Bàn tay tía nuôi tôi đang run run vuốt lại nếp áo, và đôi mắt ông cũng vừa liếc nhìn sang tôi. Vụt một cái, ông đã bước ra giữa sân cỏ. Ai nấy đều ngạc nhiên, hướng mắt nhìn theo tía nuôi tôi. Ông như không biết có mọi người chung quanh, đường hoàng bước đến trước bàn thờ Tổ quốc đứng nghiêm người, chắp tay cúi đầu xá ba xá. Ông lại dặng háng một tiếng lớn, ngược lên nói to:

- Kính thưa ban chỉ huy cùng tất cả bà con đồng bào! Tôi là Nguyễn Văn Hai, năm nay sáu mươi một tuổi... tuy quê mùa dốt nát, nhưng cũng mạo muội xin phép được tỏ bày chút ý kiến mọn...

"Trời ơi, ông già mình làm gì vậy kia?" Tôi cảm thấy hơi bức mình và lo lắng nhìn theo tía nuôi tôi... Ông ủy viên quân sự thay mặt huyện ủy đến dự lễ tuyên thệ, các ông ủy ban xã và thầy giáo Bảy đều sửa bộ nghiêm trang, cùng

quay về phía tía nuôi tôi. Còn chú Huỳnh Tấn, trung đội trưởng chỉ huy đơn vị đang đứng bên đội hình trung đội dàn ngang, cũng giật mình vội vã chạy ra đứng nghiêm trước mặt tía nuôi tôi.

- Cháu Nguyễn Văn An năm nay mười lăm tuổi, được vinh dự đứng dưới cờ hôm nay... Tuy nó là con nuôi tôi... - Tía nuôi tôi vừa nói vừa ngập ngừng đưa tay trở vào tôi.

"Trời đất quỷ thần ơi, ông già mình hồi chiều đưa mình đến đơn vị, ông có uống chén rượu nào đâu! Ông ngẫu hứng kiểu gì lạ vậy? Có ai tra khảo đâu mà ông khai ra những chuyện con để con nuôi làm chi hồi trời?" Tôi tự nghĩ như vậy. Tía nuôi tôi vừa trở vào tôi, vừa nhìn vào mắt tôi một cách rất tự hào. Rõ ràng đôi mắt ông như muốn hỏi: "Sao, tía mở đầu như vậy con nghe có được không?" Tôi đứng nghiêm người không nhúc nhích. Bộ quần áo bà ba đen má nuôi tôi vừa khâu cho tôi lại rộng quá khổ, cứ lùng nhà lùng nhùng, làm tôi càng then thùng khó chịu. Một con muỗi lá to tướng cứ vo ve bay vờn trước mắt tôi và đập vào bên má trái đốt đau nhói. Tôi nheo mắt mấy cái, động dậy bấp thịch má để đuổi nó nhưng nó vẫn không chịu bay. Tôi cảm thấy một cách rất rõ rệt rằng con muỗi chết tiệt đang vo vo chân trước thỏa thuê cong dít lên chọc sâu cái kim vào gò má tôi. "Được, cứ cho mày tha hồ đốt. Mày cứ bám đầy cho đến xong phần kết thúc buổi lễ nhá!"



Mồ hôi trên trán tôi rịn ra và từ từ lăn xuống, các bắp thịt ở má bắt đầu phản ứng, rung rung giật lia lia mấy cái.

Nghe có tiếng thì thảo của vài người trong đám đồng bào đứng bên phía trái tôi.

Một người nói nhỏ nhỏ:

- Coi thằng bé sắp khóc rồi đấy!

- Khóc đâu mà khóc! Con muỗi đốt má nó đấy! - Rõ ràng là tiếng ông già đốn củi cãi lại.

Tía nuôi tôi cứ nhìn vào mặt tôi. Có lẽ ông đã trông thấy con muỗi lá quái quỷ này rồi. Và hình như những tiếng thì thảo vừa rồi cũng đã lọt vào tai ông, động viên ông thêm hay sao ấy! Tía nuôi tôi liếc nhanh về chỗ vừa phát ra tiếng cãi nhau, và không nói không rằng gì, cứ tự nhiên như ở nhà, ông bước đến đưa bàn tay vỗ "chách" lên gò má tôi, rồi bóc con muỗi ra cầm nó vo vo vào hai đầu ngón tay, đoạn búng xuống đất.

Tiếng cười nổ ra xung quanh, khiến cho tôi có cảm giác như hai chân sắp khụy xuống. Chú Huỳnh Tấn đường đường là một trung đội trưởng chỉ huy đơn vị, trong tư thế đứng nghiêm trước hàng quân mà cũng không nén được. Hai vai chú cứ rung rung, mặt đỏ dừ lên và cái miệng chú cố mím lại càng càng ra động đậy hai bên khóe mép. Ông ủy viên quân sự thay mặt huyện ủy, thầy giáo Bảy cũng mỉm cười. Tai tôi văng lên vì tiếng cười, tiếng nói

râm ran dậy lên chung quanh. Tôi càng cố đứng nghiêm thì tiếng cười càng lớn hơn. Cả tía nuôi tôi cũng cười cười nhìn tôi.

Trật tự buổi lễ không còn giữ được nữa. Thầy giáo Bảy phải đưa tay lên khoát khoát ra hiệu cho đồng bào im lặng, mà vẫn còn nghe tiếng cười rúc rích mãi.

Tía nuôi tôi lại đằng hắng một tiếng lớn. Có lẽ lúng túng không biết nên tiếp tục nói như thế nào cho ra cung cách một người đứng phát biểu chỗ đông người.

- Kính thưa ban chỉ huy... cùng tất cả bà con đồng bào! Thành cháu An đây, tuy nó là con nuôi... nhưng vợ chồng tôi còn quý nó hơn con ruột. Sở dĩ tôi nói thế, là vì ngẫm ra cũng có nhiều người thích bạn bè hơn thích anh em ruột. Anh em ruột có quan hệ tình cảm riêng của người cùng cha mẹ sinh ra, cùng chung một dòng máu. Nhưng tính tình không giống nhau thì quan hệ với nhau vẫn không thích bằng bạn bè.

- Đúng lắm! Ông già nói đúng lắm! Nói tiếp nghe đi, ông già! - Một người nào đó trong đám đông cổ vũ to lên.

- Con ruột cũng vậy. Sinh con ai dễ sinh lòng. Lỡ đẻ ra một thằng con ngỗ nghịch, trái khoáy, không giống mình thì sao? Thành cháu An đây... bé thế, nhưng nó là một thằng bé thông minh, gan dạ. Trong những con thập tử



nhất sinh, một mình tôi chiến đấu với kẻ thù, nó vẫn mò theo, không hề rời tôi một bước... Nay trước lời kêu gọi của Tổ quốc lâm nguy, nó xin theo các anh ra trận tiền giết giặc, vợ chồng tôi dù thương yêu nó đến mấy cũng phải dứt ruột để cho nó theo các anh...

Tía nuôi tôi khẽ dặng háng mấy tiếng trong cổ. Ông đứng nuốt nước bọt một lúc rồi bước đến bên chú Huỳnh Tấn, thấp giọng:

- Chú Tư! Chú có thể tin rằng nó là một thằng bé thông minh và can đảm. Chính vì vậy mà chú đã tiến dẫn nó vào hàng ngũ. Nhưng dẫu sao thì nó cũng hãy còn ăn chưa no lo chưa tới. Vợ chồng tôi chỉ mong nó được các anh đây uốn nắn cho nó nên người, cho nó biết trung với nước hiếu với dân như lời Cụ Hồ hằng dạy bảo. Nếu như các anh có bảo ban điều gì mà nó không nghe thì xin chú cứ kỷ luật sắt giùm nó cho tôi. Sao chú Tư? Chú có thể hứa với tôi như thế được không?

Khi chú Huỳnh Tấn nghe tía nuôi tôi bảo chú "cứ kỷ luật sắt" tôi thì tôi thấy chú có hơi cười mủm mủm, liếc nhìn tôi. Dường như chú muốn nói: "Đấy, tía mày dặn tao như thế, mày nghe chưa?" Nhưng khi tía nuôi tôi hỏi chú có hứa với ông như thế được không, giọng tía nuôi tôi nói nghe sao mà khẩn thiết, vừa xúc động mà cũng đượm đầy lo âu, thì cái cười mủm mủm trên môi chú vụt bay mất. Chú ngẩng mặt

quay nhìn vào trung đội, rồi trang trọng nhìn vào tía nuôi tôi:

- Thay mặt toàn thể anh em chiến sĩ trong đơn vị, nhân danh trung đội trưởng trung đội du kích địa phương Cà Mau, tôi xin hứa với bác như thế!

- Ồ, như vậy là vợ chồng tôi an tâm rồi! - Tía nuôi tôi khẽ nghiêng đầu, nói lấp bắp.

Đoạn ông quay lưng bước mấy bước đến bên bàn thờ Tổ quốc. Tôi tưởng ông xá ảnh Bác Hồ rồi lui ra. Không ngờ ông lại cúi chào ông ủy viên quân sự và thầy giáo Bảy cùng các đại biểu dân, quân, chính, rồi ngẩng lên nhìn ra đám đồng bào dự lễ, cất giọng run run:

- Con tôi được các đồng chí dắt dẫn đứng vào hàng ngũ, đó là điều hết sức vinh dự cho gia đình tôi. Vợ chồng tôi già rồi, không theo kịp anh em bộ đội, anh em du kích để cầm súng giết giặc. Trước giờ phút con tôi theo các anh lên đường, tôi xin gởi nó con dao này...

Tía nuôi tôi nói đến đây, bàn tay ông từ từ vén vạt áo rút con dao găm sáng quắc trong chiếc túi da beo ra, cầm con dao đưa lên.

- Hoan hô ông già! Hoan hô!

- Cha nào con nấy. Thật là xứng đáng một ông già!

- Hoan hô bác Hai!

- Hoan hô ông già đi, anh em! Một, hai, ba. Hoan hô! Hoan hô! Hoan hô... ô... ô!



Tiếng vỗ tay và tiếng hoan hô vang dậy chung quanh. Các vị chủ tọa buổi lễ cũng vỗ tay và hoan hô một lúc lâu.

Tía nuôi tôi cầm con dao soi vào ánh lửa đang rừng rực cháy đỏ, thần mặt nhìn món vũ khí tùy thân của mình một lúc, dặng háng nói tiếp:

- Con dao này lúc nào cũng dính trong tay tôi. Lưu lạc khắp xứ, trong những cơn thập tử nhất sinh, nó đã cứu tôi bao nhiêu lần thoát chết. Gia đình, vợ con, còn có khi vì sinh kế, tôi chỉ tạm rời xa vài ba tháng, một đôi năm, chứ con dao này chưa hề xa tôi một chút nào.

Đôi mắt tía tôi sáng lên. Ông cầm con dao lật qua lật lại. Tất cả dĩ vãng của một cuộc đời phiêu bạt, luôn luôn phải vật lộn với cái chết để tìm lấy miếng sống, như đang bùng bùng sống dậy trên lưỡi thép sáng chói. Rồi tía nuôi tôi ngược nhìn tôi, nói bằng một giọng rần rỏi:

- Ngày trước, tía đánh rơi nó. Con đã nhặt được. Ấu cũng là "duyên nợ" của con. Số nó thuộc về con từ buổi ấy. Hôm nay tía giao nó lại cho con. Coi như lúc nào cũng có tía bên cạnh con. Khá giữ lấy!

Tía nuôi tôi cầm con dao run run đưa cho tôi. Lần đầu tiên tôi mới đứng nghiêm dưới cờ của một buổi lễ tuyên thệ có tính chất thiêng liêng như đêm nay. Sự việc diễn ra đột ngột quá, không ai lường trước được. Tôi lúng túng chưa

biết phải nên làm như thế nào, thì chú Huỳnh Tấn đã hét hàm ra hiệu như bảo tôi: "Cầm lấy đi! Sao cứ đứng đực ra mà nhìn vậy?" Sau lưng tôi, các anh trong hàng ngũ cũng thì thào: "Bước ra đi! Bước ra! Cầm lấy!".

Tôi bước tới ba bước, đỡ con dao trên tay tía nuôi tôi. Bỗng thấy chú Huỳnh Tấn rạp chân hướng vào trung đội hô "ng nghiêm" một tiếng lớn. Rồi chú ngược mắt lên hô to:

- Hy sinh tất cả vì Tổ quốc Việt Nam! Thế chiến đấu đến giọt máu cuối cùng, dù đầu rơi máu chảy vẫn không lùi bước!

- Xin thề!

Toàn thể trung đội du kích chúng tôi cùng vung thẳng nắm tay lên trời và hô rạp "xin thề" vang vang như một tiếng sét. Hồi âm từ những khu rừng tối mênh mông vọng lại hai tiếng "xin thề", như tiếng hưởng ứng của hàng nghìn, hàng vạn chiến sĩ du kích đứng dày đặc trong đêm, cùng vung thẳng cánh tay lên hô theo chúng tôi.

Tai tôi ù đi, không còn nghe rõ những khẩu hiệu của người chỉ huy đơn vị mình thét lên sau đó. Mắt tôi chỉ còn thấy đầu người lô nhô và những cánh tay vung lên hạ xuống, vung lên hạ xuống cùng với những tiếng "xin thề"... "xin thề"... nổi lên. Tôi bồi hồi nhớ lại lúc má nuôi tôi trao cho tôi bộ quần áo mới, bà đợi tôi mặc xong, đứng ngắm nghía một lát, vuốt lại



từng nếp áo sột soạt còn nguyên mùi hồ, mỉm cười: "Có hơi rộng đấy. Nhưng má đã ước tính sang năm con cao lớn lên, thì mặc sẽ vừa vặn lắm!" Rồi má nuôi tôi lim dim đôi mắt, quay nghiêng mặt đi... Ừ, thằng Cò ốm. Một trận sốt thương hàn đã quật nó nằm liệt giường hơn tháng nay, mới ngồi dậy ăn được bát cháo. Nó không đến tiền chân tôi được, cũng đành. Nhưng còn má nuôi tôi? "Má mày lấy cơ phải ở nhà trông nom thằng Cò. Tao biết bả không chịu nổi phút bịn rịn lúc chia tay đấy thôi!" Tía nuôi tôi cười cười vỗ vào lưng tôi, thân mật nói bằng giọng đầm ấm xiết bao...

Thầy giáo Bảy và ông ủy viên quân sự thay mặt huyện ủy đã bước ra nói mấy lời kết thúc và trân trọng cảm ơn đồng bào. Đã nghe lệnh cử hành quốc ca. Không biết tôi đang gào lên hay tôi đang hát nữa? Và tôi cũng không biết có phải tôi đang hát, hay những tiếng hát chung quanh tràn vào người tôi, rồi lại từ trong người tôi ngân bổng dội ra chung quanh? Tại sao chung quanh tôi bỗng dưng mờ đi như trông qua một làn kính ướt nước như thế?

- Chào cờ... ờ... ờ! Chào!

Tôi ngẩng mặt lên, nhìn thẳng vào lá cờ Tổ quốc mới tinh khôi treo trên đầu cột cao chót vót giữa sân lễ, đang được một bà già trong đơn vị trân trọng cầm mỗi dây đưa dần xuống. Một cảm giác lạ lùng vụt xâm chiếm đầu óc tôi: không phải lá cờ đang từ từ hạ xuống, mà

chính những người đứng trên sân lễ giữa rừng
đước Cà Mau đây, tất cả đang từ từ bay lên,
mỗi phút một gần màu đỏ của lá cờ.

Bao nhiêu lo buồn, tủi cực, bao nhiêu căm
thù, nhớ thương và hy vọng cùng dồn dập đến
cả trong tôi trong giờ phút này. Tôi chớp chớp
mắt nhìn lên lá cờ, để cho những giọt nước
mắt vui sướng và nóng hôi hổi tự do lăn rơi
trên đôi gò má nóng bừng.

*

* *

Toàn thể các chiến sĩ du kích của trung đội
địa phương đã tập hợp dưới bóng những cây
đước cổ thụ bên bờ sông vào lúc trời sắp rạng.

Anh em chia thành từng tổ ba người, xuống
những chiếc thuyền nhẹ hai chèo, do các cụ già
và các ông thợ đốn củi xung phong chèo đưa
chúng tôi đến một địa điểm khác. Từ chỗ đó,
trung đội du kích sẽ lên bộ đi vào vùng hoạt
động mới trong huyện.

Sau buổi lễ, tía nuôi tôi đã có ý định theo
thuyền đưa tôi đi. Nhưng khi ra đến bờ sông,
tía nuôi tôi ngăn ngừa nhìn tôi một lúc rồi lắc
đầu bảo: "Thôi, tía bận lắm. Con cứ đi với các
anh các chú của con!". Đoạn tía nuôi tôi vỗ vào
vai tôi một cái thật mạnh: "Cố gắng nghe con!".

Tiểu đội 1 đã đi rồi. Tiểu đội 2 cũng đã xuống
thuyền sắp sửa rời bến. Các anh trong tiểu đội



3 của tôi cũng đã đeo ba lô lên vai, lịch kích mang súng đứng vào hàng.

Tía nuôi tôi cài lại cúc cổ cho tôi, miệng lắp bắp:

- Cố gắng nghe con! Cố gắng nghe con!

Ông hấp tấp móc một dùm thuốc nhồi vào tẩu, xoẹt bật lửa đốt thuốc, bập bập hít mãi. Bỗng nghe con Luốc sữa oang oang. Tôi vừa quay mặt lại thì con chó trung thành đã lao đến, dựng đứng hai chân sau lên, chồm chồm vào tôi, vẫy đuôi rít lên những tiếng kêu mừng rỡ.

Má nuôi tôi chạy tới, thở hổn hển:

- Thằng An đấy à? Tao chỉ lo tới đây thì mày đã đi mất rồi! Khổ quá, có mỗi cái lược chải tóc mà mày cũng quên! Thấy còn giắt bên vách, tao vội cầm chạy đem ra đây. Nghe bà Tám đi dự lễ về, bảo chúng mày còn ở đây...

- Hừ! Cứ làm như thằng bé mình nó còn con nít... Bà cầm gói gì trong tay vậy? - Tía nuôi tôi hỏi bằng giọng có hơi khó chịu.

- Gói ruốc thịt nai! - Má nuôi tôi cười, nụ cười không tự nhiên làm cho gương mặt bà như mếu - Thằng Cò nó không chịu ăn. Nó bảo đem ra cho thằng An!

Mặc kệ tía nuôi tôi nhìn bà bằng cặp mắt sốt ruột, má nuôi tôi cứ cầm lược chải chải món tóc lòa xòa trước trán tôi thành nếp xuôi ra sau, đoạn bà nhét lược vào túi áo trên ngực tôi.

Bà thông thả gỡ chiếc ba lô trên vai tôi, tháo ra, đặt gói ruốc vào. Bàn tay gầy gò của má tôi lật lật mở quần áo đã xếp thẳng nếp trong ba lô, lôi ra chiếc áo cũ kẹp vào nách, rồi vội vã buộc ba lô lại vuốt vuốt đeo lên vai cho tôi:

- Cái áo này còn sờn mấy chỗ sau lưng, để má mạng lại. Rồi có anh em nào đến chỗ con ở, má sẽ gọi theo!

Tía nuôi tôi nhấc tẩu ra khỏi miệng, thở một hơi khói thuốc lá đặc sệt, dim mắt ngó má nuôi tôi:

- Sao mấy hôm trước, bà không mạng cho nó? Mạng hay vá gì đó thì tùy bà. Nhưng đừng có học cái kiểu của các bà già xưa, mỗi lần nhớ thằng bé lại bỏ cái áo của nó vào nồi rang để nó "nóng lòng sốt ruột" mà xin về thăm nhà thì không được đâu!

- Ông cứ nói vậy...

Một luồng gió sớm từ biển thổi vào mang theo hơi mát lạnh của đại dương và mùi thơm sực nức của những bông hoa rừng vừa nở, làm gợn lên trên mặt sông những ánh đỏ của bình minh đang nhuộm hồng mặt nước. Tôi cúi đầu chào tía nuôi tôi, chào má nuôi tôi, gửi lời chúc thằng Cò mau mạnh, rồi xốc lại con dao găm và quả lựu đạn đeo bên thắt lưng, rướn người nhảy phóc xuống thuyền.

TIẾNG GỌI NGÀN

Cứ vài ba tháng là bà con ấp Kèo Nèo lại rủ nhau tổ chức đi "săn hội" một lần. Bởi lâu ngày thèm thịt, ăn mãi cá tôm phát chán cũng có. Bởi thích thú được chạy nhảy đuổi bắt, hò la thỏa sức cũng có. Đối với các tay lì lợm có chút ít võ nghệ thì đó là dịp phô phang tài trí, đem gan góc ra thử thách, đối chọi với nanh vuốt các con vật rừng hung hãn nhất.

Đàn ông trai tráng tích cực, tất nhiên. Mà đàn bà trẻ con yếu ớt cũng hăng hái theo phụ trợ. Bởi các con thịt lớn săn được, đều có phần chia cho từng nhà, còn con nào nhỏ nhỏ thì gia đình ai bắt được nấy ăn. Và cũng bởi trong các câu chuyện kể ở các tiệc nhậu giỗ, nhậu cưới... thì chuyện đi săn được thực khách đứng ra biểu diễn lúc chính mình đánh nhau với ác thú, bao giờ cũng là tiết mục hấp dẫn, hồi hộp, khoái trá được mọi người hoan nghênh nhất. Mà ở cái xứ rừng heo hút của đất Gò Quao - trong những năm hai mươi của thế kỷ chúng ta đang sống đây - đã gọi là tay "võ đồng" thì nào ai há chịu kém ai. Chính vì thế mà hầu như

không có mấy con vật rừng sống sót, mỗi lần họ tập hợp hàng đôi ba trăm người hăm hở kéo nhau gõ thùng thiếc, khua chiêng, hươu áo mác vây kín một khu rừng nào đó, từ lúc mặt trời còn chưa ló dạng.

Từ hổ báo, lợn rừng, nai, hoẵng, khỉ, vượn, chim nước, kỳ đà, rùa, rắn... cho tới con nhen, con sóc vừa giật mình thức dậy nhô đầu ra khỏi bông cây, con chuột nhum ăn đêm chưa kịp về đến tổ chui xuống hang cũng đều khó lòng thoát khỏi tay họ. Nói chung tất cả các loài bò, bay, lủi, chạy trong khu rừng bị bao vây đều biến thành mồi nhậu của những bữa rượu kéo dài thâu đêm.

Vậy mà lần nọ, có một con lợn rừng con thoát chết. Lợn rừng mẹ đã chống cự quyết liệt để bảo vệ con. Bị mác thông đâm lút cán, nó không ngớt học lên dữ dội còn ngoẹo cổ cắn nát chiếc mác thông và húc mấy người suýt toi mạng. Hạ được mẹ rồi, họ nổi khùng giết luôn cả đàn con. Còn một con chui trốn vào gốc cây. Khi một ngọn mũi chuối vừa chong ra, sắp sửa chọc vào hông con vật rừng bé nhỏ thì chú Tư Đảng trưởng áp phát hiện thấy nó có cái vá trắng giữa trán, bèn la lớn:

- Dừng tay lại! Dừng đâm... Dừng đâm nghe các cha nội!

- Tại sao? - Người toan đâm mặt đầy sát khí, hăm hăm quay lại hỏi.



- Linh vật đa! Không thấy cái đốm giữa trán nó sao? Từ nhỏ tới giờ tôi mới thấy giống heo rừng có con này là một.

- Vậy mà thả nó sống để nó lớn lên thành tinh à?

- Thả đâu! Bắt về chứ! Để bắt nó về tặng thầy giáo Bảy!

Nhờ cái vá trắng giữa trán và lòng mến mộ thầy giáo Bảy của bà con ấp Kèo Nèo mà con lợn rừng con này thoát chết.

*

* *

Thầy giáo Bảy thích nuôi chim, nuôi khỉ, nuôi trăn... Khi chúng quen người và lớn rồi, thầy thả sống tự do chứ không giam nhốt. Dường như con nào cũng "khôn", rong chơi chán - có khi đến vài ba tháng - lại biết tìm về nhà chủ. Nhưng rốt cuộc thầy không còn con nào. Có thể chúng sa hầm vướng bẫy, thọ tên chết ở một cánh rừng nào đó; cũng có thể chúng ra đi theo tiếng gọi của núi rừng và giống loài muôn thú cũng nên. Thiệt là: *"Uổng công xúc tép nuôi cò, cò ăn cò lớn cò dò lên cây!"*.

Cũng đã có vài người tiếc hộ công linh, chê thâm thầy như vậy.

Thầy Bảy được tiếng là người có tài thuyết phục các con vật rừng mà ai cũng cho là khó nuôi dạy. Nhiều lúc thầy ngồi suy tư hàng giờ, con trăn bò lên cổ, quần quanh người, thè lưỡi liếm mặt, thầy cũng không động dấy. Chú Tư

Đằng từng nghĩ: ắt thầy là người khai sáng một thứ Đạo gì đó, chẳng qua "*phong vân chưa gặp hội*" nên còn "ẩn tích mai danh", chưa ra mặt cứu đời. Cho nên khi ôm con lợn rừng con đến tặng thầy, chú có nói vui, giọng thật thà: "Biết đâu nó cũng là một *Thiên bồng nguyên soái* phải đọa xuống trần cũng nên!". Thầy Bảy cười, cảm ơn chú rồi rít, rồi lại lắc đầu cười mà chẳng có ý kiến nhận xét, bình phẩm gì.

Nói cho "miên" thì bà con chẳng ai rõ lai lịch thầy Bảy. Người thì bảo: chắc ông thất tình hoặc trốn nợ: kẻ cho rằng: có chữ nghĩa như ông, ra làm việc thông ngôn ký lục dễ như chơi, lại bỏ trốn thị thành lánh về xứ khỉ ho cò gáy này, sống như một nông dân lam lũ, là ông muốn tỏ thái độ bất hợp tác với nhà nước Pháp... Tất cả những tiếng xì xầm ấy đều có đến tai thầy. Thầy chỉ mỉm cười. Mà điều này, chánh hương quản ở tận trên "nhà việc" cách hai mươi cây số cũng có để mắt tới. Nhất hạng là chuyện khi mới về đây, thầy thường khuyên nhủ bà con cố gắng cho con cháu đi học để "mở mang tâm trí". Biết vậy, nhưng mà học ở đâu? Ngay cả xã và làng phụ cận cũng không có lấy một trường tiểu học? Hương chức hội tế nhiều ông còn đốt đặc cán mai, tập được một chữ ký tên đã là khá lắm. Thầy xin phép làng, đứng ra dạy các em học tại nhà mình không lấy một đồng xu các bậc nào: trò nào nghèo quá thầy còn cấp thêm cho cả giấy bút. Bà con dân ấp cảm phục nghĩa cử ấy, mặc nhiên gọi ông là



thầy giáo. Lâu ngày thành một danh xưng. Ở thời buổi đế quốc tư bản Pháp khuếch trương kinh tế lớn tại các thuộc địa sau đại chiến thế giới thứ nhất, giữa lúc mọi người bon chen theo đường danh lợi, giữ mình thanh khiết được như thầy là chuyện hiếm. Thầy cất một ngôi nhà sàn nhỏ ngoài đầu xóm, xin phá đất cấy một khoảnh ruộng nhỏ đủ gạo ăn; cũng đi "ăn ong", đốn củi như mọi người. Ngoài những giờ lao động, thầy lấy sự dạy trẻ và chăm sóc các con vật rừng làm vui. Hầu như thế sự gác ngoài tai.

Thầy đặt tên cho con lợn rừng con sống sót ấy, tên con Vá.

Đó là một con cái đã bước vào tháng tuổi thứ tư. Nếu không gặp tai họa vừa rồi thì nó vẫn còn quây quần bên mẹ cùng các anh chị nó, như một lũ trẻ cho đến hết tuổi hai năm mới lìa đàn. Dù sao trong hơn ba tháng theo mẹ lòng sục giữa rừng bụi hoang vu, nó đã có thể sống tự lập được rồi. Đâu còn tính thuần khiết ấu nhi như những chú lợn rừng non mới đẻ bị bắt còn trong tổ trước mười lăm ngày, da đỏ hồng còn chưa kịp phủ lông tơ, chịu phục tùng bú bình sữa hay núc vú của một con chó cái để mất con.

Tính chất hoang rợ còn nguyên vẹn đó là trở ngại lớn, trong cố gắng đem lại sự gần bó đối với con người cô đơn này. Hơn nữa, nó đâu phải là một con chuột lang mua ở chợ về, một con chuột lang con lần đầu tiên mở mắt trong nhà người. Ngoài khoai sắn, khoai lang và các thứ rễ củ mềm, con Vá còn đánh hơi mùi thịt sống.

Nó đã thè chiếc lưỡi nhám thử liếm từng nhát một, khúc thịt rắn thấy Bảy xin về ném chỗ góc sân. Và cũng bắt chước mẹ trong tư thế ngồi xồm trước thây con chuột nhum hay thây con rắn mái găm: Những cung cách quen thuộc đã thối vào tâm hồn con vật dễ nổi xung này, tính e dè sợ hãi và thói ưa dọa nạt, vốn là bản tính của các loài thú rừng hoang dã.

Việc dạy tập cho con Vá quen người phải kiên trì từng bước. Tất cả bộ dạng nó đều toát ra một sự nghi ngờ. Thấy người lạ, nó lùi phất lại. Hai chót tai nhọn hoắt của nó cụp xuống dựng lên một cách dũ tợn, những nếp cau ngược giữa vá trán rung rung và hai khóe mép bóng như lọ mỡ chốc chốc lại nhếch một cái để lộ những chiếc răng hàm mới nhú trắng tinh. Chót đuôi cùn cùn túm lông bé tẹo của nó quật mạnh vào hai bên hông liên tục, và nếu thấy người làm một cử chỉ đe dọa như dứ dứ cánh tay chẳng hạn, là y như nó lao tới một bước chẳng khác gì như mẹ nó lúc giận dữ, chìa hai chiếc nanh cong nhọn hoắt ra, lao thẳng vào bụng kẻ thù xóc ngược lên trước khi quật xuống đất. Tất nhiên là "thế võ tổ truyền" ấy nó mới chỉ đánh vào không khí, đầu hất qua hất lại một cách còn rất vụng về.

Và đã phải khá lâu, con Vá mới quen dần chịu đứng yên để thầy gãi lưng, trong lúc nó đang nhai tóp tép những bắp ngô non. Thức ăn các động vật sống như ếch nhái, rắn con... mà đám học trò đập được dọc đường, mỗi ngày



mang đến cho nó, khoảng cách ấy cứ thừa dần theo lệnh thầy giáo. Khi nó chỉ được cho ăn chuối cây thái ỉ chua và các thức ăn nấu chín sền sệt như cháo gạo lức... thì đối với nó từ lạ lắm ngạc nhiên buổi đầu, qua vài hôm đã thành một sự thèm quen thích thú. Khi móng nó đã to như chiếc cốc, hai chiếc nanh nhọn hoắt bắt đầu nhô ra khỏi khõe mép và chỉ một cái hất mồm, nó đã đánh gãy rắc chiếc cốc chôn giữa sân thì những bữa ăn đúng giờ giấc cũng bắt đầu.

Còn những trò đùa nghịch thì nó mới chỉ học được quen quen thôi. Như ỉi lẩn những khúc gỗ cắt ngắn chất trong sân chưa bổ thành củ, lắc mồm đánh rơi từng quả mướp xác - tròn như quả bóng tơ-nít - Thầy Bảy lần lượt tung lên trước đầu nó, đuổi nhau với bé Hai con chú Tư Đăng và con chó mực nhỏ chạy vòng quanh sân... đôi khi thầy Bảy cũng tham gia. Sắc lông óng mượt hoe hoe toàn thân rực vàng trong nắng, đã xóa hết những vằn lông sọc dài thẫm màu, lù xì, thưa và cứng hai bên hông, còn cái vá trắng cũng to gần bằng bàn tay. Nó đã là một con lợn rừng choai có bước đi chững chạc, chân đứng khá cao.

Dù có cao to, nặng cân hơn trước, nó vẫn thừa nhanh nhẹn lao theo đớp những con dơi muỗi bay là là trên sân, rồi đứng vẩy đuôi nhai gấu gấu, và khước từ không nghĩ đến chuyện làm cho con chồn, con cù lần đã được thuần hóa lẩn quẩn dưới sàn nhà lo ngại.

Chỉ có một điều làm nó khủng khiếp: Đó là những người nông dân lực lưỡng cỡi trần vác đòn xóc, dắt những con trâu cổ có cặp sừng cong nhọn hoắt đi qua bên ngoài rào.

Nhún nhường và tự hạ buổi sáng, nghịch ngợm hoặc lục lợi ủi chơi nhăng nhít sau các bữa ăn, đó là đặc điểm của nó ban ngày. Tuy nhiên, nhiều lúc nó cũng suồng sã nhảy lên sàn, chực lên bàn thầy Bảy đang ngồi ăn cơm để vò vỉnh xin một vài miếng xương gặm dở. Nhưng ban đêm, khi gió thổi qua rừng đưa đến nó mùi hương của những vành hoa mới nở, hơi thở của rừng rậm và mùi mồ hôi các loài thú hoang, con Vá cảm thấy xao xuyến bồn chồn. Nó không ịt ịt nữa, mà đầu hết lắc bên trái lại lắc bên phải, ẹc ẹc giống như lúc nó theo mẹ lẫn các con đường mòn dẫn ra những rẫy ngô, ra các ven đầm nước. Nó loanh quanh đi trong sân, nhiều lúc chồm lên vách rào cố lách mõm ngó ra ngoài, tò mò muốn được đến gần nhìn xem những gì mà giác quan vừa tiếp xúc, khiến nó cố đoán ra.

Giam nhốt nó vào cũi vào chuồng, chuyện ấy dễ quá, ai chẳng biết, nhưng thật là lố bịch. Bởi điều đó, trước hết là trái với quy luật của ngàn xanh. Cũi, chuồng vốn là sáng kiến của những kẻ tàn nhẫn. Thầy Bảy vẫn nghĩ thế. Hơn nữa, con Vá đâu phải là một con lợn thịt...

Chủ nó đã tập cho nó quen đeo vòng cổ. Đầu tiên thầy chỉ buộc quanh cổ nó một vòng dây da có khóa sắt nhỏ, xem như một món trang sức.



Và dính thêm chiếc lục lạc nhất cử nhất động của con Vá đều rung leng keng. Ít lâu sau lại buộc vào vòng cổ một đoạn thừng thả lỏng. Tất cả việc đó đều xem như trò chơi. Dù con Vá có nhiều lúc nổi xung, nhảy dựng ngược, quay đầu đánh tung sợi dây thừng vương vịu, sự bực mình ấy vẫn cứ là trò chơi kia mà.

Chiếc vòng da đeo ở cổ con Vá cứ nửa tháng lại được nối rộng ra thêm một nấc, nhưng không bao giờ rời cổ nó nữa. Thường ban ngày nó vẫn ngủ từ sáng đến ba bốn giờ chiều. Giờ đó, tập tính của giống loài đánh thức nó dậy đi ăn. Bây giờ cái ăn không cần phải lo, nó tha hồ rong chơi, lê la khắp sân. Ban đêm, đầu thừng thả lỏng mới được buộc vào bên chân bậc thang lên xuống nhà. Nó chỉ cần ngoái cổ cắn một nhát đủ đứt phăng. Tuy nhiên, con Vá vẫn phục tùng nằm đây, như một cần vụ trung thành suốt đêm thức canh cho chủ ngủ, an tâm về sự hiện diện của chủ mình trên ngôi nhà với ý thức kiêu hãnh được bảo vệ tuyệt đối, không hề lo sợ một cuộc tấn công bất thành linh của một con hổ con báo nào có thể xảy ra đối với nó.

Ngờ đâu chính đoạn thừng thả lỏng ấy đã gây nên một tai biến.

Hôm nọ thấy Bầy có việc bận đi vào xóm. Bọn học trò lau nhau về hết rồi, chỉ còn bé Hai ở lại thổi nồi cơm giúp thầy - thỉnh thoảng ban đêm nó còn ôm mền đến ngủ với thầy cho vui - con Mực theo thường lệ chạy đến đón cậu chủ nhỏ. Bé Hai nghe tiếng sữa, mở cổng cho con

Mực vào. Vá và Mực cùng mừng rỡ nhảy cồm lên, hết đôi bạn nhỏ lâu ngày gặp nhau. Thế là trò chơi đuổi bắt quanh sân như trước kia lại diễn ra. Bé Hai bạn quay vào trông nồi cơm quên khuấy cánh cổng mở. Đùa nghịch một lúc, Mực bị đuổi gấp, nột quá, quay cấn vào mõm Vá một cái rồi chạy vọt ra cổng. Vá lập tức phóng theo Mực về gần đến nhà, cây nhà bèn quay lại khò xuống vẫy đuôi nhảy qua nhảy lại, tỏ ý bốn cọt thách thức. Khi Vá lao tới, Mực nhanh nhẹn chui qua chiếc thuyền úp kê trên bốn thanh đà gác chéo của ông trưởng ấp kéo lên bờ sông chờ sửa chữa. Ai chẳng biết ngón võ lợi hại của con lợn rừng khi đánh nhau với hổ, là dụ hổ đến gần một thân cây đổ ngang trên mặt đất. Hổ quen thói nhảy lên cao chụp xuống lưng để cấn cổ đối thủ, sẽ bị lợn rừng luôn vụt qua dưới thân cây. Hổ bất ngờ bị thân cây đánh vào mặt như búa giáng, tất ngã lẩn ra, chưa kịp choàng dậy thì đã bị lợn rừng quay phắt lại vung hai chiếc nanh cong nhọn hoắt xóc vào hạ bộ hất tung lên. May mắn mà sống sót, nếu con nào không mất giống thì cũng cạch đến già... Mực vừa chui sang bên kia, thì Vá tức khắc vận dụng miếng võ tổ truyền nhào mình xuống luôn theo như một làn chớp. Sợi thừng thả lỏng bỗng mắc vào gốc đà bắt chéo, giựt gãy thanh đà và chiếc thuyền úp đổ sập xuống - một bên be đè đúng vào giữa lưng con Vá. Nó hộc lên dữ dội, hai chân trước cào đất bắn tứ tung cố nhoai ra, càng nhoai ra thì sợi thừng càng căng



thẳng, siết vào cổ họng. Bốn chiếc móng vuốt nhọn đen nhánh như sừng của nó cày sâu vào đất cổ rướn tới, các bắp thịt nổi vồng lên dưới lớp da ướt mồ hôi, nó vùng vẫy dốc hết lực nhào ra mà vẫn không sao thoát ra khỏi khối nặng đè giữa lưng như một quả núi. Tiếng hộc hộc dữ dội của nó ban đầu làm lũ gà vịt trên sân hoảng hốt chạy tán loạn - chốc sau chỉ còn là những tiếng kêu khàn khàn rồi hỗn hển từng cơn, đôi lúc nó nín im dường như muốn tìm lại sức dẻo dai. Nhưng lực khỏe dẻo dai khủng khiếp của giống nòi thực ra đã rời bỏ nó rồi. Những bắp thịt nuộc lưng thẳng căng như sắp đứt vẫn còn giữ được các đốt xương sống dính nhau đấy nhưng mà chóng chầy rồi cũng có thể sẽ bục ra thôi.

Thầy Bảy trên đường về, nghe tiếng hộc bất thường của con Vá, vừa kịp lao đến bắt gặp tình huống nguy kịch ấy; và con Vá cũng nhìn thấy thầy. Nó cố chồm về phía chủ, nhưng sợi thừng mắc trong lòng thuyền úp lại kéo ngược đầu nó lại. Hai chân trước co dưới cổ như con lợn co trên bàn tế, nó ngược mắt lên nhìn chủ không bỏ lỡ một giây phút, ề ạch cố nhấc be thuyền lên. Chiếc thuyền nặng quá không sao nhấc nổi, thầy quay lưng chạy vào nhà chú Tư Đằng, để mặc con Vá nằm nguyên đó trong thế chết hiềm nghèo. Như một quả bóng xì hơi, từ trong cuống họng của con lợn rừng lâm nạn thoát ra một tiếng rên nhỏ kéo dài đầy oán trách: ông chủ bỏ đi rồi.

Khi thấy Bảy hồi hả trở lại tay cầm con dao yếm tay xách chiếc đòn tre thì con Vá đã bất động, nhìn thẳng vào thấy bằng cặp mắt đợi chờ mên mông, đầy nhần nhục, như sắp bật ra khỏi tròng bởi quá sức chịu đựng, mép sùi đầy bọt trắng. Xoẹt một cái, sợi thừng đứt phăng và chiếc đòn tre đã bẫy được chiếc thuyền lên. Con Vá lập tức trườn ra, và không phải đợi lâu chờ lâu, chỉ mười bước chụm chân nó đã phóng bay về nhà, chạy vòng quanh sân.

Thầy Bảy về đến nhà vừa mệt vừa khát. Thầy bước lại lu nước mưa chỗ đầu hồi cầm chiếc gáo dừa khom xuống, chưa kịp mức lên uống, bỗng cảm thấy hai vai bị một sức nặng như đôi chân to tướng bất thành linh chụp bổ tới. Thầy ngã sấp xuống vừa lăn mình chưa kịp trở dậy thì trước mặt thấy lù lù bộ mặt của con vật rừng đã lớn, khô khè thở thẳng vào thầy một mùi hăng hăng.

Thầy muốn tự vệ, tay đẩy mõm nó ra, tay giữ chân nó lại. Nhưng con Vá đã đề lên người thầy, chà qua sát lại sức nặng gần hai trăm cân của những bắp thịt rắn chắc như thép. Sự lo sợ làm thầy tuần tự mất hết cảm giác, đồ người ra rồi nhẹ bỗng đi và nặng trĩch nhấc tay chân lên hết nổi. Nhưng trạng thái đó diễn ra không lâu. Từ trong cổ họng con Vá không phát ra tiếng găm rít của những con lợn rừng độc khi nổi xung, đe dọa mà là một giọng gừ gừ trầm đục sâu thẳm kéo dài. Mép nó không nhe lên, chìa cặp nanh ra, mà từ trong mõm nhón thè



ra chiếc lưới nhám liếm hai bàn tay thầy đang đưa lên chống đỡ, liếm lên trán, lên mặt và khắp cả ngực cả vai thầy. Bốn chiếc móng vuốt nhọn của nó choãi ra để tránh dẫm lên mình thầy, con Vá cứ đứng vẩy đuôi cọ cọ vào người chủ tốt bụng của nó với tất cả tấm lòng kính trọng thương yêu và chan chứa sự biết ơn.

Bé Hai nghe tiếng thầy ngã, chạy ra chứng kiến hết. Thoạt đầu, tưởng con Vá nổi cơn điên hành hung chủ, thấy tính mạng thầy nguy cấp đến nơi, nó vớ chiếc đòn xóc chạy tới toan đâm con Vá. Nhưng rồi hai cánh tay bé nhỏ của bé Hai đang lăm lăm giơ lên lấy đà đâm bỗng sững lại rồi từ từ hạ xuống. Nó ngạc nhiên, sững sốt đứng nhìn con vật thường được đem ra ví với người kém thông minh, biểu hiện tình cảm mến chủ đến mức gần như người!

Từ hôm đó, con Vá ngày càng thêm quậy chủ. Nó chẳng muốn đùa nghịch lúc chẳng có thầy, nghe thầy gọi dù đang chơi, đang ăn nó cũng bỏ, chạy đến ngay. Đêm thầy lội đi soi ếch nó cũng lội theo. Buổi trưa thầy nằm đưa võng trước hàng hiên, nó trèo lên sàn nằm dưới chân thầy và đôi lúc thầy ngủ quên nó còn len lén ngược mõm lên liếm nhẹ vào chân chủ. Con Vá đã trở thành bạn chí thiết của thầy giáo Bảy.

Nhiều người khen con vật khôn. Cũng lắm người bĩu môi vì ghen tỵ với thầy: "Có khôn gì cũng là heo rừng. Trước sau gì, động đực nó cũng bỏ về rừng cho mà coi!".

Điều họ nghi ngờ đó đã đến!

Sáu tháng mùa mưa, gió ẩm ướt thổi thốc liên miên trong những cánh rừng tràm U Minh Thượng qua rồi, kể đến những ngày nắng nóng kéo dài của sáu tháng mùa khô cũng trôi qua. Con Vá đã tròn hai mươi bốn tháng tuổi. Đối với một con lợn rừng cái, đó là tuổi dậy thì của một thiếu nữ mười tám.

Chẳng có gì thay đổi ngoài sự choán chỗ nằm của nó ngoài hành lang mỗi tháng một rộng thêm. Ngoài rừng có vài loại cây đã thay dần lá mới, và điều đó không diễn ra một lúc như cây trở lộc mùa xuân. Một thứ bắn khoăn đang xâm chiếm cả tâm hồn con Vá. Đêm nó không còn có những giấc ngủ yên tĩnh như trước nữa. Nó thường chồm chân, ngược lên giật giật kéo sợi dây thừng buộc cổ và đánh hơi bốn phía có các luồng gió thổi về. Những luồng gió từ mọi hướng đưa đến nó tiếng thì thầm của ngàn xanh và mùi rú rậm.

Người không chú tâm có thể cho là đôi tai nhọn cứng đờ của con vật rừng không chịu nổi tiếng lũ chó xóm dai dẳng sủa khiêu khích; còn như chú Tư Đăng thì có thể chú tin là nó bị ma trêu quỷ ám cũng nên. Nhưng điều làm con Vá bắn khoăn, bồn chồn chính là những tiếng xôn xao mà tai người không thể nghe được, nó gần như tiếng búp lá của mình, tiếng lách nhẹ của một chồi non nhú lên khỏi mặt đất mềm. Đêm này sang đêm khác, khi vầng trăng thượng huyền cứ lên cao dần thì những tiếng xôn xao



mơ hồ đó nghe càng rõ hơn. Chắc chắn là gió có trở mạnh hơn và lay động cây rừng nhiều hơn.

Điều ấy chẳng ảnh hưởng gì đến giấc ngủ thầy Bảy và các cuộc nhậu, các đám đờn ca thâu đêm của những chàng thanh niên trong xóm. Tối nọ, những tiếng xôn xao ấy rõ lên đến mức lọt tai ông già Năm, một lão làng kỳ cựu:

- Bà con liệu dỡ khoai, hái bắp sớm đi. Không khéo heo rừng về phá hết rẫy đa!

Các bọm rượu trong xóm nghe vậy liền kháo nhau "Vậy thì ta đào hầm, gài bẫy bắt... kiếm mồi nhậu đi các cha!".

Ban ngày con Vá vẫn ăn, tọt nước cám trong máng, vẫn ngủ ngáy rõ to và đùa nghịch như thói quen thường lệ, chẳng có gì thay đổi. Nhiều người đến chơi, tấm tắc khen con lợn rừng lớn nhanh, đẹp mã, khuyên thầy Bảy nên coi chừng kéo nó phá rào đi mất thì uổng lắm. Họ nói vui vậy thôi chứ họ đều biết tông tông con Vá đã trở thành "tù binh nô lệ" của thầy rồi.

Tuy nhiên, một hôm bé Hai đến sớm thấy con Vá nằm dang xa chỗ sợi thừng buộc cổ. Đoạn thừng đã bị răng nó cắn một nhát đứt gọn như dao cạo. Thầy Bảy nghe kêu, chạy xuống lấy sợi thừng bên bằng da trâu mới, chắc hơn, buộc vào cổ nó và làu bàu nhặt đoạn thừng đứt quật cho nó mấy cái. Ổn một chốc rồi đầu đó lại vào khuôn phép. Thầy nghĩ là nó muốn thử bộ răng chứ không hề ngờ là con Vá, từ lâu trong tiềm thức, đã có hành động như

mấy cậu học trò tinh quái của mình khi muốn đánh cắp của thầy một hòn tầy, một đoạn bút chì cứ mỗi ngày dời xa bàn một chút cho đến khi thầy không trông thấy. Chuyện đó đã xếp lại và con Vá không còn cần dây nữa.

Lại một tuần trăng mới. Đêm sáng hơn, trông rõ cả những tàu lá ráng ngời ngời lung linh tận ven tràm bên kia sông. Các loài vật nhỏ thường kiếm ăn đêm dọc chân rừng, không con nào dám mò vào đấy nữa. Tiếng xôn xao đã xua chúng dạt cả vào gần xóm.

Những tuần trăng sau đó, khi con Vá đã cao thêm vài phân, nặng thêm vài cân, thì tiếng xôn xao mơ hồ ấy càng rõ dần, càng nhiều hơn, thường xuyên hơn từ khi con Vá toát ra những bí ẩn của một thứ mùi đặc biệt, thứ mùi bí ẩn gọi kêu đã giục những con bướm đực - từ nhiều dặm xa - bay đến tìm gặp con bướm cái đang bị nhốt trong lồng, thứ mùi khiến cho phấn hoa đực tìm gặp lại một cách diệu kỳ những nhụy hoa cái đang ra sức điểm tô cho một mùa tung bừng hoa nở.

Đêm ấy, gió thổi qua rào, ve vuốt sống lưng con Vá. Gió đưa đến nó mùi hương của các bụi lùm và những ngọn cây rừng cao, mùi nhựa chảy từ những vỏ cây nứt, mùi quả chín tươm mật, mùi phấn hoa lay động bởi cánh dơi quạ và các loài chim đêm, li ti bay vờ vẩn và ngọn gió trữ tình đón lấy mang đi gieo rắc khắp nơi.

Thầy giáo Bảy đã ngủ rồi, biết đâu được nỗi xao xuyến bồn chồn của con Vá.



Theo luồng gió, tiếng xôn xao đang chuẩn bị, đã được báo trước, im bật một lúc, bắt đầu nổi cơn lên vượt ra khỏi ven rừng trầm và dầy ruộng sáng ngời ánh trắng. Bắt đầu từ một cổ họng rồi nhiều cổ họng khác tiếp theo. Tiếng học... học... gào lên vang rền.

Nghe tiếng kêu đầu tiên con Vá đã đứng phắt dậy đầu ngược lên, đuôi quật vào mông, giẫm chân trên hành lang và chồm ra lan can. Nó bắt đầu lôi thùng buộc cổ hóng ra. Ngoài kia, những con lợn rừng đực của đàn tộc đang không ngớt gọi kêu những tiếng mà từ thế kỷ này qua thế kỷ khác, các con đực vẫn gọi con cái trong mùa hôn phối.

Con Vá quên mất rằng chủ đang ngủ, theo sức mạnh của Tiếng Gọi, chồm tới kêu nho nhỏ rồi găm lên từng cơn kéo dài. Thấy Bảy tốc màn chạy ra.

Trước mắt thấy là một con Vá chưa từng thấy. Nó như vụt lớn lên trong phút chốc, nhảy dưng dưng, mọp xuống lại chồm lên cao hơn. Chân sau choãi xuống lấy điểm tựa như sẵn sàng phóng lên. Nó không chú ý gì đến chủ nữa, không thèm đếm xỉa đến những sợi dây thùng thổ tả cản cái dứt phăng. Mắt nó chăm chăm nhìn sang phía bên kia bờ rạch.

Điều mà các con đực đứng ngồi không yên, gào lên, sẵn sàng đánh nhau vì "nàng" đã trông thấy trong tầm mắt, ấy là tiếng gọi giục con Vá "bắc cầu giải yếm", phải tuân theo bốn phận muôn đời của các con cái, chớ bội ước lâu hơn

nữa trước định luật của tạo hóa, định luật mà Vá vi phạm để làm vui lòng con người. Và chúng giục gọi đến khản giọng, tiếng gầm gào rung chuyển cả rừng.

- Này Vá, quý bắt mày hả? - Thầy Bảy quát lên.

Như vừa thoát ra khỏi cơn mơ, nó vụt quay đầu lại. Đôi mắt đỏ rực chiếu lấp lánh trong bóng tối hành lang. Trông thấy chủ, dáng nghiêng đồ sộ của nó rời khỏi ánh trắng, từ từ hạ xuống. Nó nằm xuống, đuôi duỗi ra, hai chân trước co lại.

Những "anh chàng hiệp sĩ cô độc" kia, mãi ngao du chốn đại ngàn, theo bản năng, từ biết mấy rừng xa vượt sông hồ về đây tìm "nàng" đâu biết rằng Vá đã nhiễm mùi con người, đã quen ăn muối và thức ăn nấu chín, đã được con người kỳ cọ, tắm rửa, gãi lưng. Chúng đến với "nàng" từng bước một, từ từ như khi phải lần mò phòng tránh bẫy.

- Bé Hai!

- Con đây, - cậu học trò nhỏ đã thức trước, đứng rình phía đầu hồi bước ra.

- Cái gì vậy? Ai đột nhập vô nhà à?

- Có ai đâu, thưa thầy. Mấy con heo rừng đực kêu con Vá đó mà! - Bé Hai vùng vằng đáp vậy. Nó thấy ghét con Vá quá. Thật chẳng khác gì gái nhà lành muốn lộn lộn nài tháo ống đi theo mấy thằng du đảng.



Thầy Bảy vớ chiếc thùng thiếc khua rầm lên, rồi đốt một nắm cây chai dùng nhóm bếp, ném vù vù sang bên kia bờ rạch.

Những tiếng gầm gạo bên kia im bật. Chỉ chốc sau con Vá lúi sùi thùng đến gần bên chủ. Thầy Bảy cúi xuống gãi gãi trên mí mắt, gãi gãi dưới cằm rồi vuốt sống lưng nó:

- Thôi nằm xuống, ngủ đi con!

Con Vá liềm liềm bấp chân thầy rồi ngoan ngoãn ịch sang bên, chờ chủ gãi bụng, gãi lưng.

Giữa lúc ấy bên kia dãy rừng xanh biếc ánh trắng, bóng những con lợn rừng đục lác lư xa dần. Những vết thẫm di động óng ánh sắc lông như tơ tằm sống khạc ra những lời nguyên rủa giần giật từng cơn, quện thành những chuỗi tiếng rền đường bụi, hướng về những ngôi nhà đầu xóm ấp Kèo Nèo.

Ba năm sau, con Vá nằm giữa Sở thú Sài Gòn. Một gian chuồng hẹp, trần thấp, ba phía tường đá xám và những song sắt thừa sức giam nhốt những con sư tử đưa về từ châu Phi.

Thầy trò con Vá kẻ một đường, theo số phận.

Tan lìa ấy xảy ra từ hai năm trước... Một hôm thầy Bảy đi "ăn ong" chèo xuống về chưa đến nhà thì thấy ông trưởng ấp hốt hải chặn giữa đường:

- Thầy giáo, trốn đi! Trên quận đưa lính xuống xét nhà, bắt thầy!

- Chuyện gì vậy, chú Tứ ?

- Hai người hôm nọ trời mưa, ghé nhà thầy xin tá túc, rồi ở chơi mấy bữa... Họ là tù chính trị vượt ngục Côn Đảo về, thầy không biết sao?

- Ai nói vậy?

- Thằng Lìn chủ ghe trà vãi lên quận báo mà. Chính ông Chánh hương quán vừa mới nói với tôi.

- Cám ơn chú. Tôi phải đi... cũng đành. Nhờ chú về tháo dây thả giùm con Vá ra rừng, giúp tôi!

Nhưng con Vá đã bị Hương quán bắt đi trước khi chú Tư Đăng quay lại. Hương quán đưa lên biếu chủ quận để tăng công. Chủ quận rừng heo hút nuôi được ít lâu, muốn kiếm chút ân huệ hầu sau có dịp xin đổi về Châu Thành, bèn chở lên biếu chủ tỉnh. Chủ tỉnh Lơ-công người Pháp, nhờ lập công trạng tình báo trong trận đánh Đức thu hồi vùng An-dát Lo-ren, được phái sang thuộc địa giữ chức quan cai trị đầu tỉnh Rạch Giá. Lơ-công thích thú con lợn rừng hiếm thấy này lắm, bèn nuôi thả trong sân làm cảnh.

Buổi chiều, có quan ba Sác-ni-ê tới chơi tơnít, ngồi giải khát dưới bóng cây. Con Vá thấy vui, sấn đến gần bàn.

- Vas t'en! Vas t'en!⁽¹⁾ - Sác-ni-ê quát lên.

Con Vá ngỡ gọi *Vá ơi! Vá ơi!* Mừng cuống, xô đến chồm lên đùi ông ta. Ông ta sợ bắn quần, nghiêng mình né làm đổ lăn bàn rượu. Sác-ni-

(1) Cút đi! Cút đi!

ê giận quá, rút súng lục ra toan bắn một phát vào giữa trán con vật ngang bướng. Nhưng Lo-công cười ranh mãnh, chặn tay ông vô biên lại:

- Nó là con thú rừng, như thổ dân xứ này cần khai hóa lâu năm mới hiểu được tiếng nói, lòng độ lượng bao dung và nền văn minh Đại Pháp mẫu quốc. Giết nó vô ích! Để tớ cho nó lên Sở thú Sài Gòn. Có khi nó còn được đưa về Pa-ri trước chúng ta không chừng!

Nhờ cái vá trắng mà lần thứ hai con lợn rừng này thoát chết. Tàu *Lục tỉnh* tu tu chở khách Hậu Giang kéo ghe chài về thủ phủ thuộc địa Nam Kỳ, có chỗ theo chiếc cũi nhốt con Vá. Dọc hành trình qua nhiều địa phương, nó nghe tiếng hò chèo ghe, tiếng ca vọng cổ của khách thương hồ buồn rã rượi, như tiếng thổ dài của người dân mất nước - nó chẳng hiểu gì - nhưng cảm thấy bốn chôn xao xuyến, bởi những âm điệu đó chẳng khác mấy giọng hát hò của những người dân ấp Kèo Nèo kia.

Bây giờ thì nó đang ở cạnh chuồng một con hổ, tặng phẩm của "Hoàng đế An Nam" và một con báo gấm bắt được từ một vùng núi xứ Cao Miên. Chúng không phải cùng loài giống, con Vá không hiểu được chúng. Nhưng nó biết rằng xa xa bên kia - gần chuồng voi sau sở Ba-son - Có những con lợn rừng, nó đã nghe tiếng và đánh hơi thấy mà chẳng bao giờ gặp được.

Dọc dãy chuồng có hành lang xây theo kiểu khám đường Mỹ quốc, trên vài thân cột giả, có treo biển yết:

"Cấm kích thích các thú vật"
Và trước chuồng nó có biển đề.

HEO RỪNG
"SUS CROFA"
Tặng phẩm của ngài Lơ-công

Đám khách thị thành nhàn du, ngày ngày đi qua trước các cửa chuồng. Những con gấu rẻ tiền chồm chồm chấp tay há mồm chờ bánh mì, chuối, lạc rang mà trẻ con có quyền vứt cho chúng, và trò đó làm cho các ông phán già che ô cấm cản đứng xem thích thú, cũng như các cô khâu đầm, các chị vú em, các bà mẹ và em bé đều lấy làm hoan hỉ.

Trên thân cột giả nổi liền chuồng nó và chuồng con hổ, có treo biển chữ in trắng men bằng tiếng Pháp, đưa từ Pa-ri sang:

*"En raison des acciden's survenus aux animaux
II est Formellement Interdit
sous peine de puorsuites judiciaires
De jeter quoi que ce soit aux carnassiers"(1)*

Nó bị liệt vào hàng thú dữ ăn thịt sống chẳng? Hay đó là một sự giam nhốt nhầm lẫn?

(1) "Cấm vứt bất cứ thứ gì cho thú dữ, vì có thể xảy ra tai nạn cho súc vật, nếu vi phạm sẽ bị truy tố trước tòa án".

Hay bởi cặp nanh nhọn cong để tự vệ của nó khiến người ta nghĩ nó có thể ăn thịt mình? Và chọc phá kích thích giận dữ, biết đâu nó sẽ phá chuồng ra nhai xương họ cũng nên? Dù thế nào mặc lòng, đám khách thượng lưu cũng cảm thấy rất an tâm khi nhìn vào những cặp nanh cong nhọn hoắt của con lợn rừng đồ sộ bên trong hàng song sắt như nhìn bức ảnh một tên bạo loạn bị bắt, trương lên trang nhất của tờ *Lục tỉnh tân văn* và họ rất mực tri ân nhà cầm quyền đã hết lòng bảo vệ tính mạng và tài sản của họ.

Khi mới bị đưa nhốt về đây, nó ngỡ chỉ là một trạm chuyển tiếp, để rồi người ta sẽ đưa nó trở về với chủ nó. Nó lại được đeo vòng da vào cổ, có chiếc lục lạc leng keng đến là vui tai. Đôi lúc nó cũng ị... ị... đòi những người đứng bên ngoài đùa nghịch với nó, như trước kia người ta đã dạy tập nó, không xa cách rừng quê hương của nó là bao. Đám khách kiêu sa ngạo mạn càng chỉ trỏ chế giễu, cho là nó cũng xin xỏ đòi ăn như những con gấu chó, gấu lợn. Thái độ khiêu khích điên cuồng trước con vật bị cầm tù! Họ không biết rằng chính họ cũng đang bị giam nhốt trong một nhà tù mệnh mông đó sao?

Tháng ngày ồn ã trôi qua, cho dù cách biệt ở một nơi có suối nước, có ao hồ, một bên dòng sông nhiễm đặc mùi bùn những tiếng còi ô-tô, tiếng chuông xe điện, tiếng nhà máy, mùi xăng dầu và loa quảng cáo vẫn tràn vào khu vực đây

cây xanh và cỏ thụ yên tĩnh, bên rìa thành phố này.

Hai mùa mưa đổ trắng xuống các rặng còng và những cây phượng vĩ gần hồ nuôi cá đã hai lần rắc xuống thảm cỏ xanh những cánh hoa đỏ rực.

Từ lâu, nó không còn chồm lên song sắt để vận động các cơ bắp, như con báo lảng giềng, ngày ngày không mệt mỏi nhào lộn phí sức vô ích, mà không bao giờ có thể thoát ra được. Nó cũng không nhảy bắt con mồi tưởng tượng chẳng bao giờ đuổi kịp. Nó nhớ ngôi nhà sàn thấp, xinh xinh, tràn ngập ánh nắng, quanh vùng rừng xưa là một thế giới đầy rẫy những con rắn nước, rắn mái gấm con bò chậm chạp trong các lùm rậm, các bụi gai chùm lế... những tổ trứng trích, trứng le le thơm sực mùi cỏ khô lốt trong lau sậy, và cứ nằm ngơ ngẩn nhớ mùi hăng hăng của lá cỏ cây rừng.

Ở đây một cuộc sống đơn điệu, các bữa ăn nhàm chán lặp lại hàng ngày, tường đá xám lạnh lẽo và các chấn song đen sì. Nó không phạm trọng tội gì. Nhưng nó không chống chọi nổi cái lạnh. Cái lạnh đã luồn vào bên trong tim phổi nó. Ngày lại ngày nó càng kém sức dẻo dai. Trở nên chậm chạp. Và khốn nạn hơn, thứ khí lạnh ẩm ướt xám xịt tràn ngập dãy chuồng đá, cuối cùng đã găm nhấm các đầu khớp bộ phận cơ thể và đường xương sống của nó, đến nỗi nó không thể nhảy lên nằm trên các bậc gỗ.



Từ trong thẳm sâu tâm hồn nó, mong muốn được gặp lại chủ cũ dâng lên. Nó đợi chờ. Nhiều lúc nó cố tìm xem trong những gương mặt kia có chủ nó không, có khi nó nằm lim dim lắng nghe trong các giọng nói, tiếng cười, hy vọng nhận ra giọng tiếng quen thuộc của con người ngày xưa. Giờ đây mòn mỏi hết trông chừng vào đám đông rồi, suốt ngày nó nằm còng queo, lơ mơ ngủ. Chỉ đến giờ đã định, dạ dày đòi hỏi cần phải ăn, nó mới thấy chút ít hào hứng hoạt động trở lại.

Chính lúc mà con Vá không còn hy vọng gặp lại chủ nữa, thầy Bảy đã tới. Nó đứng nhìn ông khách chờ mọi người đi hết mới lảng lảng một mình bước đến bên chuồng nó. Mắt nó không còn nhận ra ở ông một chút gì. Thầy Bảy đã trút bộ quần áo bà ba đen, chiếc nón lá... để thay bằng bộ quần áo ka-ki xanh bạc màu, lấm tấm vệt dầu.

- Vá ơi! Con gái khốn khổ của ba! Mày không còn nhận ra ba nữa sao?

Con Vá đang bước đi bỗng dừng phắt lại, nháy sang một bên mắt nhìn căng thẳng, làn da trán co lại và vẩy đuôi liên tục.

- Con đã lớn rồi mà ba vẫn cứ nghĩ con còn bé dại. Chính vì thương con đó mà ba đã làm mày khổ cả một đời. Ồ, phải chi hồi đó...

Tưởng chừng như trên thế gian này không gì có thể tách rời nó khỏi con người đang tiếp tục nói với nó bằng giọng xúc động, những lời đầy tin cậy và thương quý ngày xưa. Trong khi

thầy nói, hai bên hông con Vá hóp vào và từ trong cổ họng sù sù của nó thoát ra một tiếng dài, một tiếng thật dài khàn khàn xiết bao êm ái.

Nó lăn ra, chờ chủ gãi lưng như lúc còn là con lợn rừng bé nhỏ và khi đánh hơi thấy bàn tay chủ thò vào song sắt, nó liền chồm dậy, rướn cổ thè chiếc lưỡi nhám nóng hằm hập liếm mãi bàn tay đã từng vỗ về, chăm sóc nó ngày xưa. Thầy nhìn làn da trán nó cọ liên miên vào song sắt đã dần thành một cục chai, còn túm lông đuôi thì xơ xác quá. Từ lúc nó bị hương quản bắt đi, không ai có thể đến gần để tắm rửa, chải lông cho nó, từ mình con Vá xông ra một mùi hôi nồng nặc làm cho bộ mã u sù của nó trông càng thê thảm. Từng chập nó ngậm mất bàn tay thầy trong cái họng dài to tướng rồi lại nhả ra và nhìn chủ bằng cái nhìn cật vấn đầy trách móc, ngốc nghếch y như thuở lên hai tuổi nó đã nhìn thấy vắng trắng đêm đêm cứ tròn dần ra.

- Sắp tới giờ đóng cửa rồi! - Người gác-điêng nói sau lưng thầy Bảy. Khi thầy rút tay ra, quay mặt lại ông ta hất bộ ria củ ấu, hỏi: - Chắc trước kia, anh có làm bồi cho quan chủ tỉnh Rạch Giá?

- Dà! Mà chỉ ít lâu thôi... - Thầy Bảy cười nhin nhục, đáp ứng như một tất nhiên để giấu tông tích "tên bạo loạn đang bị nhà nước truy lùng". Còn vài hôm nữa, thầy sẽ được các đồng chí đưa xuống tàu ra hải ngoại học tập lớp đào



tạo cán bộ phong trào chọn lựa từ các tầng lớp trẻ: thanh niên đi làm nghĩa và thầy giáo yêu nước vừa được Đảng giác ngộ.

*

* *

Con Vá nằm đó, trong gian chuồng ẩm thấp, lông hoe hoe một màu vàng xỉn. Thiên hạ gọi nó là dã thú. Nó đã mất tên, không còn là con lợn rừng của ai và cũng chẳng còn là con vật thuộc nhà cầm quyền.

Lá vàng rụng thay cho bụi lóc mùa hè rồi gió bắc thổi về đưa cái lạnh từ phương Bắc xuống, thâm nhập vào buồng phổi con Vá đã yếu uệ lắm rồi. Mùa này sang mùa khác, nó đã hoài công đợi chờ con người có tâm hồn trong sáng, độ lượng đã âu yếm gọi tên nó là con Vá tới thăm nó một lần nữa, con người đã từng chăm chút nuôi dưỡng, trông thấy nó lớn lên, từng cứu nó thoát chết, đã làm tiêu tan trong lòng nó sự hiểu lầm muôn thuở làm xa cách những con người với các loài vật sống trong hoang dã.

"Cấm kích thích các thú vật!"

Con Vá đâu còn có thể bị kích thích nữa. Thú bệnh khủng khiếp tàn phá buồng phổi con người, rình mò dọc dãy chuồng ẩm ướt, kém vệ sinh đã thừa cơ nó suy nhược, tấn công nó đổ gục.

Ánh đèn gác vàng vọt chiếu qua hàng song sắt. Nó nằm đó, từ cổ họng thoát ra một tiếng

rên dài ảm đạm, khàn khàn. Dâu phải nơi đây là chốn loài giống của nó hẹn gặp Tử Thần. Một làn sóng gợn chạy dài trên sườn và hai bên hông nó. Và những tiếng rên rĩ nối liền theo. Kiệt sức bởi muộn phiền và số phận nặng trĩu đè bẹp xuống, con Vá phát lên tiếng gào tuyệt vọng về với núi rừng.

Dầu phía kia, những con lợn rừng độc chiếc bị bẫy bắt đưa về từ rừng lá Ninh Thuận, từ rừng cao Tây Nguyên đã nghe thấy tiếng gọi của con Vá. Tất cả những điều mà viên y sĩ thú y, ông phó giám đốc và người gác không hiểu được, đã làm lay động chúng sau những chấn song. Những chiếc nanh cong của chúng nhe ra, vành mép nhếch ngược, lông gáy dựng dựng, cổ họng rung mãnh liệt. Và những tiếng gầm gào không ngớt học lên, vang dội cả một dọc dài bờ sông Thị Nghè chìm trắng trong sương đêm.

Lơ lảo giữa hư ảo đang bắt đầu trỗi xuống, con Vá bắt gặp lại những tiếng nó đã nghe, trên hàng hiên ngôi nhà sàn, một đêm trắng xao xuyến từ bên kia cánh rừng vọng sang. Nó cựa mình chồm dậy, gượng đứng lên, nhưng lại ngã vật xuống, đập vào nền đá. Bên trong nó đang triển khai cuộc giành giật giữa sự sống cố vận động các cơ bắp lấy lại sinh khí và cái chết cứ lần dần từng bộ phận, giữa tiếng gọi muốn dựng nó lên và tình cảm đã dí nó xuống, trong tâm hồn méo mó đã biến nó thành một nô lệ của những con người.



Trong các chuồng lân cận, bóng đen lơ lơ của các loài dã thú khác cứ nặng nề lượn vòng, sát lưng vào tường và các chấn song, đầu nghiêng nghiêng, cổ vươn dài tới trước, chậm chạp bước từng bước từng bước thận trọng như lúc dõi theo mồi. Con thì mắt đỏ rực, con thì mắt xanh lè chói ngời đầy ánh lân quang.

Đêm thăm thẳm buốt lạnh, đen mù. Con Vá lại tiếp tục rên rỉ. Nó thở hổn hển, mũi lắc lắc như một ống bễ lò rèn quá cũ mòn đã mất hết tác dụng. Nó thủ động đậy. Nhưng cái lạnh cóng dưới bốn chân cứ từ từ dâng lên ngược về đến quả tim, trong bộ da bùng nhùng. Bốn chiếc móng guốc sắc nhọn của nó duỗi ra, không co lại được nữa và tai nó cụp xuống như lúc lên cơn giận dữ. Nó ngợp ngợp nhại lại một cách vụng về, động tác nhai rể củ gấu gấu của những con lợn rừng đang sống giữa ngàn xanh tự do.

Tiếng than vãn của con Vá, tất cả đám lợn rừng không ngủ bên kia đều chăm chú lắng nghe. Nó hối tiếc lần cuối cùng rằng nó đã khinh khỉnh coi thường tình cảm của giống loài, và lòng nhớ ơn mà nó vẫn giữ theo tập tính giống loài đã ràng buộc nó với con người mà nó không còn bao giờ gặp lại. Giọng khàn khàn run rẩy của nó thú nhận với tất cả các loài giống láng giềng rằng nó đã bội ước với định luật của ngàn xanh, chỉ vì thích ở lại trong nhà người có tổ ấm, có ủ lá chuối khô và

thức ăn nấu chín hơn là về với những con lợn rừng đục dữ tợn và khờ khạo.

Bỗng nó rùng mình một cái, cổ xuôi ra. Vạch cầu nối cuối cùng giữa đầu và tim đã gãy. Khắp vườn cây um tùm của Sở thú Sài Gòn nửa đêm bỗng rung lên, chấn động liên tục các tiếng gầm: lừ đừ hung dữ, phần nộ, ai oán của tất cả các loài mãnh thú đồng cảnh cùng cất lên những tiếng gào tự do, mệnh mông vô bờ.

Sáng sớm hôm sau, người gác đi dọc dãy chuồng trông thấy con Vá cứng đờ nằm lù lù một đống, mép xệ cong, he hé thông ra chiếc lưỡi trắng bột, một nửa bị răng hàm cắn ngập.

19-12-1982

MỤC LỤC

Trang

1. Thay lời giới thiệu5
2. Đất rừng phương Nam13
3. Tiếng gọi ngàn329

ĐẤT RỪNG PHƯƠNG NAM

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

55 Quang Trung - Hà Nội. ĐT: 04 9434 730 - 04 9435 831 Fax: 04 8229 085

Internet web site: <http://www.nxbkimdong.com.vn> - Email: kimdong@hn.vnn.vn

TRUNG TÂM SÁCH KIM ĐỒNG MIỀN TRUNG

102 Ông Ích Khiêm - TP Đà Nẵng. ĐT: (0511) 812 333 - 812 335 - Fax: (0511) 812 334

Email: mtkimdong@dng.vnn.vn

CHI NHÁNH NXB KIM ĐỒNG

268 Nguyễn Đình Chiểu - TP Hồ Chí Minh. ĐT: 08 9303 832 - Fax: 08 9305 867

Email: cnxbkimdong@hcm.fpt.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản : PHẠM QUANG VINH

Chịu trách nhiệm bản thảo : LÊ THỊ DẤT

Biên tập : TRẦN ĐÌNH NAM

Trình bày : LƯU QUANG THUY

Trình bày bìa : TRẦN VIỆT ANH

Sửa bài: LÊ THỊ VU

In 5.000 bản - Khổ 12,5 cm x 20,5 cm - Tại Công ty In Công Đoàn Việt Nam

Số XB: 120-2005/CXB/36-72/KĐ cấp ngày 16/11/2005

In xong và nộp lưu chiểu tháng 2/2006.

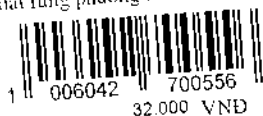
Đất Rừng Phương nam



Cái chất thơ mà Đoàn Giỏi gửi vào từng trang bút ký, vốn bắt nguồn từ tình yêu đối với mảnh đất và con người Nam bộ và được thể hiện trong từng chi tiết miêu tả, trong ngôn ngữ và tính cách nhân vật. Cái “chất liệu miền Nam” ấy đã đem tới nền văn học của chúng ta trong những năm 50, 60 ngày ấy một sự khởi sắc đầy ấn tượng mới mẻ, hấp dẫn, một thứ bổ sung cho cách nhìn về con người và thiên nhiên vùng đất phương Nam.

Nhà văn **Nguyễn Bao**

đất rừng phương nam (KĐ)



32.000 VNĐ

Giá : 32.000đ